

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTCP ngày 11/4/2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ và Kế hoạch tiến hành thanh tra trách nhiệm của UBND tỉnh Bình Định trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC); phòng, chống tham nhũng (PCTN) (từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017) và pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng (ĐT XD) trên địa bàn tỉnh (từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2017), UBND tỉnh Bình Định báo cáo cụ thể như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Những năm qua (2015 - 2017), được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ và các Bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Định đã tranh thủ thời cơ, ra sức khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi, nỗ lực phấn đấu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đạt được những kết quả tích cực⁽¹⁾.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định trong những năm qua cũng còn một số mặt tồn tại, yếu kém như: Kinh tế của tỉnh tuy tiếp tục tăng trưởng, nhưng thiếu bền vững, tăng trưởng chủ yếu dựa vào yếu tố lao động và vốn, năng suất các nhân tố tổng hợp thấp hơn nhiều so với bình quân chung của cả nước. Nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế. Thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài còn nhiều khó khăn. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất đai, gây ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi. Chất lượng một số hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ còn thấp. Trật tự an toàn xã hội và an ninh nông thôn ở một số địa phương có mặt diễn biến phức tạp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước một số ngành, lĩnh vực, địa phương còn hạn chế. Công tác cải cách hành chính chuyển biến chưa rõ nét, đặc biệt là thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển. Tình hình tham nhũng, lãng phí, vi phạm chính sách, pháp luật, khiếu nại, tố cáo còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân...

(1) Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng bình quân 7,92%/năm; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tính đến cuối năm 2017, tỷ trọng nông, lâm, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ - thuế trừ nợ cấp sản phẩm trong GRDP đạt: 25,4% - 30,5% -39,8% -4,3%. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 3,97%/năm, năm 2017 đạt 740 triệu USD. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 7,33%/năm, năm 2017 đạt 6.950 triệu đồng. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 10,63%/năm, năm 2017 đạt 31.495 tỷ đồng, bằng 48,5% GRDP. Các hoạt động văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Quốc phòng an ninh được đảm bảo. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Trong bối cảnh tình hình trên, đồng thời với việc tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương trong tỉnh đã quan tâm chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN và quản lý ĐTXD đạt được những kết quả thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KNTC, PCTN VÀ QUẢN LÝ ĐTXD

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KNTC VÀ PCTN (TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN 31/12/2017)

1. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước (Biểu số 01)

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, quyết định, hướng dẫn, kế hoạch... để thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, KNTC và PCTN

Trong kỳ, UBND tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi chung là lãnh đạo các ngành, địa phương*) trong tỉnh đã sửa đổi, bổ sung, ban hành 285 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, quyết định, kế hoạch để thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN, trong đó có 89 văn bản chỉ đạo thực hiện pháp luật về thanh tra; 63 văn bản chỉ đạo thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC; 133 văn bản chỉ đạo thực hiện pháp luật về PCTN; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 27 văn bản, trong đó có 04 văn bản quy phạm pháp luật⁽²⁾; lãnh đạo các ngành, địa phương ban hành 258 văn bản. Đến nay, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã ban hành, cụ thể hoá đầy đủ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế và hoạt động các cơ quan thanh tra nhà nước và tổ chức thanh tra tại các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở.

Việc xây dựng, ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch, quyết định để chỉ đạo, hướng dẫn, cụ thể hoá việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN bảo đảm kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Công tác theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN được UBND tỉnh chú trọng chỉ đạo các ngành, địa phương thực

(2) Các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung trong thời gian qua gồm: Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 về việc ban hành Nội quy tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bình Định; Quyết định số 72/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 Quy định chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở trong những ngày đi thực tế trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 Quy định mức trích, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Bình Định.

hiện thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Trong kỳ, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN, 06 năm thi hành Luật Thanh tra, 04 năm thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và 03 năm thi hành Luật Tiếp công dân theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ. Tổ chức thực hiện việc đánh giá công tác PCTN của UBND tỉnh năm 2016 và năm 2017 theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-TTCP ngày 18/9/2014 của Thanh tra Chính phủ Quy định về nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác PCTN. Qua tổng kết, đánh giá đã rút ra những bài học kinh nghiệm; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục chỉ đạo thực hiện phù hợp, có hiệu quả các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

1.2. Công tác học tập, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong kỳ, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương trong tỉnh đã chỉ đạo tổ chức 284 hội nghị để phổ biến quán triệt, tập huấn nghiệp vụ, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN cho 30.287 lượt cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; đồng thời đã chỉ đạo phổ biến, tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp khác như: niêm yết công khai các văn bản chính sách, pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN tại Trụ sở làm việc, đăng tải trên Trang thông tin điện tử; lồng ghép trong việc quán triệt, triển khai các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thông qua các hoạt động của Mặt trận, các hội, đoàn thể quần chúng ở cơ sở; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đưa nội dung PCTN vào giảng dạy trong các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh từ năm học 2013 - 2014 theo Đề án 137/TTg và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trong 02 năm 2015 và 2016, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện Đề án "*Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*" của Bộ Tư pháp (Đề án 4061)⁽³⁾ và Đề án "*Tiếp tục tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ và nhân dân ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2013 - 2016*" (Đề án 1-1133/QĐ-TTg).

1.3. Công tác kiểm tra, thanh tra trách nhiệm

Công tác theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN được tăng cường. Trong kỳ,

(3) Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh năm 2015"; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân năm 2016 trên địa bàn tỉnh".

UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành 91 cuộc kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN tại 203 cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó UBND tỉnh đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh đã tiến hành 09 cuộc kiểm tra, thanh tra tại 31 cơ quan, đơn vị; các ngành, địa phương chỉ đạo tiến hành 82 cuộc kiểm tra, thanh tra tại 172 cơ quan, đơn vị. Qua kiểm tra, thanh tra đã kiến nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 21 tổ chức và 02 cá nhân người đứng đầu.

Cụ thể, Thanh tra tỉnh đã tiến hành 09 cuộc kiểm tra, thanh tra, tại 31 cơ quan, đơn vị gồm: 04 cuộc thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, KNTC và PCTN tại 04 sở, ban, ngành⁽⁴⁾; chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng có liên quan giúp Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn Kiểm tra để tiến hành kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa X) về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"* đối với người đứng đầu 05 ngành, địa phương⁽⁵⁾; tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN năm 2017 tại 10 ngành, địa phương⁽⁶⁾. Năm 2015, tiến hành thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC. Năm 2017, phối hợp với Ban Tiếp công dân tỉnh kiểm tra việc thi hành 85 quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của UBND tỉnh tại 09 ngành, địa phương; tiến hành kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân đã được Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản giao trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền tại 06 huyện, thị xã, thành phố. Qua kiểm tra, thanh tra đã kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm đối với 09 tổ chức và cá nhân 02 người đứng đầu.

Theo thẩm quyền, lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành 82 cuộc kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu tại 172 cơ quan, đơn vị là Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN và việc thực hiện các nhiệm vụ được cấp trên giao. Qua kiểm tra, thanh tra đã kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm đối với 12 tổ chức.

Kết quả kiểm tra, thanh tra trách nhiệm cho thấy việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn có những mặt tồn tại, hạn chế, khuyết điểm tương đối phổ biến như: một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa xây dựng, ban hành kịp thời các chương

(4) Tại Sở Thông tin – Truyền thông, Sở Khoa học - Công nghệ, Sở Tư pháp và Ban Dân tộc tỉnh. Kết quả thanh tra đã có Kết luận thanh tra số 166/KL-TTr ngày 24/3/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh tại Sở Thông tin và Truyền thông; Kết luận thanh tra số 165/KL-TTr ngày 24/3/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ; Kết luận thanh tra số 738/KL-TTr ngày 17/11/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh tại Ban Dân tộc tỉnh; Kết luận thanh tra số 739/KL-TTr ngày 17/11/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh tại Sở Tư Pháp.

(5) Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn. Giám đốc sở Y tế, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

(6) Sở Công thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện: Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Vân Canh, Hoài Nhơn và Phù Mỹ.

trình, kế hoạch, văn bản để chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý. Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN tuy có quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhìn chung còn nặng tính hình thức, bố trí nguồn lực hạn chế, hiệu quả chưa cao so với yêu cầu. Người đứng đầu một số nơi chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là tình trạng chậm ban hành kết luận thanh tra và chỉ đạo xử lý kết quả thanh tra, chậm xem xét, giải quyết các vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền; tổ chức thực hiện việc tiếp công dân chưa thường xuyên, ít hiệu quả. Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý về tố cáo đã có hiệu lực pháp luật tuy được chú trọng, nhưng hiệu quả nhìn chung chưa cao so với yêu cầu đặt ra; có một số vụ việc tồn đọng trong thời gian dài, chưa được xử lý dứt điểm. Việc phát hiện hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí qua hoạt động thanh tra, giải quyết KNTC của công dân còn ít. Việc thực hiện các cuộc thanh tra; tiếp nhận, xử lý đơn thư; thụ lý giải quyết các vụ việc KNTC; thực hiện các quy định về công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, minh bạch tài sản, thu nhập, xây dựng và thực hiện kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có trường hợp còn sai sót về trình tự thủ tục, thời hạn quy định. Việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN nhìn chung chưa nghiêm, phổ biến tình trạng báo cáo chậm, không đầy đủ, chất lượng báo cáo chưa cao...

Ngoài việc tiến hành các cuộc kiểm tra, thanh tra trách nhiệm theo Đoàn, thời gian qua, Thanh tra các cấp, các ngành đã chú trọng thực hiện thường xuyên nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thi hành pháp luật; sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan; tăng cường quan hệ phối hợp giữa cơ quan Thanh tra với Ủy ban Kiểm tra của Đảng, các ngành trong khối nội chính, Mặt trận và các đoàn thể, nhất là việc phối hợp trong xử lý kết quả thanh tra, giải quyết các vụ việc KNTC, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm, tham nhũng do các cơ quan thanh tra phát hiện, kiến nghị xử lý,

2. Công tác thanh tra

2.1. Thanh tra hành chính (Biểu số 02)

2.1.1. Việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm

Hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, đúng định hướng của Thanh tra Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm của các cấp, các ngành đã tuân thủ nghiêm quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, Thông tư số 01/2014/TT-TTCTP ngày

23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ Quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra.

Công tác khảo sát, nắm tình hình, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch thanh tra được chú trọng, do đó chất lượng kế hoạch thanh tra được đảm bảo; đồng thời chủ động hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp ngay từ khâu xây dựng kế hoạch. Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra hàng năm đối với các ngành, địa phương được Thanh tra tỉnh chú trọng thực hiện thông qua việc ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung kế hoạch thanh tra để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành; góp ý điều chỉnh, bổ sung những vấn đề chưa phù hợp, có chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng, phạm vi thanh tra.

UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan xử lý kịp thời tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, nhất là đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, Thông tư số 01/2014/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ và Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành *“Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập”*. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2943/UBND-NC ngày 12/6/2017 chỉ đạo các ngành, địa phương chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và phối hợp xử lý tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp theo tinh thần Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm trong thời gian qua nhìn chung đã được các cấp, các ngành tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2014/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ. Chất lượng kế hoạch thanh tra được đảm bảo, phù hợp với tình hình thực tiễn, có tính khả thi cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm so với thời gian quy định; nội dung kế hoạch còn dàn trải; khối lượng công việc nhiều, tính khả thi không cao; không xác định rõ đối tượng, phạm vi, thời gian triển khai kiểm tra, thanh tra, do đó gây khó khăn cho việc điều hoà, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra trên địa bàn tỉnh.

2.1.2. Việc triển khai các cuộc thanh tra

Trong kỳ, các cấp, các ngành trong tỉnh đã chỉ đạo triển khai 255 cuộc thanh tra hành chính, tại 664 cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập trung vào các ngành, lĩnh vực; quản lý, sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản; quản lý tài chính và ngân sách nhà nước; quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản; thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội và những vụ việc bức xúc, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Trong số 255 cuộc thanh tra đã triển khai, có 52 cuộc kỳ trước chuyển sang, 203 cuộc triển khai trong năm; 206 cuộc theo kế hoạch, 49 cuộc đột xuất; Thanh tra tỉnh tiến hành 36 cuộc, trong đó có 01 cuộc thanh tra lại; Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố tiến hành 165 cuộc; Thanh tra các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tiến hành 54 cuộc. Chia theo từng năm cụ thể như sau:

- **Năm 2015:** Tiến hành 79 cuộc, gồm kỳ trước chuyển sang 21 cuộc, triển khai trong kỳ 58 cuộc; 62 cuộc theo kế hoạch và 17 cuộc đột xuất; Thanh tra tỉnh tiến hành 11 cuộc (*03 cuộc kỳ trước chuyển sang, 08 cuộc triển khai trong kỳ, 07 cuộc theo kế hoạch, 04 cuộc đột xuất*); Thanh tra huyện tiến hành 53 cuộc (*15 cuộc kỳ trước chuyển sang, 38 cuộc triển khai trong kỳ, 44 cuộc theo kế hoạch, 09 cuộc đột xuất*); Thanh tra sở tiến hành 15 cuộc (*03 cuộc kỳ trước chuyển sang, 12 cuộc triển khai trong kỳ, 14 cuộc theo kế hoạch, 01 cuộc đột xuất*).

- **Năm 2016:** Tiến hành 86 cuộc, gồm kỳ trước chuyển sang 17 cuộc, triển khai trong kỳ 69 cuộc; 71 cuộc theo kế hoạch và 15 cuộc đột xuất; Thanh tra tỉnh tiến hành 12 cuộc (*02 cuộc kỳ trước chuyển sang, 10 cuộc triển khai trong kỳ, 08 cuộc theo kế hoạch, 04 cuộc đột xuất*); Thanh tra huyện tiến hành 57 cuộc (*14 cuộc kỳ trước chuyển sang, 43 cuộc triển khai trong kỳ, 47 cuộc theo kế hoạch, 10 cuộc đột xuất*); Thanh tra sở tiến hành 17 cuộc (*01 cuộc kỳ trước chuyển sang, 16 cuộc triển khai trong kỳ, 16 cuộc theo kế hoạch, 01 cuộc đột xuất*).

- **Năm 2017:** Tiến hành 90 cuộc, gồm kỳ trước chuyển sang 14 cuộc, triển khai trong kỳ 76 cuộc; 70 cuộc theo kế hoạch và 20 cuộc đột xuất; Thanh tra tỉnh tiến hành 13 cuộc (*02 cuộc kỳ trước chuyển sang, 11 cuộc triển khai trong kỳ, 07 cuộc theo kế hoạch, 06 cuộc đột xuất*); Thanh tra huyện tiến hành 55 cuộc (*09 cuộc kỳ trước chuyển sang, 46 cuộc triển khai trong kỳ, 44 cuộc theo kế hoạch, 11 cuộc đột xuất*); Thanh tra sở tiến hành 22 cuộc (*03 cuộc kỳ trước chuyển sang, 19 cuộc triển khai trong kỳ, 19 cuộc theo kế hoạch, 03 cuộc đột xuất*).

Việc triển khai các cuộc thanh tra trong kế hoạch thanh tra hàng năm được Thanh tra các cấp, các ngành thực hiện một cách chủ động, tích cực, khẩn trương, cơ bản đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số cuộc thanh tra trong kế hoạch được triển khai chậm tiến độ, phải chuyển tiếp sang năm sau, nhất là đối với các cuộc thanh tra do Thanh tra huyện, Thanh tra sở tiến hành.

2.1.3. Việc chấp hành quy định về quy trình thanh tra

Các cuộc thanh tra do Thanh tra tỉnh và Thanh tra các ngành, địa phương tiến hành trong thời gian qua được thực hiện theo đúng quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra. Tuy nhiên, vẫn còn một số cuộc thanh tra chậm tiến độ; chậm ban hành kết luận thanh tra và xử lý kết quả thanh tra, nhất là đối với các cuộc thanh tra đột xuất, có nội dung, quy mô, tính chất phức tạp. Lãnh đạo một số ngành, địa phương chậm xem xét, ban hành kết luận thanh tra và chỉ đạo xử lý kết quả thanh tra theo thẩm quyền.

2.1.4. Kết luận thanh tra

Tính đến 31/12/2017, trong số 255 cuộc thanh tra triển khai trong kỳ, đã ban hành kết luận thanh tra, chỉ đạo xử lý đối với 197 cuộc. Kết quả thanh tra phát hiện 301 cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, sai phạm, trong đó sai phạm về kinh tế 64.868 triệu đồng, 69.057.616 m² đất các loại; đã kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 23.180 triệu đồng, 16.637 m² đất các loại, kiến nghị xử lý hình thức khác (*ghi thu, ghi chi, giảm trừ quyết toán, chuyển hồ sơ vụ việc sang Cơ quan điều tra...*) 41.688 triệu đồng và 69.040.979 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính 74 tập thể, 207 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo pháp luật 08 vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

Kết quả thanh tra cho thấy, tình hình vi phạm chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn xảy ra tương đối phổ biến, phức tạp, đa dạng, có vụ nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn tài sản, tiền bạc của Nhà nước, nhất là trên các lĩnh vực: đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản, tài chính - ngân sách, đầu tư xây dựng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- ***Trên lĩnh vực tài chính - ngân sách:*** Đã tiến hành 109 cuộc thanh tra tại 253 cơ quan, đơn vị; phát hiện 101 cơ quan, đơn vị có sai phạm, vi phạm, trong đó sai phạm về kinh tế 13.632 triệu đồng; kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 5.946 triệu đồng, xử lý hình thức khác 7.686 triệu đồng; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính 23 tập thể, 98 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo pháp luật 04 vụ có dấu hiệu tội phạm.

Qua thanh tra cho thấy, những dạng sai phạm, vi phạm xảy ra phổ biến ở nhiều cơ quan, đơn vị là: chi tiêu sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định; hạch toán, quyết toán sai, gây thất thu, thất thoát ngân sách nhà nước; sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp lệ, không đúng quy định; buông lỏng quản lý, kiểm tra, giám sát để cho một số cá nhân lợi dụng chiếm dụng, chiếm đoạt, tham ô, sử dụng lãng phí tiền của Nhà nước, tập thể và một số sai phạm khác.

- ***Trên lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng:*** Đã tiến hành 25 cuộc thanh tra tại 35 cơ quan, đơn vị, phát hiện 28 cơ quan, đơn vị có vi phạm, sai phạm, trong đó sai phạm về kinh tế 6.665 triệu đồng, 88.603 m² đất các loại; kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 3.606 triệu đồng và 3.072 m² đất các loại; kiến nghị xử lý bằng các hình thức khác 3.059 triệu đồng và 85.531 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính 01 tập thể, 16 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo pháp luật 01 vụ có dấu hiệu tội phạm.

Qua thanh tra cho thấy các vi phạm, sai phạm xảy ra phổ biến là: Thanh toán sai khối lượng, định mức, đơn giá cho các đơn vị thi công; công tác thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán của chủ đầu tư còn nhiều hạn chế; nhiều công trình thi công chậm tiến độ; việc bố trí vốn đối ứng thanh toán công trình hoàn thành chưa chủ động và đạt tỷ lệ thấp so với tổng vốn đầu tư; nhiều công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán theo đúng quy định của Nhà nước...

- ***Lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai:*** Đã tiến hành 46 cuộc thanh tra tại 145 cơ quan, đơn vị; phát hiện 64 cơ quan, đơn vị có vi phạm, sai phạm, trong đó sai

phạm về kinh tế 6.211 triệu đồng và trên 86.160.000 m² đất các loại⁽⁷⁾; kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 4.442 triệu đồng và trên 13.000 m² đất các loại; kiến nghị xử lý hình thức khác 1.769 triệu đồng và trên 68.147.000 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm, xử lý hành chính 29 tập thể, 56 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo pháp luật 02 vụ có dấu hiệu tội phạm.

Qua thanh tra cho thấy các vi phạm, sai phạm xảy ra phổ biến là: không lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch chung; xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa sát thực tế, nên khó thực hiện; buông lỏng quản lý đất đai để cho các tổ chức, cá nhân lấn chiếm sử dụng đất công trái phép; chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái pháp luật; giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền; sử dụng đất kém hiệu quả; công tác chỉnh lý biến động đất đai không kịp thời; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân còn chậm; xác nhận thủ tục hồ sơ, nguồn gốc đất còn sai sót về diện tích, nguồn gốc đất, gây thất thu cho Nhà nước...

- **Lĩnh vực văn hóa - xã hội và một số nội dung khác:** Đã tiến hành 75 cuộc thanh tra (trong đó có 01 cuộc thanh tra lại) trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách bảo đảm an sinh xã hội và một số nội dung khác, tại 230 cơ quan, đơn vị; phát hiện 108 cơ quan, đơn vị có vi phạm, sai phạm, trong đó sai phạm về kinh tế 38.360 triệu đồng; kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 9.186 triệu đồng; kiến nghị xử lý hình thức khác 29.174 triệu đồng; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính 21 tập thể, 37 cá nhân có khuyết điểm, sai phạm; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo pháp luật 01 vụ có dấu hiệu tội phạm.

Qua thanh tra cho thấy sai phạm, vi phạm xảy ra khá phổ biến là việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư cho các lĩnh vực văn hóa – xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm... còn để xảy ra phổ biến tình trạng chi tiêu sai mục đích, sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức; việc thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội như: giải quyết chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, chương trình hỗ trợ cho hộ nghèo về nhà ở sai đối tượng quy định...

2.1.5. Kết quả kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra

Tất cả các cuộc thanh tra sau khi ban hành kết luận thanh tra đều được Thanh tra các cấp, các ngành ghi sổ để theo dõi theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-TTCP ngày 12/3/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Trên cơ sở theo dõi, Thanh tra các cấp, các ngành đã tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý đối với 142/197 cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra. Kết quả đã xử lý thu hồi

(7) Trong số 68.160.000 m² đất quản lý, sử dụng sai quy định, có 534.000 m² bị lấn chiếm; 104.000 m² được giao cấp sau quy định, trái thẩm quyền; 2.000 m² đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa được lập đúng, đầy đủ hồ sơ thủ tục pháp lý theo quy định; 52.000 m² đất chuyển nhượng, cho thuê trái quy định của pháp luật; 93.000 m² đất sử dụng sai mục đích, trái quy định; 128.000 m² đất được giao, nhưng không được quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và các dạng sai phạm khác 67.247 m².

nộp ngân sách nhà nước 14.176 triệu đồng, 3.072 m² đất các loại; cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện xong trình tự thủ tục kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính đối với 39 tổ chức và 139 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra có thẩm quyền để điều tra làm rõ, xử lý theo quản lý 08 vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

2.1.6. Đánh giá chung hoạt động thanh tra hành chính

Việc chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thanh tra hành chính trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 05/2014/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ. Nội dung thanh tra đã bám sát yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương và định hướng chương trình thanh tra hàng năm do Thanh tra Chính phủ hướng dẫn. Tình trạng chông chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được hạn chế. Việc triển khai thực hiện các cuộc thanh tra bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng quy trình thủ tục, công khai minh bạch. Việc công khai các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Chính phủ. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả thanh tra nhìn chung được đảm bảo. Kết quả thanh tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật nhiều vụ việc vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng; thu hồi về cho Nhà nước một số lượng đáng kể tiền, tài sản, đất đai bị thất thu, thất thoát, sử dụng lãng phí, chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số cơ chế, chính sách, pháp luật có sở hỏ, không còn phù hợp thực tiễn, góp phần chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, hoạt động thanh tra hành chính trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cũng còn không ít mặt tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc như: lãnh đạo một số ngành, địa phương chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm còn chậm so với thời gian quy định; chất lượng xây dựng kế hoạch thanh tra của một số ngành, địa phương chưa cao. Số cuộc thanh tra trong kế hoạch không hoàn thành được trong năm, phải chuyển tiếp sang năm sau còn nhiều⁽⁸⁾. Nhiều cuộc thanh tra thực hiện còn chậm tiến độ; chậm ban hành kết luận thanh tra, chậm chỉ đạo xử lý kết quả thanh tra. Một số ngành, địa phương chưa chỉ đạo thực hiện thường xuyên, kiên quyết công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, do đó hiệu lực, hiệu quả xử lý sau thanh tra nhìn chung chưa cao so với yêu cầu. Số vụ việc tham nhũng, lãng phí, có dấu hiệu tội phạm phát hiện qua thanh tra chưa nhiều...

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do: tình hình KNTC của công dân trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua diễn biến phức tạp, số vụ việc thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước các cấp giao cho cơ quan Thanh tra thụ lý, đề xuất giải quyết tương đối nhiều, trong khi lực lượng cán bộ thanh tra có hạn, do đó ảnh hưởng tiến độ thực hiện kế hoạch thanh tra đã đề ra. Một số cuộc thanh tra, nhất là các cuộc thanh tra đột xuất, có nội dung

(8) Có 23 cuộc thanh tra triển khai trong năm 2015 chuyển tiếp sang năm 2016 mới ban hành kết luận thanh tra; 16 cuộc từ năm 2016 chuyển tiếp sang năm 2017 và 24 cuộc từ năm 2017 chuyển tiếp sang năm 2018.

phức tạp, cần phải tiến hành kiểm tra, xác minh nhiều nơi; thời gian tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thanh tra và kết luận thanh tra của Đoàn thanh tra còn kéo dài; Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước một số ngành, địa phương bận công tác, chưa bố trí được thời gian nghe cơ quan thanh tra báo cáo để ban hành kết luận thanh tra và chỉ đạo xử lý kết quả thanh tra. Không ít trường hợp đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, dứt điểm các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của cấp có thẩm quyền, nhưng chưa có biện pháp chế tài đủ mạnh để xử lý, cưỡng chế thi hành...

2.2. Thanh tra chuyên ngành (Biểu số 03)

2.2.1. Triển khai các cuộc kiểm tra, thanh tra

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh đã tiến hành 587 cuộc thanh tra theo Đoàn và 14.397 lượt kiểm tra, thanh tra độc lập tại 2.854 lượt tổ chức và 19.478 lượt cá nhân trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, các quy chế, quy định của Nhà nước trên các lĩnh vực quản lý tài chính, giá, quy hoạch, đầu tư xây dựng, an toàn giao thông, các hoạt động giáo dục, văn hoá, khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống vật nuôi, cây trồng, quản lý đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, khám chữa bệnh, hành nghề y dược tư nhân, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm...

2.2.2. Kết quả kiểm tra, thanh tra

Kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 2.893 lượt tổ chức và 7.760 lượt cá nhân có sai phạm, vi phạm; trong đó sai phạm về kinh tế 24.197 triệu đồng; đã kiến nghị xử lý thu hồi về cho ngân sách nhà nước 5.422 triệu đồng, kiến nghị xử lý bằng các hình thức khác 18.775 triệu đồng; ban hành 7.271 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 281 tổ chức và 6.996 cá nhân, với số tiền phạt 29.130 triệu đồng. Kết quả đã xử lý, thu hồi nộp ngân sách nhà nước 31.526 triệu đồng, đạt tỷ lệ 91,2% số tiền đã kiến nghị, quyết định xử lý thu hồi.

2.2.3. Đánh giá chung hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

Hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã được tiến hành thường xuyên, liên tục, bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương và yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương. Nội dung thanh tra, kiểm tra đã tập trung vào những ngành, lĩnh vực có phát sinh những vấn đề gây bức xúc trong dư luận xã hội. Việc thanh tra, kiểm tra được tiến hành theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật những tổ chức, cá nhân có sai phạm, vi phạm; kiến nghị các giải pháp phòng ngừa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

3. Thực hiện pháp luật về tiếp công dân (Biểu số 04)

3.1. Việc ban hành các nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân

Thực hiện Luật Tiếp công dân năm 2011, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh tại

Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 về việc ban hành Kế hoạch phổ biến, triển khai thực hiện Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh, Văn bản số 3817/UBND-TD ngày 03/9/2014 về việc thành lập Ban Tiếp công dân các cấp, đến nay, Ban Tiếp công dân tỉnh và Ban Tiếp công dân của 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã được thành lập, bố trí Trụ sở Tiếp công dân tại địa điểm phù hợp, phân công đủ cán bộ và đi vào hoạt động ổn định.

UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền đầy đủ nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân; quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Tiếp công dân theo quy định. Tại Trụ sở Tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân của các cấp, các ngành được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm phục vụ tốt cho việc tiếp công dân; niêm yết công khai, đầy đủ nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân; các quy định của pháp luật về tiếp công dân, KNTC; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc KNTC⁽⁹⁾.

3.2. Kết quả tiếp công dân

3.2.1. Tiếp công dân thường xuyên

Trong kỳ, các cấp, các ngành đã tiếp dân thường xuyên 11.230 lượt/13.671 người/10.217 vụ việc (2.585 vụ việc cũ, 7.632 vụ việc mới), đoàn đông người có 110 đoàn/3.270 người/99 vụ việc (43 vụ việc cũ, 56 vụ việc mới). Trong đó: Cấp tỉnh (*Ban Tiếp công dân tỉnh*) tiếp 5.244 lượt/7.264 người/5.125 vụ, đoàn đông người có 83 đoàn/3.058 người/77 vụ. Cấp huyện (*Ban Tiếp công dân các huyện, thị xã, thành phố*) tiếp 1.900 lượt/1.996 người/1.663 vụ, đoàn đông người có 8 đoàn/100 người/7 vụ. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tiếp 890 lượt/984 người/762 vụ, đoàn đông người có 03 đoàn/23 người/03 vụ. UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh tiếp 3.196 lượt/3.427 người/2.667 vụ, đoàn đông người có 16 đoàn/89 người/12 vụ. Cụ thể từng năm như sau:

- **Năm 2015:** tiếp 4.021 lượt/4.778 người/3.884 vụ việc. Trong đó: Cấp tỉnh tiếp 2.127 lượt/2.717 người/2.127 vụ việc. Cấp huyện tiếp 581 lượt/623 người/543 vụ việc. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tiếp 290 lượt/343 người/307 vụ việc. Cấp xã tiếp 1.023 lượt/1.095 người/907 vụ việc.

- **Năm 2016:** tiếp 4.140 lượt/4.547 người/3.750 vụ việc. Trong đó: Cấp tỉnh tiếp 2.056 lượt/2.296 người/2.082 vụ việc. Cấp huyện tiếp 544 lượt/585 người/532 vụ việc. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tiếp 472 lượt/495 người/331 vụ việc. Cấp xã tiếp 1.068 lượt/1.171 người/805 vụ việc.

- **Năm 2017:** tiếp 3.069 lượt/4.346 người/2.583 vụ việc. Trong đó: cấp tỉnh tiếp 1.061 lượt/2.251 người/916 vụ việc. Cấp huyện tiếp 775 lượt/788 người/588 vụ việc. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tiếp 128 lượt/146 người/124 vụ việc. Cấp xã tiếp 1.105 lượt/1.161 người/955 vụ việc.

3.2.2. Tiếp công dân định kỳ và đột xuất của lãnh đạo

(9) UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4056/QĐ-UBND ngày 14/12/2014 về việc thành lập Ban Tiếp công dân tỉnh; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Tiếp công dân tỉnh; Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 ban hành Nội quy tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bình Định.

Trong kỳ, lãnh đạo các cấp, các ngành đã tiếp công dân định kỳ và đột xuất 4.316 lượt/5.733 người/4.024 vụ việc (1.124 vụ việc cũ, 2.900 vụ việc mới), đoàn đông người có 21 đoàn/640 người/19 vụ việc (09 vụ việc cũ, 10 vụ việc mới). Trong đó: lãnh đạo UBND tỉnh tiếp 141 lượt/657 người/142 vụ việc, đoàn đông người có 13 đoàn/438 người/12 vụ việc. Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp 1.324 lượt/2.037 người/1.838 vụ việc, đoàn đông người có 05 đoàn/161 người/04 vụ việc; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tiếp 98 lượt/103 người/83 vụ việc. Lãnh đạo UBND cấp xã tiếp 2.753 lượt/2.936 người/1.961 vụ việc, đoàn đông người có 03 đoàn/41 người/03 vụ việc. Cụ thể từng năm như sau:

- **Năm 2015:** tiếp 1.107 lượt/1.426 người/1.110 vụ việc, trong đó cấp tỉnh tiếp 21 lượt/128 người/22 vụ việc. Cấp huyện tiếp 482 lượt/668 người/518 vụ việc. Cấp sở tiếp 42 lượt/47 người/42 vụ việc. Cấp xã tiếp 562 lượt/583 người/528 vụ việc.

- **Năm 2016:** tiếp 1.428 lượt/1.935 người/1.584 vụ việc, trong đó cấp tỉnh tiếp 59 lượt/315 người/59 vụ việc. Cấp huyện tiếp 508 lượt/842 người/874 vụ việc. Cấp sở tiếp 56 lượt/56 người/41 vụ việc. Cấp xã tiếp 805 lượt/722 người/610 vụ việc.

- **Năm 2017:** tiếp 1.781 lượt/2.372 người/1.330 vụ việc, trong đó cấp tỉnh tiếp 61 lượt/214 người/61 vụ việc. Cấp huyện tiếp 334 lượt/527 người/446 vụ việc. (Cấp sở tiếp nhưng không có dân đến). Cấp xã tiếp 1.386 lượt/1.631 người/823 vụ việc.

Việc tiếp công dân thường xuyên được thực hiện theo định kỳ mỗi tháng/2 kỳ đối với lãnh đạo UBND cấp tỉnh, lãnh đạo UBND cấp huyện và Thủ trưởng các sở, ban, ngành⁽¹⁰⁾; theo định kỳ ít nhất 01 lần/tuần đối với lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn. Trường hợp các ngày tiếp dân định kỳ theo lịch đã được thông báo công khai trùng vào ngày lễ, tết, ngày nghỉ hàng tuần, thì được bố trí tiếp vào ngày làm việc hôm sau liền kề theo đúng quy định.

3.3. Công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư KNTC

Trong kỳ, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 11.990 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, trong đó có 512 đơn có nhiều người đứng tên, 11.478 đơn một người đứng tên; đơn có đủ điều kiện xử lý 11.261 đơn, gồm 7.434 đơn khiếu nại, 721 đơn tố cáo và 3.106 đơn kiến nghị, phản ánh.

Trong số 7.434 đơn khiếu nại, có 7.282 đơn liên quan lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, 152 đơn liên quan lĩnh vực tư pháp. Trong số 7.282 đơn khiếu nại liên quan lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, có 4.485 đơn khiếu nại về đất đai (chiếm 61,59%), 745 đơn khiếu nại về tài sản và nhà ở (chiếm 10,23%), 322 đơn khiếu nại về các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức (chiếm 4,42%); 1.730 đơn khiếu nại về các vấn đề chính trị, văn hoá, xã hội và các nội dung khác (chiếm 23,76%). Trong số 721 đơn tố cáo, liên quan lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước có 386 đơn (chiếm 53,54%), liên quan đến lĩnh vực tư pháp có 12 đơn (chiếm 1,66%), về hành vi tham nhũng có 12 đơn (chiếm 1,66%), tố cáo

(10) Theo quy định hiện hành của UBND tỉnh, hiện nay lãnh đạo UBND tỉnh tiếp dân định kỳ mỗi tháng/02 kỳ vào ngày 10 và 25 hàng tháng; lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tiếp dân định kỳ mỗi tháng/02 kỳ vào ngày 09 và 24 hàng tháng. Lịch tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo các cấp, các ngành đã được niêm yết, công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho công dân biết.

về các hành vi vi phạm khác có 311 đơn (chiếm 43,13%). Đơn thư kiến nghị, phản ánh (3.106 đơn) liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Kết quả tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư qua từng năm cụ thể như sau:

- **Năm 2015:** tiếp nhận 3.901 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 137 đơn, tiếp nhận trong kỳ 3.764 đơn; đơn nhiều người đứng tên 189 đơn, đơn một người đứng tên 3.712 đơn; đơn đủ điều kiện xử lý 3.769 đơn, đơn không đủ điều kiện xử lý 132 đơn. Cấp tỉnh (*Thanh tra tỉnh*) tiếp nhận 652 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 18 đơn, tiếp nhận trong kỳ 634 đơn; đơn nhiều người đứng tên 51 đơn, đơn một người đứng tên 601 đơn; đủ điều kiện xử lý 652 đơn. Cấp huyện (*UBND các huyện, thị xã, thành phố*) tiếp nhận 1.135 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 56 đơn, tiếp nhận trong kỳ 1.079; đơn nhiều người đứng tên 62 đơn, đơn một người đứng tên 1.073 đơn; đơn đủ điều kiện xử lý 1.121 đơn, không đủ điều kiện xử lý 14 đơn. Cấp sở (*các sở ban, ngành thuộc tỉnh*) tiếp nhận 1.339 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 32 đơn, tiếp nhận trong kỳ 1.307; đơn nhiều người đứng tên 31 đơn, đơn một người đứng tên 1.308 đơn; đơn đủ điều kiện xử lý 1.223 đơn, không đủ điều kiện xử lý 116 đơn. Cấp xã (*UBND các xã, phường, thị trấn*) tiếp nhận 775 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 31 đơn, tiếp nhận trong kỳ 744; đơn nhiều người đứng tên 45 đơn, đơn một người đứng tên 730 đơn; đơn đủ điều kiện xử lý 773 đơn, không đủ điều kiện xử lý 02 đơn.

- **Năm 2016:** tiếp nhận 4.775 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 176 đơn, tiếp nhận trong kỳ 4.599 đơn; đơn nhiều người đứng tên 113 đơn, đơn một người đứng tên 4.662 đơn; đủ điều kiện xử lý 4.229 đơn, không đủ điều kiện xử lý 546 đơn. Cấp tỉnh tiếp nhận 659 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 16 đơn, tiếp nhận trong kỳ 643 đơn; đơn nhiều người đứng tên 25 đơn, đơn một người đứng tên 634 đơn; đủ điều kiện xử lý 659 đơn. Cấp huyện tiếp nhận 1.869 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 99 đơn, tiếp nhận trong kỳ 1.770; đơn nhiều người đứng tên 38 đơn, đơn một người đứng tên 1.831 đơn; đủ điều kiện xử lý 1.797 đơn, không đủ điều kiện xử lý 72 đơn. Cấp sở tiếp nhận 1.548 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 44 đơn, tiếp nhận trong kỳ 1.504; đơn nhiều người đứng tên 42 đơn, đơn một người đứng tên 1.506 đơn; đủ điều kiện xử lý 1.083 đơn, không đủ điều kiện xử lý 465 đơn. Cấp xã tiếp nhận 699 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 17 đơn, tiếp nhận trong kỳ 682; đơn nhiều người đứng tên 08 đơn, đơn một người đứng tên 691 đơn; đủ điều kiện xử lý 690 đơn, không đủ điều kiện xử lý 09 đơn.

- **Năm 2017:** tiếp nhận 3.314 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 180 đơn, tiếp nhận trong kỳ 3.134 đơn; đơn nhiều người đứng tên 210 đơn, đơn một người đứng tên 3.104 đơn; đủ điều kiện xử lý 3.263 đơn, không đủ điều kiện xử lý 51 đơn. Cấp tỉnh tiếp nhận 538 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 24 đơn, tiếp nhận trong kỳ 514 đơn; đơn nhiều người đứng tên 31 đơn, đơn một người đứng tên 507 đơn; đủ điều kiện xử lý 538 đơn. Cấp huyện tiếp nhận 1.339 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 131 đơn, tiếp nhận trong kỳ 1.208; đơn nhiều người đứng tên 86 đơn, đơn một người đứng tên 1.253 đơn; đủ điều kiện xử lý 1.296 đơn, không đủ điều kiện xử lý 43 đơn. Cấp sở tiếp nhận 611 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 16 đơn, tiếp nhận trong kỳ 595; đơn nhiều người đứng tên 88 đơn,

đơn một người đứng tên 523 đơn; đủ điều kiện xử lý 603 đơn, không đủ điều kiện xử lý 08 đơn. Cấp xã tiếp nhận 826 đơn thư, trong đó kỳ trước chuyển sang 09 đơn, tiếp nhận trong kỳ 817; đơn nhiều người đứng tên 05 đơn, đơn một người đứng tên 821 đơn; đủ điều kiện xử lý 826 đơn.

Tình hình khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp trên địa bàn tỉnh có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp trong thời gian qua, nhất là khi triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm như: Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, 1D, Quốc lộ 19 tuyến mới, Dự án Khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh, Khu kinh tế Nhơn hội, Dự án Nhà máy xử lý nước thải thành phố Quy Nhơn, Dự án khu du lịch Vinpearl Quy Nhơn... Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh đã phát sinh 110 đoàn đông người, với 3.270 người tham gia khiếu nại, tố cáo 99 vụ việc, trong đó có 43 vụ việc cũ và 56 vụ việc mới.

Trong tổng số 11.990 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận trong kỳ, có 11.261 đơn thư có đủ điều kiện xử lý. Qua phân loại, các cấp, các ngành đã có văn bản hướng dẫn công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đối với 5.950 đơn; chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết 1.278 đơn; có công văn đôn đốc giải quyết đối với 142 đơn. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước các cấp có 3891 đơn, gồm 3.646 đơn khiếu nại và 245 đơn tố cáo, trong đó: năm 2015 có 1.200 đơn/vụ khiếu nại và 126 đơn/vụ tố cáo. Năm 2016 có 1.355 đơn/vụ khiếu nại và 70 đơn/vụ tố cáo. Năm 2017 có 1.091 đơn/vụ khiếu nại và 49 đơn/vụ tố cáo.

3.4. Về phân công cán bộ tiếp công dân; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân và bảo đảm an ninh, trật tự tại Trụ sở tiếp công dân

Hiện nay, Ban Tiếp công dân tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đã được bố trí đủ số lượng cán bộ thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên và phục vụ tiếp công dân định kỳ, đột xuất của lãnh đạo cấp ủy đảng, HĐND, UBND cùng cấp. Trong đó, Ban Tiếp công dân tỉnh hiện có 08 cán bộ, công chức; Ban Tiếp công dân các huyện, thị xã, thành phố có 27 cán bộ, công chức. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh có 63 cán bộ, phần lớn do công chức thanh tra kiêm nhiệm. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư tại UBND các xã, phường, thị trấn có 172 cán bộ, do công chức Tư pháp hoặc Văn phòng UBND kiêm nhiệm.

Việc bảo đảm an ninh, trật tự tại Trụ sở Tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân các cấp được chú trọng tăng cường, nhất là trong thời gian qua, có nhiều trường hợp công dân tập trung khiếu kiện đông người, có hành vi quá khích, chống đối, xúc phạm, bắt hợp tác với cán bộ Tiếp công dân. UBND tỉnh đã có Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 18/4/2011 Về việc ban hành Quy định xử lý các trường hợp tụ tập đông người trái pháp luật vì lý do khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Định nhằm tạo cơ sở pháp lý, xác định rõ trách nhiệm và tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành và các cơ quan chức năng có liên quan trong việc bảo đảm an ninh trật tự, xử lý các trường hợp công dân tập trung khiếu kiện đông người trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự nơi công cộng, chống đối người thi hành công vụ và gây cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan nhà

nước. Việc tổ chức tiếp công dân đột xuất đối với các vụ việc đông người tại Trụ sở tiếp công dân hoặc tại địa bàn phát sinh vụ việc đều bố trí lực lượng công an tham gia để bảo đảm an ninh trật tự; đồng thời chủ động, kịp thời giải quyết các trường hợp công dân có hành vi quá khích, gây hậu quả phức tạp.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ, khuyến khích đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời, theo đúng quy định của Nhà nước. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Bình Định⁽¹¹⁾. Cán bộ, công chức chuyên trách công tác tiếp công dân tại Ban Tiếp công dân tỉnh và Ban Tiếp công dân các huyện, thị xã, thành phố còn được cấp trang phục theo Quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-TTCP ngày 29/12/2016 của Thanh tra Chính phủ Quy định về trang phục đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân.

3.5. Đánh giá chung việc thực hiện pháp luật tiếp công dân

Việc tiếp công dân tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã được chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đi dần vào nề nếp, theo đúng quy định của pháp luật; việc tiếp công dân đã chú trọng gắn với yêu cầu chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do công dân trình bày, do đó hiệu quả từng bước được nâng lên, nhất là việc tiếp công dân ở cấp tỉnh. Các quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động tiếp công dân được xây dựng, ban hành đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn. Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân được bố trí cơ bản đủ số lượng, được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ; được giải quyết các chế độ, chính sách đãi ngộ, khuyến khích, từng bước đáp ứng được yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn một số mặt tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, cụ thể do nguồn lực hạn chế, ngân sách khó khăn, nên phần lớn các huyện, thị xã, thành phố chưa có Trụ sở tiếp công dân riêng, mà còn bố trí chung với Trụ sở làm việc của cơ quan Thanh tra. Nội quy, quy chế, quy định về tiếp công dân của một số ngành, địa phương chậm sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với các quy định mới của Luật

(11) Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở Tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh là đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng tương ứng với các mức chi: 120.000 đồng, 100.000 đồng 80.000 đồng và 50.000 đồng/ngày/người trong những ngày thực tế có tham gia thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Tiếp công dân, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức tiếp công dân, nhất là của cấp xã còn có mặt bất cập so với yêu cầu. Người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước một số ngành, địa phương, cấp cơ sở chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân định kỳ theo quy định, cá biệt có nơi còn ủy quyền cho cấp phó hoặc Thủ trưởng cơ quan chuyên môn tiếp công dân. Hiệu quả tiếp công dân của một số ngành, địa phương, nhất là cấp cơ sở chưa cao; việc tiếp công dân chưa chú trọng gắn với yêu cầu chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời, dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, để công dân đi lại nhiều lần, gây tốn kém thời gian và công sức, có trường hợp bức xúc khiếu kiện vượt cấp lên các cơ quan cấp trên.

4. Thực hiện pháp luật về khiếu nại (Biểu số 05, 06)

4.1. Theo dõi, thụ lý và giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền

Qua tiếp nhận, phân loại, xử lý, trong kỳ có 3.646 vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, trong đó: năm 2015 có 1.200 vụ (*cấp tỉnh 278 vụ, cấp huyện 475 vụ, cấp sở 208 vụ, cấp xã 239 vụ*). Năm 2016 có 1.355 vụ (*cấp tỉnh 231 vụ, cấp huyện 724 vụ, cấp sở 150 vụ, cấp xã 250 vụ*). Năm 2017 có 1.019 vụ (*cấp tỉnh 149 vụ, cấp huyện 301 vụ, cấp sở 243 vụ, cấp xã 398 vụ*). Kết quả đã xem xét, giải quyết 3.266/3.646 vụ, đạt tỷ lệ 89,58%. Kết quả giải quyết từng năm cụ thể như sau:

Năm 2015: đã giải quyết 1.098/1.200 vụ, đạt 91,50% (*cấp tỉnh giải quyết 262/278 vụ, đạt 94,24%; cấp huyện giải quyết 433/475 vụ, đạt 91,16%; cấp sở giải quyết 193/208 vụ, đạt 92,79%; cấp xã giải quyết 210/239 vụ, đạt 87,87%*).

Năm 2016: đã giải quyết 1.238/1.355 vụ, đạt 91,37% (*cấp tỉnh giải quyết 207/231 vụ, đạt 89,61%; cấp huyện giải quyết 676/724 vụ, đạt 93,37%; cấp sở giải quyết 143/150 vụ, đạt 95,33%; cấp xã giải quyết 212/250 vụ, đạt 84,80%*).

Năm 2017: đã giải quyết 930/1.019 vụ, đạt 85,24% (*cấp tỉnh giải quyết 131/149 vụ, đạt 87,92%; cấp huyện giải quyết 254/301 vụ, đạt 84,39%; cấp sở giải quyết 219/243 vụ, đạt 90,12%; cấp xã giải quyết 326/398 vụ, đạt 81,91%*).

Trong tổng số 3.266 vụ khiếu nại đã giải quyết, có 388 vụ khiếu nại đúng, chiếm tỷ lệ 11,88%; 2.464 vụ khiếu nại sai, chiếm tỷ lệ 75,44%, 414 vụ khiếu nại đúng một phần, chiếm tỷ lệ 12,68%. Có 1.811/3.266 vụ giải quyết lần 1, chiếm tỷ lệ 55,45%, 1.455 vụ giải quyết lần 2, chiếm tỷ lệ 44,55%, trong đó 1.053 vụ công nhận quyết định giải quyết lần đầu, chiếm tỷ lệ 72,37%; 402 vụ hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, chiếm tỷ lệ 27,73%. Có 2.958/3.266 vụ được giải quyết bằng quyết định hành chính, chiếm tỷ lệ 90,57%; 308/3.266 vụ giải quyết thông qua vận động, thuyết phục công dân chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, rút lại việc khiếu nại, chiếm tỷ lệ 09,43%. Có 3.137/3.266 vụ khiếu nại được xem xét, giải quyết đúng thời hạn quy định, chiếm tỷ lệ 96,05%, 129 vụ giải quyết quá thời hạn quy định, chiếm tỷ lệ 03,95%.

Có tổng số 3.167 quyết định giải quyết khiếu nại đã được ban hành, trong đó có 2.937 quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật đã được tổ chức thi hành, đạt tỷ lệ 92,74%. Qua giải quyết các khiếu nại của công dân đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước 934 triệu đồng và 4.309 m² đất các loại, đạt tỷ lệ 100% số đã khiếu nại, quyết định xử lý thu hồi, trong đó: năm 2015 đã thu 135 triệu đồng và 308 m² đất các loại (*cấp sở thu 308 m² đất, cấp huyện thu 135 triệu đồng*). Năm 2016 thu 300 triệu đồng và 2.901 m² đất (*cấp tỉnh thu 300 triệu đồng, cấp huyện thu 1.000 m² đất và cấp xã thu 1.901 m² đất*). Năm 2017, thu 499 triệu đồng và 100 m² đất các loại (*cấp tỉnh thu 499 triệu đồng và 100 m² đất*). Kiến nghị khôi phục lợi ích và trả lại cho công dân 12.589 triệu đồng và 6.604 m² đất các loại. Kết quả kiến nghị đã thực hiện xong, trong đó Năm 2015, đã trả 1.599 triệu đồng và 257 m² đất (*cấp tỉnh trả*). Năm 2016, đã trả 4.483 triệu đồng và 1.860 m² đất (*cấp tỉnh trả 983 triệu đồng và 1.300 m² đất; cấp huyện trả 3.500 triệu đồng và 560 m² đất*). Năm 2017, đã trả 6.507 triệu đồng và 4.487 m² đất (*cấp tỉnh trả 6.207 triệu đồng và 4.037 m² đất; cấp huyện trả 300 triệu đồng và 450 m² đất*).

4.2. Đối với các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài

Tình hình khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp trong thời gian qua, nhất là các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực đất đai, thực hiện chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, 1D, Quốc lộ 19 tuyến mới, Dự án Khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh, Khu kinh tế Nhơn hội, Dự án Nhà máy xử lý nước thải thành phố Quy Nhơn, Dự án khu du lịch Vinpearl Quy Nhơn, Dự án xây dựng Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Nại (Thị Nại ECOBAY), Dự án xây dựng Khu dân cư Hưng Thịnh, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn... Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh đã phát sinh 110 đoàn đông người, với 3.270 người tham gia khiếu nại, tố cáo 99 vụ việc, trong đó có 43 vụ việc cũ và 56 vụ việc mới. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát, thống kê, tập trung xem xét, giải quyết cơ bản dứt điểm, 83 vụ việc, còn lại 16 vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu kiện dai dẳng⁽¹²⁾.

(12) Cụ thể một số vụ như: Vụ ông Lê Hữu Khánh và 50 công dân ở thôn Nhân Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước đến Trụ sở Tiếp công dân tỉnh kiến nghị xem xét giải quyết cho ông và một số công dân tiếp tục được sử dụng phần diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản năm 2012 Nhà nước đã giao thầu trong thời hạn 05 năm (đã hết thời hạn) để xuống giống kịp thời vụ; vụ bà Lê Thị Hương và 21 công dân ở thôn Nhơn Phước, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn kiến nghị xem xét, giải quyết hỗ trợ đời sống cho bà và các hộ dân do ảnh hưởng Dự án xây dựng Khu Công nghiệp A thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn; vụ bà Huỳnh Thị Lợi và 30 công dân ở thôn Xuân Thạnh, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến Trụ sở Tiếp công dân tỉnh kiến nghị xem xét lại việc bà Lục Thị Kim Loan ở thôn Chương Bình, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ hoạt động chế biến thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước ở khu dân cư 3 thôn Xuân Bình, Xuân Thạnh và Xuân Thạnh Nam, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ làm ảnh hưởng đời sống của nhân dân ở địa phương, đồng thời yêu cầu có biện pháp xử lý việc bà Loan thuê một số đối tượng đánh người gây thương tích; vụ ông Phạm Sáu và 25 công dân ở phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn đến Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh phản ánh việc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và UBND phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn trong việc kiểm kê, xác định nguồn gốc đất và áp giá tính toán bồi thường, hỗ trợ đối với một số hộ dân do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu Du lịch sinh thái Đầm Thị Nại (ECOBAY) không đúng quy định, gây bức xúc trong nhân dân; vụ bà Đỗ Thị Hồng Diệp và 30 công dân ở tổ 46, khu vực 5, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn khiếu nại việc UBND thành phố Quy Nhơn thông báo cưỡng chế nhà của bà và 27 hộ dân vì hiện nay hoàn cảnh các hộ đang rất khó khăn và không còn chỗ ở nào khác....

4.3. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền do các cơ quan Trung ương chuyển đến (Biểu số 08)

Trong kỳ, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp nhận 26 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, tồn đọng kéo dài, vượt cấp do các cơ quan Trung ương chuyển đến hàng năm, trong đó năm 2015 chuyển đến 05 vụ, năm 2017 chuyển đến 21 vụ. Kết quả đến nay đã có 13 vụ việc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra, rà soát và có ý kiến kết luận chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện dứt điểm, công dân đã chấm dứt việc khiếu nại; 12 vụ việc đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát và có ý kiến kết luận chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện, nhưng công dân vẫn không thống nhất do phần tử xấu xúi giục, kích động, tiếp tục khiếu kiện đến các cơ quan Trung ương và UBND tỉnh; 01 vụ việc khiếu nại của ông Khê Duyên ở thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

5. Thực hiện pháp luật về tố cáo

5.1. Tiếp nhận và xử lý đơn tố cáo (Biểu số 05)

Trong kỳ, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp nhận 721 vụ việc tố cáo (năm 2015 có 253 vụ, năm 2016 có 227 vụ, năm 2017 có 175 vụ); cấp tỉnh (UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh) tiếp nhận 298 vụ; cấp huyện tiếp nhận 146 vụ; các sở, ban, ngành của tỉnh tiếp nhận 242 vụ; cấp xã tiếp nhận 35 vụ. Nội dung tố cáo liên quan đến lĩnh vực hành chính có 386 vụ (53,54%), lĩnh vực tư pháp có 12 vụ (1,66%), tố cáo tham nhũng có 12 vụ (1,66%), tố cáo lĩnh vực khác có 311 vụ (43,13%).

Sau khi tiếp nhận, các cấp, các ngành đã xử lý chuyển đơn đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết; lưu đơn do trùng lặp nội dung, đơn nặc danh, không đủ điều kiện xử lý theo quy định hoặc tố cáo lại nội dung đã được xem xét, giải quyết nhưng không có chứng cứ, tình tiết mới...đối với 476 đơn/vụ việc. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước có 245 vụ.

5.2. Kết quả giải quyết đơn tố cáo (Biểu số 07)

Trong kỳ, các cấp, các ngành đã tiến hành thụ lý 245 vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền; kết quả đã giải quyết 223 vụ, đạt tỷ lệ 91,02%. Trong đó:

Năm 2015: đã giải quyết 115/126 vụ, đạt tỷ lệ 91,27% (cấp tỉnh giải quyết 31/32 vụ, đạt 96,88%; cấp huyện giải quyết 41/48 vụ, đạt 85,42%; cấp sở giải quyết 33/36 vụ, đạt 91,67%; cấp xã giải quyết 10/10 vụ, đạt 100%).

Năm 2016: đã giải quyết 65/70 vụ, đạt tỷ lệ 92,86% (cấp tỉnh giải quyết 09/09 vụ, đạt 100%; cấp huyện giải quyết 20/23 vụ, đạt 86,96%; cấp sở giải quyết 27/29 vụ, đạt 93,10%; cấp xã giải quyết 09/09 vụ, đạt 100%).

Năm 2017: đã giải quyết 43/49 vụ, đạt tỷ lệ 87,76% (cấp tỉnh giải quyết 09/11 vụ, đạt 81,82%; cấp huyện giải quyết 17/18 vụ, đạt 94,44%; cấp sở giải quyết 06/07 vụ, đạt 85,71%; cấp xã giải quyết 11/13 vụ, đạt 84,62%).

Kết quả giải quyết cho thấy có 52 vụ tố cáo đúng (tỷ lệ 23,32%), 41 vụ tố cáo đúng một phần (tỷ lệ 18,39%), 130 vụ tố cáo sai (tỷ lệ 58,30%). Qua giải quyết tố cáo đã kiến nghị, quyết định xử lý thu hồi về cho Nhà nước 3.240 triệu đồng và 435 m² đất; trả lại cho công dân 80 m² đất; khôi phục quyền lợi hợp pháp cho 79 người; kiến nghị xử lý hành chính 07 người; chuyển Cơ quan điều tra 02 vụ/05 đối tượng có dấu hiệu tội phạm. Kết quả xử lý đến nay đã thu hồi về cho Nhà nước 3.096/3.240 triệu đồng, đạt tỷ lệ 95,56%; thu hồi về đất 435 m², đạt 100%; thu hồi trả lại cho công dân 80 m² đất, đạt 100%; khôi phục quyền lợi hợp pháp cho 79/79 người, đạt 100%; các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện xong quy trình kiểm điểm, xử lý hành chính đối với 07/07 cán bộ có sai phạm, đạt 100%; Cơ quan điều tra có thẩm quyền đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đang tiếp tục điều tra theo luật định 01 vụ/01 bị can; chuyển xử lý hành chính 01 vụ, 04 đối tượng⁽¹³⁾.

5.3. Đánh giá việc thực hiện quy trình giải quyết tố cáo

Việc thụ lý giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua nhìn chung tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật Tố cáo, Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo và Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết tố cáo. Trong số 223 vụ tố cáo đã được giải quyết, có 213 vụ được giải quyết đúng thời hạn (95,52%); 10 vụ giải quyết quá thời hạn (4,48%), nguyên nhân chính là do tính chất vụ việc phức tạp, phải tiến hành kiểm tra, xác minh tại nhiều tổ chức, cá nhân; một số trường hợp thời gian xây dựng báo cáo kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo còn kéo dài. Có tổng số 221 quyết định xử lý về tố cáo được ban hành, kết quả đã tổ chức thực hiện xong 208 quyết định, đạt tỷ lệ 94,12%; 13 quyết định đang tiếp tục được theo dõi thi hành. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo được thực hiện theo đúng quy định của Luật, Nghị định và Thông tư số 06/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

6. Thực hiện pháp luật về PCTN (Biểu số 09)

6.1. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

6.1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch; phổ biến, quán triệt, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN

Trong kỳ, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương trong tỉnh đã sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 133 văn bản⁽¹⁴⁾ (công văn, chương trình, kế hoạch, quyết định...) để hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ

(13) Cơ quan điều tra Công an tỉnh đã khởi tố, điều tra 01 vụ/01 bị can tại Trường Trung cấp thủ công mỹ nghệ thuộc Sở LĐ-TB&XH Bình Định do Thanh tra tỉnh chuyển hồ sơ; Cq1 điều tra Công an huyện Phù Mỹ đã đình chỉ điều tra 01 vụ, 04 đối tượng có sai phạm về quản lý, sử dụng đất đai tại xã Mỹ Lộc, huyện Phù Mỹ.

(14) Trong đó, UBND tỉnh ban hành 16 văn bản; các ngành, địa phương ban hành 117 văn bản. Có 119 văn bản ban hành mới; 09 văn bản sửa đổi, bổ sung.

và các Bộ, ngành Trung ương về công tác PCTN, trong đó riêng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 16 văn bản, chương trình, kế hoạch⁽¹⁵⁾.

Các văn bản, chương trình, kế hoạch do UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương ban hành trong thời gian qua đã cụ thể hóa, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc các chính sách, pháp luật, sự lãnh đạo, chỉ đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về PCTN như: Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) và Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 25/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí”*, Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 24/02/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản”*; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 06/-KH/TU ngày 19/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng”*; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 05/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“Tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 3 (khóa X) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí”*...

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kịp thời, nghiêm túc việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X); tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN và tổng kết, đánh giá công tác PCTN trên địa bàn tỉnh từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII theo chỉ đạo của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2016 và năm 2017 theo kế hoạch của Thanh tra Chính phủ; ban hành Kế hoạch PCTN hàng năm để

(15) Một số văn bản UBND tỉnh đã ban hành để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 13/10/2015 về tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án *“Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân”* trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2015; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/5/2016 thực hiện Đề án *“Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân năm 2016”* trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 23/6/2016 triển khai thực hiện việc đánh giá công tác PCTN năm 2016 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 29/9/2016 thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 19/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”*; Văn bản số 3994/UBND-NC ngày 13/9/2016 về thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng theo quy định của Chính phủ; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 06/01/2017 về công tác PCTN năm 2017; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 31/5/2017 thực hiện Kế hoạch số 16-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí”*; Văn bản số 5296/UBND-NC ngày 26/11/2014 về thực hiện minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2014; Công văn số 5543/UBND-NC ngày 18/11/2015 về thực hiện việc minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2015; Văn bản số 5345/UBND-NC ngày 23/11/2016 về thực hiện minh bạch TSTN đối với đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2016; Văn bản số 6082/UBND-NC ngày 08/11/2017 về thực hiện thực hiện minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2017.

chỉ đạo và làm cơ sở cho các ngành, địa phương ban hành Kế hoạch và thực hiện kế hoạch PCTN hàng năm trong phạm vi quản lý thuộc thẩm quyền quản lý⁽¹⁶⁾. Ngoài ra, trong quyết định ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, UBND tỉnh và các ngành, địa phương đã xác định công tác PCTN là một trong những, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, quan trọng.

Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục các chính sách, pháp luật về PCTN cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong thời gian qua được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng và các điều kiện cụ thể của địa phương. Trong kỳ, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Đề án “*Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN, Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*” của Bộ Tư pháp (Đề án 4016). Chỉ đạo đưa nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN vào trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm của địa phương. Kết quả trong 3 năm 2015 – 2017, đã chỉ đạo tổ chức 275 hội nghị, lớp tập huấn để phổ biến quán triệt, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN cho 28.479 lượt cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Ngoài ra, các cấp, các ngành còn kết hợp tuyên truyền, giáo dục về PCTN bằng nhiều hình thức khác như: niêm yết công khai các văn bản về PCTN tại Trụ sở làm việc, đăng tải trên Trang thông tin điện tử; lồng ghép trong việc quán triệt các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền, giáo dục trên hệ thống truyền thanh ở cấp huyện và xã; phối hợp với MTTQ và các tổ chức thành viên của Mặt trận lồng ghép tuyên truyền thông qua hoạt động của Mặt trận và các hội, đoàn thể quần chúng ở cơ sở...

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chính thức triển khai thực hiện việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy trong các Trường Phổ thông trung học trên địa bàn tỉnh từ năm học 2013 - 2014 theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định đã đăng tải, giới thiệu kịp thời các văn bản pháp luật về PCTN; đưa nhiều tin, bài về việc phát hiện, xử lý những vụ việc, người có hành vi tham nhũng và công tác PCTN trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội, định hướng dư luận và đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân về PCTN.

Những kết quả nêu trên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về PCTN đã góp phần nâng cao một bước nhận thức, ý thức trách nhiệm của nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị về PCTN. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số mặt tồn tại, hạn chế như: công tác kiểm tra, đôn đốc, định kỳ kiểm

(16) UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 06/01/2017 về công tác PCTN năm 2017. Năm 2015 và 2016, tuy không ban hành Kế hoạch riêng, nhưng trong báo cáo của UBND tỉnh về công tác PCTN năm 2015 và năm 2016 báo cáo cho Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và HĐND tỉnh đã giành một phần riêng nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, cụ thể về công tác PCTN cho năm tiếp theo.

điểm, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong các chương trình, kế hoạch hành động về PCTN tại một số ngành, địa phương chưa thường xuyên. Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN nhìn chung hiệu quả chưa cao so với yêu cầu. Vai trò, trách nhiệm của Mặt trận, các đoàn thể, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong việc tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN chưa được phát huy đúng mức. Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền, giáo dục các chính sách, pháp luật về PCTN còn hạn chế...

6.1.2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

6.1.2.1. Việc công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước

Thời gian qua, UBND tỉnh và các ngành, địa phương đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch trên lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước theo đúng quy định tại Điều 15 của Luật PCTN (*sửa đổi, bổ sung năm 2012*), Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện nghiêm túc việc công khai báo cáo quyết toán, dự toán, việc phân bổ dự toán ngân sách và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm tại các cuộc họp của HĐND cùng cấp; đồng thời công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định (www.binhdinhh.gov.vn); Trang thông tin điện tử chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (www.ubndbinhdinh.vn), của UBND cấp huyện và cơ quan tài chính cùng cấp các số liệu chi tiết về quyết toán, dự toán ngân sách đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; việc huy động, quản lý thu, chi các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân⁽¹⁷⁾. Cụ thể, UBND tỉnh có Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 về việc công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2015; Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2016; Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 về việc công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2017; Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 về việc công bố công khai quyết toán năm 2016...

Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc việc công khai việc phân bổ dự toán ngân sách hàng năm cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; công khai báo cáo quyết toán và dự toán ngân sách của cơ quan mình tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

6.1.2.2. Việc công khai, minh bạch trong việc mua sắm công, đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng

(17) Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước đều được công khai kịp thời, đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định, Trang thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh. Chỉ đạo mở chuyên mục riêng trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính Bình Định để công khai quyết toán, dự toán và việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh Bình Định (Mục: Công khai tài chính trên website: www.stc.binhdinhh.gov.vn).

Thời gian qua, UBND tỉnh và các ngành, địa phương đã thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch trong mua sắm công, đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 13, 14 Luật PCTN, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành danh mục 11 nhóm tài sản công bắt buộc phải thực hiện mua sắm tập trung, giao cho các đơn vị đầu mối gồm Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và Bệnh viện Đa khoa tỉnh chính thức tổ chức thực hiện kể từ ngày 01/7/2016.

Trên lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND tỉnh đã ban hành cụ thể hóa, tăng cường phân cấp quản lý, công bố công khai kịp thời đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả thực hiện các dự án đầu tư, tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý và thực hiện các dự án, góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí. UBND tỉnh đã báo cáo công khai tại các kỳ họp HĐND tỉnh về kế hoạch phân bổ vốn; danh mục các dự án đầu tư và kết quả thực hiện các dự án đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, huy động đóng góp của tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; công bố công khai Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn từ vốn ngân sách nhà nước (vốn Trung ương hỗ trợ) giai đoạn 2016 – 2020...

UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành, các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng của tỉnh⁽¹⁸⁾ đã thực hiện công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử và bằng các hình thức phù hợp khác các thông tin về chương trình, kế hoạch đầu tư, mua sắm công; Danh mục các dự án đầu tư, mua sắm công; công tác đấu thầu, việc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư, mua sắm công do ngành, địa phương, đơn vị làm chủ đầu tư.

6.1.2.3. Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng đất đai

UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện công khai đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất; kế hoạch, kết quả thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án có thu hồi đất để triển khai các công trình hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất; các thủ tục hành chính về đất đai; mức thu các khoản thu ngân sách từ đất đai theo đúng quy định. Hình thức công khai trên Trang thông tin điện tử và các hình thức khác phù hợp với nội dung, đối tượng, phạm vi công khai theo quy định của pháp luật về PCTN và pháp luật về đất đai.

(18) Hiện nay, UBND tỉnh đã sắp xếp, tổ chức lại các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc các sở, ban, ngành thành 03 Ban Quản lý dự án trực thuộc tỉnh, gồm: Ban Quản lý dự án dân dụng và công nghiệp tỉnh; Ban quản lý dự án Công trình giao thông tỉnh; Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cụ thể, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1216/UBND-KT ngày 21/3/2017 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố đến năm 2020; công khai các quyết định giao đất cho các tổ chức để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đã công khai quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Bình Định đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011- 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 29/3/2013 bằng các hình thức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên Trang thông tin điện tử và Bản tin của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định (www.stnmt.binhdinhh.gov.vn); sao gửi cho các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan... Theo thẩm quyền, UBND các huyện, thành phố cũng đã thực hiện nghiêm túc việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của ngành, địa phương và bằng các hình thức phù hợp khác các thông tin liên quan việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất, các thủ tục hành chính về đất đai; mức thu và các khoản thu ngân sách từ đất đai theo đúng quy định. Trong việc thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh, đơn vị chủ đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan chức năng có liên quan (*Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố...*) đã thực hiện nghiêm túc việc công khai phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư tại Trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi để cho nhân dân xem, có ý kiến tham gia.

6.1.2.4. Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ (tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác)

UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã báo cáo công khai tại kỳ họp của HĐND cùng cấp hàng năm về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời đăng tải quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và của các địa phương. Các sở, ban, ngành thực hiện nghiêm túc việc công khai quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hàng năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Việc tuyển dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đã được các ngành, địa phương, đơn vị thông báo công khai, rộng rãi về hồ sơ thủ tục, số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn, vị trí việc làm theo từng ngạch, bậc công chức, viên chức... bằng các hình thức niêm yết tại Trụ sở làm việc, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của các ngành, địa phương, đơn vị. Quá trình thực hiện kế hoạch tuyển dụng đã tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các quy chế, quy định do UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, có tính cạnh tranh, không để phát sinh khiếu nại, tố cáo.

Trong công tác tuyển dụng công chức, trong kỳ, tỉnh chưa thực hiện việc tổ chức tuyển dụng công chức qua thi tuyển. Tuy nhiên, do yêu cầu nhiệm vụ, UBND

tỉnh đã quyết định tiếp nhận từ viên chức vào công chức không qua thi tuyển đối với 43 trường hợp; tiếp nhận công chức không qua thi tuyển đối với 09 trường hợp; xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện đối với 09 trường hợp⁽¹⁹⁾. Năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 về việc phê duyệt nhu cầu tuyển dụng công chức tỉnh Bình Định năm 2017 và hiện nay đang triển khai thực hiện quyết định này.

Trong công tác tuyển dụng viên chức, UBND tỉnh đã phân cấp cho Thủ trưởng các sở, ban, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện. Qua theo dõi, giám sát cho thấy việc tuyển dụng viên chức cơ bản được thực hiện theo đúng quy định. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo và tạo cơ sở pháp lý để cho các ngành, địa phương thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật⁽²⁰⁾; chỉ đạo Sở Nội vụ tăng cường hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra nhằm chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Trong kỳ, các ngành, địa phương đã tuyển dụng 2.013 viên chức, trong đó năm 2015 tuyển dụng 501 người; năm 2016 tuyển dụng 441 người; năm 2017 tuyển dụng 1.071 người. Qua thực hiện chưa phát sinh khiếu nại, tố cáo.

Công tác quy hoạch, bầu cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được UBND tỉnh, các ngành, địa phương, đơn vị chỉ đạo, tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng ngành, địa phương, đơn vị⁽²¹⁾. Kết quả trong kỳ, UBND tỉnh đã bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp sở đối với 50 trường hợp (năm 2015: 20 trường hợp; năm 2016: 16 trường hợp và năm 2017: 14 trường hợp); quyết định bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu 13 trường hợp (năm 2015: 05 trường hợp; năm 2016: 05 trường hợp và năm 2017: 03 trường hợp). Theo phân cấp của UBND tỉnh, Thủ trưởng các các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc đối với 552 trường hợp (năm 2015: 239 trường hợp; năm 2016: 240 trường hợp và năm 2017: 173 trường hợp);

(19) Trong số các trường hợp tuyển dụng nêu trên, có 09 trường hợp có kinh nghiệm công tác từ 05 năm trở lên thuộc đối tượng phải xin ý kiến của Bộ Nội vụ, nhưng Sở Nội vụ chưa tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Nội vụ. Hiện nay, Sở Nội vụ ban hành quyết định thu hồi quyết định tuyển dụng của 09 trường hợp này.

(20) Cụ thể một số văn bản như: Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Định; Quyết định số 4960/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tuyển dụng viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND; Quyết định số 3984/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế giám sát tuyển dụng viên chức tỉnh Bình Định...

(21) Kết quả năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp sở đối với 14 trường hợp); quyết định bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu 03 trường hợp. Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã quyết định bổ nhiệm 173 trường hợp; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi nghỉ hưu 85 trường hợp. Trong đó có 55 trường hợp bổ nhiệm còn thiếu một số tiêu chuẩn quy định về trình độ lý luận chính trị, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Các trường hợp này, đang được các ngành, địa phương, đơn vị bố trí đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm đến cuối năm 2018 đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định.

bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi nghỉ hưu: 285 trường hợp (năm 2015: 92 trường hợp; năm 2016: 108 trường hợp và năm 2017: 85 trường hợp). Trong đó, có 55 trường hợp bổ nhiệm còn thiếu một số tiêu chuẩn quy định về trình độ lý luận chính trị, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định; nếu đến 10/7/2018, vẫn chưa đủ tiêu chuẩn quy định sẽ thực hiện việc bãi nhiệm hoặc không bổ nhiệm lại (nếu đến thời hạn bổ nhiệm lại).

Tính đến 31/12/2017, các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh đều có số lượng cấp phó theo đúng quy định, nên không thuộc diện phải sắp xếp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2480/VPCP-TCCV ngày 18/8/2017.

Công tác luân chuyển cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy gắn với công tác quy hoạch cán bộ. Sở Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu thực hiện việc luân chuyển đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, có sự trao đổi thống nhất với tập thể cấp ủy và lãnh đạo các cơ quan nơi cán bộ đang công tác, nơi dự kiến luân chuyển cán bộ đến và cá nhân cán bộ thuộc đối tượng luân chuyển. Kết quả trong kỳ, Sở Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh quyết định luân chuyển 04 cán bộ về giữ các chức vụ chủ chốt tại các địa phương.

Về việc chuyển đổi vị trí công tác: đối với cán bộ, công chức, viên chức, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3994/UBND-UBND ngày 13/9/2016 chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ. Tính đến ngày 31/12/2017, đã có 20/21 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và 7/11 UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý; còn lại 05 sở, ngành, địa phương chưa xây dựng kế hoạch (Sở Du lịch vì mới thành lập năm 2016 và 04 huyện: An Lão, Hoài Nhơn, Phù Cát, Tây Sơn). Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, ban hành và công khai theo quy định, các ngành và địa phương đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 153 cán bộ, công chức, viên chức (năm 2016: 75 trường hợp; năm 2017: 58 trường hợp). Tuy nhiên, việc xây dựng và thực hiện kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn khó khăn, vướng mắc nhất định như: hầu hết các cơ quan, tổ chức, đơn vị có quy mô biên chế nhỏ, mỗi vị trí công tác chỉ có 01 cán bộ, công chức, viên chức đảm nhận, do đó nếu chuyển đổi sẽ ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc. Việc triển khai kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng và thực hiện đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ cũng đã ảnh hưởng đến việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức...

6.1.2.5. Việc thực hiện các quy định về minh bạch TSTN

Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thực hiện minh bạch TSTN đối với cán bộ, công

chức, viên chức trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh⁽²²⁾. Theo thẩm quyền, các ngành, địa phương cũng đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện nghiêm túc việc minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Kết quả, năm 2015, các ngành, địa phương, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc minh bạch TSTN đối với 8.583/8.618 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, đạt tỷ lệ 99,59% số người phải kê khai. Năm 2016, đã tổ chức thực hiện việc minh bạch TSTN đối với 8.407/8.422 người, đạt tỷ lệ 99,82% số người phải kê khai. Năm 2017, đã tổ chức thực hiện việc minh bạch TSTN đối với 9.018/9.020 người, đạt tỷ lệ 99,82% số người phải kê khai. Đối với những cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng phải kê khai nhưng trong năm chưa hoàn thành nghĩa vụ kê khai TSTN theo quy định vì các lý do khách quan (*như đang trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ sinh, đi công tác, đi học tập trung dài hạn trong nước và nước ngoài...*), UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh đôn đốc, hướng dẫn các ngành, địa phương, đơn vị theo dõi, tổ chức thực hiện việc kê khai vào thời gian phù hợp để bảo đảm 100% số cơ quan, tổ chức, đơn vị và 100% số cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng phải kê khai, hoàn thành nghĩa vụ kê khai theo đúng quy định. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình về biến động TSTN phải kê khai so với kỳ kê khai trước; sao, gửi bản kê khai của cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện cấp uỷ, cấp trên quản lý cho cơ quan Tổ chức, Kiểm tra của cấp uỷ đảng cùng cấp và cơ quan quản lý cấp trên nhìn chung đã được các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

Sau khi hoàn thành việc kê khai, các ngành, địa phương, đơn vị đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch công khai bản kê khai TSTN của cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả hàng năm có 100% bản kê khai TSTN của cán bộ, công chức, viên chức đã được các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai và xác lập biên bản ghi nhận kết quả công khai theo đúng quy định, phù hợp đặc điểm tình hình của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị (*bằng hình thức niêm yết hoặc công bố tại cuộc họp*). Đối với bản kê khai TSTN của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên, cấp uỷ viên còn được các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc công khai theo quy định tại Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 24/02/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản*”. Việc lập, quản lý, lưu trữ, khai thác sử dụng hồ sơ thực hiện việc minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đã các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định. Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh chưa có trường hợp nào phải tiến hành, kiểm tra, xác minh việc kê khai TSTN; bị xem xét, xử lý kỷ luật liên quan đến việc thực hiện minh bạch TSTN.

(22) Cụ thể UBND tỉnh đã ban hành: Văn bản số 5543/UBND-NC ngày 18/11/2015 chỉ đạo thực hiện việc minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2015; Văn bản số 5345/UBND-NC ngày 23/11/2016 chỉ đạo thực hiện việc minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2016; Văn bản số 6802/UBND-NC ngày 08/11/2017 chỉ đạo thực hiện việc minh bạch TSTN đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2017.

6.1.2.6. Việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Thủ trưởng các ngành, địa phương quán triệt thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác PCTN và việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định của Luật PCTN, Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

Trong kỳ, qua công tác thanh tra, giải quyết KNTC, các ngành, địa phương đã phát hiện 04 vụ việc có dấu hiệu tội phạm, liên quan đến hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật nghiêm trọng, qua đó đã kiến nghị xử lý nghiêm đối với 05 người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu do liên quan trực tiếp đến hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật hoặc do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Trong đó có 02 người đứng đầu đã kiến nghị chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật (*Hiệu trưởng Trường trung cấp Thủ công mỹ nghệ Bình Định và Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Phù Mỹ*), 03 người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kiến nghị xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng và hành chính (*Chủ tịch và Phó chủ tịch UBND xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Thạnh và Chủ tịch UBND xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn*).

6.2. Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng (Biểu số 10)

6.2.1. Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng qua tự thanh tra, kiểm tra nội bộ; qua các hoạt động quản lý, tiếp nhận thông tin

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương chú trọng thực hiện thường xuyên và từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ, nhất là công tác tự kiểm tra, giám sát của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; hoạt động giám sát của các Ban Thanh tra nhân dân và giám sát trực tiếp của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Tuy nhiên, chưa phát hiện vụ việc, người có hành vi tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát nội bộ, qua các hoạt động quản lý, tiếp nhận thông tin, phản ánh của người dân.

6.2.2. Kết quả phát hiện và xử lý người có hành vi tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Biểu số 10)

Trong kỳ, qua hoạt động thanh tra, giải quyết tố cáo của công dân, các cấp, các ngành đã phát hiện 08 vụ việc có dấu hiệu tội phạm, liên quan đến hành vi tham nhũng; tổng số tiền của Nhà nước bị thiệt hại do hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật gây ra trên 4.000 triệu đồng; đã chuyển toàn bộ hồ sơ 08 vụ việc trên sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

6.2.3. Kết quả thanh tra, kiểm tra về PCTN

Trong kỳ, các cấp, các ngành đã phê duyệt kế hoạch, chỉ đạo tiến hành 70 cuộc kiểm tra, thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN

đối với người đứng đầu 172 cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó Năm 2015, tiến hành 28 cuộc, tại 61 cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Thanh tra tỉnh 03 cuộc, tại 04 đơn vị; cấp huyện 20 cuộc tại 44 đơn vị; cấp sở 05 cuộc, tại 13 đơn vị*); năm 2016, tiến hành 25 cuộc, tại 48 cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Thanh tra tỉnh 03 cuộc, tại 05 đơn vị; cấp huyện 19 cuộc tại 37 đơn vị; cấp sở 03 cuộc, tại 06 đơn vị*); năm 2017, tiến hành 17 cuộc, tại 63 cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Thanh tra tỉnh 01 cuộc, tại 11 đơn vị; cấp huyện 10 cuộc tại 43 đơn vị; cấp sở 06 cuộc, tại 09 đơn vị*).

Qua kiểm tra, thanh tra cho thấy, việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong thời gian qua có những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm phổ biến là: một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa phổ biến quán triệt, ban hành kịp thời các chương trình, kế hoạch để thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN. Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục các chính sách, pháp luật về PCTN cho cán bộ và nhân dân chưa thường xuyên, có hiệu quả. Việc tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng chưa thường xuyên, kiên quyết, có nơi còn lúng túng, sai sót về trình tự thủ tục, hiệu quả có mặt hạn chế, nhất là thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; kê khai và kiểm soát việc kê khai TSTN; xây dựng và thực hiện kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Việc phát hiện, xử lý các vụ việc, người có hành vi tham nhũng còn ít, chưa tương xứng với thực trạng tình hình. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo về PCTN theo quy định... Kết quả kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN đã phát hiện 21 cơ quan, tổ chức, đơn vị có khuyết điểm, vi phạm; qua đó đã kiến nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 21 tổ chức và 02 cá nhân người đứng đầu.

6.2.4. Kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng

6.2.4.1. Xử lý hành chính

Trong số 08 vụ việc có dấu hiệu tội phạm, liên quan đến hành vi tham nhũng đã chuyển hồ sơ, đến nay Cơ quan điều tra đã kết thúc điều tra ban đầu, chuyển trả lại hồ sơ vụ việc để xem xét, xử lý hành chính đối với 06 vụ việc, gồm vụ vi phạm trong việc quản lý, sử dụng tiền BHXH và BHYT của cán bộ kế toán UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát (*đối tượng đã chết*); vụ Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Phù Cát (*chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm*); vụ chiếm đoạt tiền sử dụng đất của 02 cán bộ địa chính xã Cát Sơn, huyện Phù Cát (*chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đã khắc phục hậu quả, chỉ là cán bộ hợp đồng của UBND xã*); vụ UBND xã Nhơn Phúc (*đối tượng bị tai nạn, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*) và UBND xã Nhơn Tân (*chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hậu quả đã được khắc phục xong*), thị xã An Nhơn; vụ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phù Mỹ (*chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hậu quả đã được khắc phục xong*).

Đến nay, các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện quy trình kiểm điểm, xử lý đối với 05 vụ việc, 10 cán bộ, công chức có liên quan, trong đó huyện Vĩnh Thạnh đã xem xét, xử lý kỷ luật hành chính bằng hình thức khiển trách đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hòa; huyện Phù Cát đã xem xét, xử lý cho thôi việc đối với 02 cán bộ địa chính (hợp đồng) tại UBND xã Cát Sơn, xử lý hành

chính bằng hình thức khiển trách đối với kế toán UBND xã Cát Thành; xử lý bằng hình thức khiển trách đối với Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Phù Cát; thị xã An Nhơn đã xem xét, xử lý cách chức đối với Chủ tịch UBND và thi hành kỷ luật đối với 03 công chức có liên quan thuộc UBND xã Nhơn Tân (*cảnh cáo 01, khiển trách 01, hạ bậc lương 01*). 02 vụ việc đang thực hiện quy trình xem xét, xử lý theo quy định, gồm vụ UBND xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn và vụ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phù Mỹ.

6.2.4.2. Xử lý về kinh tế

Đồng thời với việc xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, cơ quan có thẩm quyền đã xem xét, quyết định xử lý thu hồi về kinh tế các khoản tiền đã bị chiếm dụng, chiếm đoạt, sử dụng sai chế độ quy định. Cụ thể trong tổng số tiền trên 4.000 triệu đồng sai phạm phải thu hồi; đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước và xử lý bằng các hình thức khác (*ghi thu, ghi chi, điều chỉnh quyết toán...*) 2.541 triệu đồng, số tiền sai phạm còn lại 1.459 triệu đồng trong vụ việc tại Trường Trung cấp thủ công mỹ nghệ Bình Định đang được Cơ quan điều tra thụ lý.

6.2.4.3. Xử lý hình sự

Hiện nay, Cơ quan điều tra có thẩm quyền đã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đang tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật đối với 02 vụ việc/02 đối tượng có liên quan gồm: vụ chiếm đoạt tiền của kế toán UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh và vụ lập quỹ trái phép của nguyên Hiệu trưởng Trường Trung cấp thủ công mỹ nghệ thuộc Sở Lao động - TB & XH tỉnh Bình Định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN 31/12/2017)

1. Việc ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng; các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của địa phương

Từ năm 2013 đến 31/12/2017, UBND tỉnh đã ban hành 07 văn bản quy phạm pháp luật quy định về công tác quản lý đầu tư xây dựng và cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, gồm: Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách đầu tư tập trung của tỉnh và quy định mức hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh giai đoạn 2011 - 2015; Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 và Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 về ban hành quy định về ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 về việc ban hành tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C của Tỉnh; Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 về việc hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 về việc ban hành quy định về

trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng ngoài Khu công nghiệp và Khu kinh tế trên địa bàn Tỉnh.

2. Về quy hoạch và thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, đến nay một số nội dung trong Quy hoạch không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới; đồng thời với việc thực hiện Chỉ thị số 2178/CT-TTg ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quy hoạch, đòi hỏi Bình Định phải triển khai nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến 2035 làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển phù hợp để tỉnh Bình Định phát triển trở thành một tỉnh công nghiệp - dịch vụ theo hướng hiện đại, trung tâm du lịch quốc gia và khu vực, một trong những đầu tàu kinh tế của vùng duyên hải miền Trung và cả nước.

Vì vậy, năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành quyết định chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến 2035 tại Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 và Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 về việc phê duyệt đề cương và dự toán rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch Tổng thể Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2035. Đến nay, đã hoàn chỉnh sơ bộ bản dự thảo Báo cáo rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến 2035 và sẽ tích hợp vào Quy hoạch tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2030 theo quy định mới của Luật Quy hoạch.

3. Tình hình quản lý các dự án sử dụng vốn nhà nước (kể cả vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước).

3.1. Việc lập, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư từ năm 2013 đến 31/12/2017

Tổng vốn đầu tư từ năm 2013 đến nay (không bao gồm vốn ODA và vốn Trái phiếu Chính phủ trước năm 2017) là 12.248.528 triệu đồng, trong đó năm 2013 là 1.623.962 triệu đồng; năm 2014 là 2.123.805 triệu đồng; năm 2015 là 2.670.298 triệu đồng; năm 2016 là 2.373.374 triệu đồng, năm 2017 là 3.457.089 triệu đồng. Hiện nay, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách Tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 – 2020 (chi tiết có các kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2017 kèm theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3.2. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; tình hình thực hiện các dự án (phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, dự toán; kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng; giá trị thực hiện, nghiệm thu, giá trị giải ngân, quyết toán ...) (Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài

chính và các chủ đầu tư cung cấp cho Thanh tra Chính phủ thông qua các Kết luận của Kiểm toán nhà nước Khu vực III)

3.3. Kết quả thanh tra, kiểm toán của các Bộ, ngành Trung ương và tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán

Từ năm 2013 đến năm 2016, Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán ngân sách hàng năm và kiểm toán chuyên đề về vốn trái phiếu Chính phủ. Hiện nay, Kiểm toán nhà nước đang tiến hành kiểm toán ngân sách năm 2017 tại tỉnh.

Qua các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại tỉnh trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của UBND tỉnh; chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các các ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện kịp thời, nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; tổng hợp kết quả thực hiện trình UBND tỉnh để báo cáo Kiểm toán nhà nước theo quy định (*chi tiết có báo cáo của Sở Tài chính và các ngành, địa phương có liên quan*).

4. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn khác

4.1. Các căn cứ pháp lý để chấp thuận chủ trương đầu tư

*** Trước ngày 01/7/2015 (trước khi Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực):** Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2001 của UBND tỉnh Bình Định quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng ngoài khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Bình Định.

*** Sau ngày 01/7/2015:** Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

4.2. Tình hình xây dựng danh mục dự án mời gọi đầu tư

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Danh mục các dự án mời gọi đầu tư trên cơ sở đề xuất của các cơ quan liên quan và đăng thông tin các dự án mời gọi đầu tư trên website: binhdininvest.gov.vn (Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh); in profile mời gọi đầu tư phát tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; đăng báo; đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Cục Quản lý Đấu thầu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)...Hàng tháng, hàng quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật kịp thời các thông tin trong Danh mục dự án mời gọi đầu tư trên website của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh để các nhà đầu tư được biết và tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư dự án.

Đối với các dự án đất đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc đất đủ điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Tiêu

chỉ lựa chọn nhà đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi Tiêu chí được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng thông tin trên báo; hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Cục Quản lý Đấu thầu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); website của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh (www.binhdinhinvest.gov.vn).

4.3. Tình hình thu hút đầu tư từ 2013 - 2017

- *Tình hình chấp nhận chủ trương đầu tư*: Từ năm 2013 - 2017, UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư cho 107 dự án. Trong đó, năm 2013 là 04 dự án, năm 2014 là 12 dự án, năm 2015 là 20 dự án, năm 2016 là 34 dự án, năm 2017 là 37 dự án (*Phụ lục chi tiết số I đính kèm*).

- *Tình hình cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án FDI*: Từ năm 2013 - 2017, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 24 dự án FDI; trong đó, năm 2013 là 04 dự án, năm 2014 là 05 dự án, năm 2015 là 04 dự án, năm 2016 là 06 dự án, năm 2017 là 05 dự án (*Phụ lục chi tiết số II đính kèm*).

- *Tình hình cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư trong nước (ngoài ngân sách)*: Từ năm 2013 - 2017, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 156 dự án; trong đó, năm 2013 là 42 dự án, năm 2014 là 39 dự án, năm 2015 là 43 dự án, năm 2016 là 18 dự án, năm 2017 là 14 dự án (*Phụ lục chi tiết số III đính kèm*).

- *Tình hình thu hồi dự án đầu tư từ năm 2013 - 2017*: Đối với các dự án FDI, đã tiến hành thu hồi 05 dự án; trong đó, năm 2013 thu hồi 01 dự án, năm 2015 thu hồi 02 dự án, năm 2017 thu hồi 02 dự án (*Phụ lục chi tiết số IV đính kèm*). Đối với các dự án đầu tư trong nước, đã tiến hành thu hồi 39 dự án; trong đó, năm 2013 thu hồi 08 dự án, năm 2014 thu hồi 11 dự án, năm 2015 thu hồi 08 dự án, năm 2016 thu hồi 06 dự án, năm 2017 thu hồi 06 dự án (*Phụ lục chi tiết số IVa đính kèm*).

- *Tình hình thực hiện công tác ký Quỹ*: Từ năm 2013 - 2017 có 20 dự án thực hiện ký Quỹ với số tiền 36,986 tỷ đồng; có 09 dự án đã thông báo nhưng chưa nộp ký Quỹ và 28 dự án thuộc diện hoàn ký Quỹ (Nhà đầu tư ứng trước vốn giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án) (*Phụ lục chi tiết số V, Va, Vb đính kèm*).

4.4. Tình hình quản lý các dự án đầu tư

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Đầu tư năm 2005, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đôn đốc nhà đầu tư báo cáo tình hình triển khai dự án (hàng tháng đối với đầu tư FDI và hàng quý đối với đầu tư trong nước); nêu rõ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án. Trên cơ sở báo cáo của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với các ngành liên quan có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ kịp thời cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, các nhà đầu tư chỉ báo cáo tình hình triển khai dự án đã thực hiện đến thủ tục nào hoặc dự án đã đi vào hoạt động, không báo cáo cụ thể vốn đã giải ngân thực hiện vì lý do tại thời điểm báo cáo, các nhà đầu tư chưa thể thống kê được vốn đầu tư đã bỏ ra để thực hiện dự án đầu tư. Riêng đối với dự án FDI có báo cáo vốn đầu tư thực hiện dự án. Ngoài ra, theo định kỳ vào giữa năm và cuối năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị “Đối thoại doanh nghiệp” giữa lãnh đạo tỉnh

Bình Định với các doanh nghiệp nhằm trực tiếp nghe những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có những biện pháp giải quyết kịp thời.

4.5. Tình hình tổ chức kiểm tra các dự án

Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên tổ chức rà soát tình hình triển khai các dự án, trên cơ sở rà soát sẽ xử lý từng trường hợp, cụ thể như sau:

- Đối với các dự án triển khai chậm tiến độ do vướng công tác bồi thường, GPMB: Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan giải quyết vấn đề GPMB cho từng dự án cụ thể.

- Đối với các dự án triển khai chậm tiến độ do vướng thủ tục pháp lý và yếu tố khách quan về thiên tai: Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản đề nghị các ngành và nhà đầu tư phối hợp với nhau để sớm hoàn thành các thủ tục theo quy định.

- Đối với các dự án triển khai chậm tiến độ do năng lực của nhà đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo UBND tỉnh xem xét thu hồi dự án đầu tư nhằm tạo cơ hội cho các nhà đầu tư khác có năng lực hơn.

4.6. Đánh giá hiệu quả tác động của dự án đến tình hình KT-XH của tỉnh

Thời gian qua, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, tránh lãng phí tài nguyên đất đai; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đóng góp vào ngân sách tỉnh từ nguồn thu tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp; giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

I. ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KNTC VÀ PCTN

1. Ưu điểm

Những năm qua, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương trong tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN đạt được những kết quả tích cực, góp phần tăng cường kỷ cương, kỷ luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, vi phạm chính sách, pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN trên địa bàn tỉnh thời gian qua được tiến hành theo đúng thẩm quyền, đúng pháp luật; bám sát yêu cầu lãnh đạo, quản lý của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ở địa phương và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được, việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cũng còn một số mặt tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, đó là:

Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN tại một số ngành, địa phương còn có mặt hạn chế, chậm được đổi

mới phù hợp với yêu cầu của tình hình. Việc thực hiện trình tự thủ tục thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC có trường hợp còn thiếu sót, phổ biến nhất là tình trạng xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm chậm so với quy định; thực hiện các cuộc thanh tra còn kéo dài quá thời hạn; chậm ban hành kết luận thanh tra và chỉ đạo xử lý kết quả thanh tra. Việc phát hiện vụ việc, người có hành vi tham nhũng qua hoạt động thanh tra, giải quyết KNTC của công dân còn ít so với thực trạng tình hình và mong đợi của nhân dân. Việc xử lý thu hồi tài sản tham nhũng còn nhiều khó khăn, hiệu quả thấp so với yêu cầu. Một số ngành, địa phương giải quyết các vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền còn kéo dài, biện pháp chưa phù hợp, không dứt điểm được vụ việc. Hiệu quả công tác tiếp công dân ở cấp cơ sở nhìn chung chưa cao. Việc chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng tại một số ngành, địa phương chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết, chưa phát huy rõ nét hiệu quả trên thực tế. Đội ngũ công chức làm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN của một số ngành, địa phương, nhất là cấp cơ sở còn thiếu và yếu; nguồn lực đầu tư cho công tác này còn khó khăn, nhất là đầu tư cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; trang bị cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và các hoạt động tác nghiệp. Người đứng đầu một số ngành, địa phương chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN. Một số ngành, địa phương thực hiện chế độ thông tin báo cáo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN chưa kịp thời, đầy đủ, do đó gây khó khăn cho việc tổng hợp, đánh giá tình hình, phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và báo cáo cho các cơ quan cấp trên theo quy định...

II. ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ ĐTXD

1. Ưu điểm

Thời gian qua, tỉnh Bình Định đã tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp huy động vốn đầu tư toàn xã hội; chú trọng xúc tiến đầu tư từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai dự án, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tại các buổi đối thoại do lãnh đạo tỉnh tổ chức định kỳ hàng năm tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm đẩy nhanh tốc độ đầu tư, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua vẫn còn một số mặt tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc như: do nguồn lực hạn chế nên quy mô đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh nhìn chung còn nhỏ, phân tán. Thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài còn nhiều khó khăn. Việc tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư còn chậm, có khó khăn, vướng mắc xuất

phát từ thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường do các văn bản Trung ương ban hành có sự chồng chéo. Tình hình nợ đọng vốn đầu tư; giải ngân vốn đầu tư chậm; vi phạm chính sách, pháp luật, trình tự thủ tục, lãng phí trong thực hiện các dự án đầu tư còn xảy ra ở một số nơi...

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị Thanh tra Chính phủ nghiên cứu trình Chính phủ chỉ đạo rà soát, tiếp tục hoàn thiện các chính sách, pháp luật về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN bảo đảm tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các luật có liên quan; trong đó chú trọng bổ sung, hoàn thiện các biện pháp chế tài bảo đảm hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng; xác định rõ phạm vi hoạt động, cơ chế phối hợp giữa công tác kiểm tra, thanh tra với kiểm toán nhà nước nhằm hạn chế tối đa tình trạng tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

2. Kiến nghị Thanh tra Chính phủ tăng cường phối hợp, hỗ trợ về nghiệp vụ, kịp thời cung cấp thông tin, nhằm giúp cho địa phương giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài, vượt cấp; tăng cường đầu tư, nghiên cứu, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng thống nhất hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác thanh tra, tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC và PCTN, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá tình hình, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; tăng cường quan hệ phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN.

3. Kiến nghị Thanh tra Chính phủ xem xét báo cáo Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan rà soát các quy định về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường tạo cơ chế thống nhất giữa các Luật liên quan để thuận tiện cho công tác xúc tiến đầu tư và quản lý các dự án tại các địa phương.

Trên đây là tình hình và kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN (từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017) và quản lý đầu tư xây dựng (từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2017) trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Đoàn Thanh tra của TTCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1, K18.  

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng 

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, GIẢI QUYẾT KNTC VÀ PCTN

(Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017)

(Kèm theo Báo cáo số: 101 /BC-UBND ngày 06 /7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân				Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm										Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý				Ghi chú				
							Pháp luật về thanh tra		Pháp luật về TT, KNTC, PCTN		Thực hiện pháp luật về thanh tra		Thực hiện pháp luật về TT, KNTC, PCTN		Số đơn vị có vi phạm	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT và QĐXL đã kiểm tra		Kết quả kiểm tra			
																Kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Hành chính				Kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Đã xử lý hành chính	
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Lớp	Người	Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị	Số cuộc	Số đơn vị	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21				
Năm 2015	109	4	2	202	106	10.795	2	11	33	62	9	9	0	0	0	15	6	0	0	0					
Cấp tỉnh	12	0			1	100			3	4	2	2				1	2								
Cấp huyện	67	1	0	0	94	9.905	0	0	22	45	2	2	0	0	0	9	2	0	0	0					
Cấp sở	30	3	2	202	11	790	2	11	8	13	5	5	0	0	0	5	2	0	0	0					
Năm 2016	88	2	0	0	66	6.556	3	8	29	49	4	4	0	0	0	5	4	0	0	0					
Cấp tỉnh	5	1			1	60	1	4	3	5	0	0	0	0	0	0	0								
Cấp huyện	55				56	5.753	2	4	19	37	2	2	0	0	0	3	2								
Cấp sở	28	1			9	743			7	7	2	2	0	0	0	2	2								
Năm 2017	88	2	0	0	112	12.936	3	3	20	70	8	8	2	0	0	3	2	3	0	3					
Cấp tỉnh	10	2	0	0	2	460	0	0	2	18	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
Cấp huyện	46	0	0	0	105	11.805	0	0	12	43	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0					
Cấp sở	32	0	0	0	5	671	3	3	6	9	2	2	2	0	0	3	2	3	0	3					
Cộng 03 năm =	285	8	2	202	284	30.287	8	22	82	181	21	21	2	0	0	23	12	3	0	3					
Cấp tỉnh	27	3	0	0	4	620	1	4	8	27	2	2	0	0	0	1	2	0	0	0					
Cấp huyện	168	1	0	0	255	27.463	2	4	53	125	10	10	0	0	0	12	4	0	0	0					
Cấp sở	90	4	2	202	25	2.204	5	14	21	29	9	9	2	0	0	10	6	3	0	3					



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH
(Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017)
(Kèm theo Báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Tổng sai phạm		Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu		Kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra											Ghi chú
	Tổng số	Thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (trđ)	Đất (m2)	Tiền (trđ)	Đất (m2)	Tiền (trđ)	Đất (m2)	Hành chính		Chuyển đổi		Tiền (trđ)	Đất (m2)	Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đơn đốc	Kết quả kiểm tra, đơn đốc										
		Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc	Đã ban hành kết luận									Phải thu	Đã thu	Phải thu	Đã thu				Tổ chức	Cá nhân	Chuyển CQĐT								
																									Vụ	Đổi tương	Vụ	Đổi tương					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
Năm 2015	79	21	58	65	14	67	57	295	138	41.391	67.265.840	10.686	0	30.705	67.265.840	24	66	2	2	5.467	0	41	10.686	5.467	0	0	9	49	2	2			
Thanh tra tỉnh	11	3	8	7	4	10	9	155	87	32.741	106.015	8.003	0	24.738	106.015	0	0	0	0	4.207	0	5	8.003	4.207	0	0	0	0	0	0			
Thanh tra huyện	53	15	38	44	9	42	34	116	43	3.585	67.159.825	2.468	0	1.117	67.159.825	23	66	2	2	1.045	0	25	2.468	1.045	0	0	8	49	2	2			
Thanh tra sở	15	3	12	14	1	15	14	24	8	5.065	0	215	0	4.850	0	1	0	0	0	215	0	11	215	215	0	0	1	0	0	0			
Năm 2016	86	17	69	71	15	75	72	218	107	10.848	250.880	6.817	1.395	4.031	249.485	29	85	2	2	4.700	0	47	5.522	4.700	1.395	0	14	49	2	2			
Thanh tra tỉnh	12	2	10	8	4	9	9	69	36	4.603	0	4.271	0	332	0	1	1	0	0	3.898	0	6	4.271	3.898	0	0	6	25	0	0			
Thanh tra huyện	57	14	43	47	10	51	48	114	60	5.789	250.880	2.260	1.395	3.529	249.485	28	78	2	2	790	0	33	1.239	790	1.395	0	8	24	2	2			
Thanh tra sở	17	1	16	16	1	15	15	35	11	456	0	286	0	170	0	0	6	0	0	12	0	8	12	12	0	0	0	0	0	0			
Năm 2017	90	14	76	70	20	76	68	151	56	12.629	1.540.896	5.677	15.242	6.952	1.525.654	21	56	4	0	4.009	0	54	5.190	4.009	15.242	3.072	16	41	4	0			
Thanh tra tỉnh	13	2	11	7	6	13	11	26	8	4.651	667.492	2.964	0	1.687	667.492	0	0	1	0	1.897	0	8	2.760	1.897	0	0	2	8	1	0			
Thanh tra huyện	55	9	46	44	11	45	39	99	38	6.422	873.404	2.309	15.242	4.113	858.162	19	44	3	0	1.708	0	38	2.026	1.708	15.242	3.072	14	27	3	0			
Thanh tra sở	22	3	19	19	3	18	18	26	10	1.556	0	404	0	1.152	0	2	12	0	0	404	0	8	404	404	0	0	0	6	0	0			
Cộng 3 năm =	255	52	203	206	49	218	197	664	301	64.868	69.057.616	23.180	16.637	41.688	69.040.979	74	207	8	4	14.176	0	142	21.398	14.176	16.637	3.072	39	139	8	4			
Thanh tra tỉnh	36	7	29	22	14	32	29	250	131	41.995	773.507	15.238	0	26.757	773.507	1	1	1	0	10.002	0	19	15.034	10.002	0	0	8	33	1	0			
Thanh tra huyện	165	38	127	135	30	138	121	329	141	15.796	68.284.109	7.037	16.637	8.759	68.267.472	70	188	7	4	3.543	0	96	5.733	3.543	16.637	3.072	30	100	7	4			
Thanh tra sở	54	7	47	49	5	48	47	85	29	7.077	0	905	0	6.172	0	3	18	0	0	631	0	27	631	631	0	0	1	6	0	0			

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

(Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017)

(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 06 /7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc kiểm tra, thanh tra			Số cá nhân được thanh tra	Số tổ chức được thanh tra	Kết quả																		Ghi chú	
	Tổng số	Thành lập Đoàn	Thanh tra độc lập			Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính			Số tiền đã thu			
						Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức		Tổng số	Tịch thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân		Tổ chức
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	23=16+17+20	24	25	26
Năm 2015	4.295	169	4.126	5.118	891	2.131	1.983	148	1.712	1.617	95	5.440		5.440	1.594				9.506	7.704	1.802	9.633	7.626	2.007	
Năm 2016	8.433	133	8.300	9.436	988	5.391	2.797	2.594	2.721	2.594	127	11.633		11.633	2.326				10.804	9.840	964	12.296	9.840	2.456	
Năm 2017	2.256	285	1.971	4.924	975	3.131	2.980	151	2.838	2.779	59	7.124		7.124	1.502				8.820	7.890	930	9.597	7.833	1.764	
Cộng =	14.984	587	14.397	19.478	2.854	10.653	7.760	2.893	7.271	6.990	281	24.197	0	24.197	5.422	0	0	0	29.130	25.434	3.696	31.526	25.299	6.227	

(Số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2017)

(Kèm theo Báo cáo số: 404/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị	Tiếp công dân thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo								Nội dung tiếp công dân (số vụ việc)										Kết quả qua tiếp dân (số vụ việc)					Ghi chú
	Lượt	Người	Vụ việc		Đoàn đông người				Lượt	Người	Vụ việc		Đoàn đông người				Khẩn nại					Tổ cáo			Phản ánh, kiến nghị, khác	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết					
			Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Vụ việc	Cũ			Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Vụ việc	Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực CT, VH, XH khác	Lĩnh vực hành chính			Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Chưa có QĐ giải quyết	Đã có QĐ giải quyết (tần 1,2, cuối cùng)	Đã có bản án của Tòa	
																			Về tranh chấp, đòi bồi cứu, đền bù, giải tỏa...	Về chính sách	Về nhà, tài sản	Về chế độ CC, VC										
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
Năm 2015	4.021	4.778	1.241	2.643	23	640	11	12	1.107	1.426	400	710	4	209	1	3	1.835	182	211	9	137	369	48	12	11	2.207	2.195	2.272	542	12		
Cấp tỉnh	2.127	2.717	798	1.329	21	611	11	10	21	128	19	3	2	64	1	1	725	23	158	9	55	147	20	9	8	1.018	674	1.373	121	4		
Cấp huyện	581	623	133	410	2	29		2	482	668	210	308	2	145		2	641	58	21	0	39	28	8	0	1	269	481	433	143	8		
Sở, ngành	290	343	158	149	0	0	0	0	42	47	18	24	0	0	0	0	50	21	9	0	20	26	13	2	0	208	32	80	237	0		
Xã, phường	1.023	1.095	152	755	0	0	0	0	562	583	153	375	0	0	0	0	419	80	23	0	23	168	7	1	2	712	1.008	386	41	0		
Năm 2016	4.140	4.547	971	2.779	35	1.101	16	14	1.428	1.935	627	957	5	213	4	0	1.734	57	210	14	111	283	66	2	0	2.891	2.015	2.983	364	6		
Cấp tỉnh	2.056	2.296	826	1.256	24	986	16	8	59	315	18	41	4	209	4	0	768	31	175	7	97	83	7	2	0	999	645	1.418	100	6		
Cấp huyện	544	585	13	519	3	54	0	2	508	842	170	704	1	4	0	0	753	17	18	3	1	128	55	0	0	433	515	655	238	0		
Sở, ngành	472	495	132	199	1	5	0	1	56	56	6	35	0	0	0	0	20	5	10	2	5	18	4	0	0	309	333	21	19	0		
Xã, phường	1.068	1.171	0	805	7	56	0	3	805	722	433	177	0	0	0	0	193	4	7	2	8	54	0	0	0	1.150	522	889	7	0		
Năm 2017	3.069	4.346	373	2.210	52	1.529	16	30	1.781	2.372	97	1.233	12	218	4	7	2.541	76	342	66	51	471	34	3	8	378	2.387	1.177	398	8		
Cấp tỉnh	1.061	2.251	281	635	38	1.461	12	20	61	214	7	54	7	165	1	5	669	13	79	40	21	87	9	3	1	93	301	526	181	7		
Cấp huyện	775	788	24	564	3	17	0	3	334	527	27	419	2	12	1	1	640	26	104	14	27	100	8	0	6	114	571	281	186	1		
Sở, ngành	128	146	17	107	2	18	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	74	23	0	6	0	12	1	0	0	10	36	78	12	0		
Cấp xã	1.105	1.161	51	904	9	33	3	6	1.386	1.631	63	760	3	41	2	1	1.158	14	159	6	3	272	16	0	1	161	1.479	292	19	0		
Cộng 3 năm	11.230	13.671	2.585	7.632	110	3.270	43	56	4.316	5.733	1.124	2.900	21	640	9	10	6.110	315	763	89	299	1.123	148	17	19	5.476	6.597	6.432	1.304	26		
Cấp tỉnh	5.244	7.264	1.905	3.220	83	3.058	39	38	141	657	44	98	13	438	6	6	2.162	67	412	56	173	317	36	14	9	2.110	1.620	3.317	402	17		
Cấp huyện	1.900	1.996	170	1.493	8	100	0	7	1.324	2.037	407	1.431	5	161	1	3	2.034	101	143	17	67	256	71	0	7	816	1.567	1.369	567	9		
Sở, ngành	890	984	307	455	3	23	1	2	98	103	24	59	0	0	0	0	144	49	19	8	25	56	18	2	0	527	401	179	268	0		
Cấp xã	3.196	3.427	203	2.464	16	89	3	9	2.753	2.936	649	1.312	3	41	2	1	1.770	98	189	8	34	494	23	1	3	2.023	3.009	1.567	67	0		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(Số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2017)
(Kèm theo Báo cáo số: 404/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị	Tiếp nhận					Phân loại đơn khiếu nại, tố cáo (số đơn)																			Đơn khác (Kiến nghị, phản ánh, đơn khiếu nại)	Kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo					Ghi chú	
	Tổng số đơn	Đơn tiếp nhận trong kỳ		Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn đủ điều kiện xử lý	Theo nội dung												Theo thẩm quyền giải quyết			Theo trình tự giải quyết				Số văn bản hướng dẫn	Số đơn chuyển cơ quan có thẩm quyền	Đơn thuộc thẩm quyền				
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên		Khiếu nại					về Đảng	Tổng	Tố cáo					Của các cơ quan hành chính các cấp	Của cơ quan tư pháp các cấp	Của cơ quan Đảng	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết lần đầu	Đã được giải quyết nhiều lần				Kiếu nại	Tố cáo			
							Tổng	Liên quan đến đất đai	Về nhà, tài sản	Về chính sách, chế độ CC, VC	Lĩnh vực CT, VH, XH khác			Lĩnh vực tư pháp	về Đảng	Tổng	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp												Tham nhũng		Về Đảng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
Năm 2015	3.901	187	3.577	2	135	3.769	1.884	1.240	179	123	342	70	0	253	117	8	7	0	121	2.121	86	0	1.297	873	37	1.562	1.520	862	61	1.200	126	
Cấp tỉnh	652	51	583	0	18	652	556	335	95	14	112	5	0	91	62	0	0	0	29	647	5	0	490	155	7	0	285	57	0	278	32	
Cấp huyện	1.135	60	1.019	2	54	1.121	577	455	23	62	37	31	0	54	24	4	3	0	23	614	48		286	356	20	459	153	388	57	475	48	
Sở, ngành	1.339	31	1.276	0	32	1.223	525	331	42	19	133	20	0	95	25	3	4	0	63	617	23		414	216	10	583	584	391	4	208	36	
Cấp xã	775	45	699	0	31	773	226	119	19	28	60	14	0	13	6	1	0	0	6	243	10	0	107	146	0	520	498	26	0	239	10	
Năm 2016	4.775	112	4.487	1	175	4.229	2.649	1.290	205	85	1.069	44	0	227	94	3	2	0	128	2.876	44	0	1.957	856	107	1.309	2.500	223	81	1.355	70	
Cấp tỉnh	659	25	618	0	16	659	558	311	91	29	127	8	0	93	56	0	0	0	37	651	8	0	560	93	6		335	84		231	9	
Cấp huyện	1.869	38	1.732	0	99	1.797	1.295	691	81	48	475	15	0	37	14	1	0	0	22	1.332	15	0	963	328	56	450	1.036	14	0	724	23	
Sở, ngành	1.548	41	1.463	1	43	1.083	414	203	27	3	181	12	0	88	22	1	2	0	63	502	12	0	186	283	45	569	723	100	81	150	29	
Cấp xã	699	8	674	0	17	690	382	85	6	5	286	9	0	9	2	1	0	0	6	391	9	0	248	152	0	290	406	25	0	250	9	
Năm 2017	3.314	210	2.924	0	180	3.263	2.749	1.955	361	114	319	38	0	241	175	1	3	0	62	2.989	39	0	1.578	1.391	59	235	1.930	193	0	1.091	49	
Cấp tỉnh	538	31	483	0	24	538	421	358	41	9	13	3	0	114	81	0	0	0	33	535	3	0	56	478	4	0	275	103	0	149	11	
Cấp huyện	1.339	86	1.122	0	131	1.296	1.069	743	159	33	134	12	0	55	42	1	0	0	12	1.123	13	0	576	540	20	160	940	37	0	301	18	
Sở, ngành	611	88	507	0	16	603	517	307	75	54	81	12	0	59	44	0	3	0	12	576	12	0	248	305	35	15	300	53	0	243	7	
Cấp xã	826	5	812	0	9	826	742	547	86	18	91	11	0	13	8	0	0	0	5	755	11	0	698	68	0	60	415	0	0	398	13	
Cộng 3 năm	11.990	509	10.988	3	490	11.261	7.282	4.485	745	322	1.730	152	0	721	386	12	12	0	311	7.986	169	0	4.832	3.120	203	3.106	5.950	1.278	142	3.646	245	
Cấp tỉnh	1.849	107	1.684	0	58	1.849	1.535	1.004	227	52	252	16	0	298	199	0	0	0	99	1.833	16	0	1.106	726	17	0	895	244	0	658	52	
Cấp huyện	4.343	184	3.873	2	284	4.214	2.941	1.889	263	143	646	58	0	146	80	6	3	0	57	3.069	76	0	1.825	1.224	96	1.069	2.129	439	57	1.500	89	
Sở, ngành	3.498	160	3.246	1	91	2.909	1.456	841	144	76	395	44	0	242	91	4	9	0	138	1.695	47	0	848	804	90	1.167	1.607	544	85	601	72	
Cấp xã	2.300	58	2.185	0	57	2.289	1.350	751	111	51	437	34	0	35	16	2	0	0	17	1.389	30	0	1.053	366	0	870	1.319	51	0	887	32	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI
(Số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2017)
(Kèm theo Báo cáo số: ~~101~~/BC-UBND ngày ~~06~~ 7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền				Kết quả giải quyết																Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại															
	Tổng số đơn khiếu nại	Trong đó			Đã giải quyết				Phân tích kết quả (vụ việc)						Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Số người được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính	Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố			Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn		Số vụ việc giải quyết quá thời hạn	Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho công dân					
									Khấu nại đúng	Khấu nại sai	Khấu nại đúng một phần	Giải quyết lần 1	Giải quyết lần 2								Số đối tượng	Số đối tương	Kết quả						Phải thu	Đã thu	Phải trả		Đã trả					
													Tiền (Trđ)	Hủy, sửa QĐ g/q lần 1																	Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố		Tiền (Trđ)	Đã (m2)	Tiền (Trđ)	Đã (m2)	
		Số vụ việc từ đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Tổng số vụ việc	Tiền (Trđ)	Đất (m2)							Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)						Tiền (Trđ)	Đất (m2)													
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
Năm 2015	1.200	987	213	1.200	1.098	1.098	894	204	163	752	183	501	469	128	135	308	1.599	257	346	2	2	0	0	0	0	1.076	22	894	878	135	308	135	308	1.599	257	1.599	257	
Cấp tỉnh	278	260	18	278	262	262	255	7	0	229	33	0	229	33	0	0	1.599	257	33	0	0	0	0	0	0	262	0	255	255	0	0	0	0	1.599	257	1.599	257	
Cấp huyện	475	436	39	475	433	433	397	36	95	251	87	214	139	80	0	308	0	0	182	2	2	0	0	0	0	422	11	397	388	0	308	0	308	0	0	0	0	
Sở, ngành	208	176	32	208	193	193	172	21	16	173	4	103	76	14	135	0	0	0	20	0	0	0	0	0	0	182	11	172	165	135	0	135	0	0	0	0	0	
Xã, phường	239	115	124	239	210	210	70	140	52	99	59	184	25	1	0	0	0	0	111	0	0	0	0	0	0	210	0	70	70	0	0	0	0	0	0	0	0	
Năm 2016	1.355	1.263	92	1.355	1.238	1.238	1.146	92	50	1.040	148	771	317	150	300	3.901	5.683	2.170	198	3	0	0	0	0	0	1.173	65	1.355	1.238	300	3.901	300	2.901	4.483	1.860	1.573	1.700	
Cấp tỉnh	231	215	16	231	207	207	201	6	0	170	37	0	170	37	300	1.000	2.183	1.610	37	3	0	0	0	0	0	207	0	231	207	300	1.000	300	0	983	1.300	983	1.300	
Cấp huyện	724	699	25	724	676	676	647	29	28	568	80	516	85	75	0	1.000	3.500	560	108	0	0	0	0	0	0	666	10	724	676	0	1.000	0	1.000	3.500	560	590	400	
Sở, ngành	150	106	44	150	143	143	141	2	10	130	3	77	62	4	0	0	0	0	13	0	0	0	0	0	0	91	52	150	143	0	0	0	0	0	0	0	0	
Xã, phường	250	243	7	250	212	212	157	55	12	172	28	178	0	34	0	1.901	0	0	40	0	0	0	0	0	0	209	3	250	212	0	1.901	0	1.901	0	0	0	0	0
Năm 2017	1.091	1.039	52	1.091	930	930	918	12	175	672	83	539	267	124	499	100	6.507	4.487	258	0	0	0	0	0	0	888	42	918	821	499	100	0	100	6.507	4.487	5.735	1.755	
Cấp tỉnh	149	125	24	149	131	131	129	2	35	69	27	0	69	62	499	100	6.207	4.037	62	0	0	0	0	0	0	131	0	129	112	499	100	0	100	6.207	4.037	5.735	1.755	
Cấp huyện	301	289	12	301	254	254	244	10	30	189	35	138	75	41	0	0	300	450	65	0	0	0	0	0	0	251	3	244	213	0	0	0	0	300	450	0	0	
Sở, ngành	243	227	16	243	219	219	219	0	0	214	5	108	106	5	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	195	24	219	202	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Xã, phường	398	398	0	398	326	326	326	0	110	200	16	293	17	16	0	0	0	0	126	0	0	0	0	0	0	311	15	326	294	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cộng 03 năm	3.646	3.289	357	3.646	3.266	3.266	2.958	308	388	2.464	414	1.811	1.053	402	934	4.309	13.789	6.914	802	5	2	0	0	0	0	3.137	129	3.167	2.937	934	4.309	435	3.309	12.589	6.604	8.907	3.712	
Cấp tỉnh	658	600	58	658	600	600	585	15	35	468	97	0	468	132	799	1.100	9.989	5.904	132	3	0	0	0	0	0	600	0	615	574	799	1.100	300	100	8.789	5.594	8.317	3.312	
Cấp huyện	1.500	1.424	76	1.500	1.363	1.363	1.288	75	153	1.008	202	868	299	196	0	1.308	3.800	1.010	355	2	2	0	0	0	0	1.339	24	1.365	1.277	0	1.308	0	1.308	3.800	1.010	590	400	
Sở, ngành	601	509	92	601	555	555	532	23	26	517	12	288	244	23	135	0	0	0	38	0	0	0	0	0	0	468	87	541	510	135	0	135	0	0	0	0	0	0
Cấp xã	887	756	131	887	748	748	553	195	174	471	103	655	42	51	0	1.901	0	0	277	0	0	0	0	0	0	730	18	646	576	0	1.901	0	1.901	0	0	0	0	0



TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO
(Số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2017)
(Kèm theo Báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền				Kết quả giải quyết																Chấp hành thời gian giải quyết theo quy		Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo												Ghi chú								
																							Trong đó								Đã giải quyết		Phân tích kết quả (vụ việc)			Kiến nghị thu hồi cho Nhà		Trả lại cho công dân		Số người được bảo vệ quyền lợi		Kiến nghị xử lý hành	
	Đơn nhận trong kỳ báo cáo		Đơn tồn kỳ trước chuyển sang		Tổng số vụ việc		Số đơn thuộc thẩm quyền		Số vụ việc thuộc thẩm quyền		Tổ cáo đúng		Tổ cáo sai		Tiền (Trđ)		Đất (m2)		Tiền (Trđ)				Đất (m2)		Tiền (Trđ)		Đất (m2)		Tiền (Trđ)														
																															MS	1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11
Năm 2015	126	115	11	126	115	115	40	57	18	3.006	435	0	0	58	2	2	1	4	0	0	105	10	108	108	3.006	435	3.006	435	0	0	0	0											
Cấp tỉnh	32	32	0	32	31	31	24	5	2	2.905	240	0	0	26	0	0	0	0	0	0	31	0	33	33	2.905	240	2.905	240															
Cấp huyện	48	40	8	48	41	41	11	20	10	101	195	0	0	21	2	2	1	4	0	0	31	10	41	41	101	195	101	195	0	0	0	0											
Sở, ngành	36	36	0	36	33	33	4	23	6	0	0	0	0	10	0	0	0	0	0	0	33	0	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0											
Xã, phường	10	7	3	10	10	10	1	9	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	10	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0											
Năm 2016	70	65	5	70	65	65	8	47	10	229	0	0	0	15	5	5	0	0	0	0	65	0	70	65	229	0	229	0	0	0	0	0											
Cấp tỉnh	9	8	1	9	9	9	0	6	3	50	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	9	0	9	9	50	0	50	0	0	0	0	0											
Cấp huyện	23	19	4	23	20	20	1	18	1	179	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	20	0	23	20	179	0	179	0	0	0	0	0											
Sở, ngành	29	29	0	29	27	27	7	15	5	0	0	0	0	12	0	0	0	0	0	0	27	0	29	27	0	0	0	0	0	0	0	0											
Xã, phường	9	9	0	9	9	9	0	8	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	9	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0											
Năm 2017	49	47	2	49	43	43	4	26	13	5	0	0	80	6	0	0	1	1	1	1	43	0	43	35	5	0	0	0	0	80	0	0											
Cấp tỉnh	11	11	0	11	9	9	0	6	3	0	0	0	80	1	0	0	1	1	1	1	9	0	9	7	0	0	0	0	0	80	0	0											
Cấp huyện	18	17	1	18	17	17	2	13	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17	0	17	15	0	0	0	0	0	0	0	0											
Sở, ngành	7	6	1	7	6	6	1	0	5	5	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	6	0	6	3	5	0	0	0	0	0	0	0											
Xã, phường	13	13	0	13	11	11	1	7	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0	11	10	0	0	0	0	0	0	0	0											
Cộng 3 năm	245	227	18	245	223	223	52	130	41	3.240	435	0	80	79	7	7	2	5	1	1	213	10	221	208	3.240	435	3.240	435	0	80	0	0											
Cấp tỉnh	52	51	1	52	49	49	24	17	8	2.955	240	0	80	27	5	5	1	1	1	1	49	0	51	49	2.955	240	2.955	240	0	80	0	0											
Cấp huyện	89	76	13	89	78	78	14	51	13	280	195	0	0	23	2	2	1	4	0	0	68	10	81	76	280	195	280	195	0	0	0	0											
Sở, ngành	72	71	1	72	66	66	12	38	16	5	0	0	0	27	0	0	0	0	0	0	66	0	60	55	5	0	5	0	0	0	0	0											
Xã, phường	32	29	3	32	30	30	2	24	4	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	30	0	29	28	0	0	0	0	0	0	0	0											

BÁO CÁO
KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO DO CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CHUYÊN ĐỀN
(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017)
(Kèm theo Báo cáo số: 401/BC-UBND ngày 07/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

S TT	HỌ VÀ TÊN, ĐỊA CHỈ	NỘI DUNG VỤ VIỆC	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT		GHI CHÚ
				UBND tỉnh đã ban hành Quyết định, VB trả lời	UBND tỉnh đã chuyển đơn đến các sở, ngành, UBND các huyện thị xã, thành phố giải quyết theo thẩm quyền	
Năm 2015						
I. Các Văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ tướng Chính phủ						
01	Bà Nguyễn Thị Minh; bà Lê Thị Ánh Tuyết; ông Nguyễn Văn Bé; ông Nguyễn Văn Trung; bà Nguyễn Thị Hay; ông Trần Văn Hùng; ông Huỳnh Thiện Tài Địa chỉ: Thôn Dương Liễu Tây, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ	Khiếu nại: Liên quan đến việc nhà nước thu hồi phần diện tích đất của hộ các ông, bà ở thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ để thực hiện dự án QL1 nhưng giải quyết bồi thường, hỗ trợ chưa thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ.	Văn bản số 3343/VPCP-V.I ngày 12/5/2015 của Văn phòng Chính phủ		UBND tỉnh đã giao UBND huyện Phù Mỹ giải quyết theo thẩm quyền. Qua kết quả kiểm tra và tiếp công dân, UBND huyện Phù Mỹ đã chỉ đạo các Phòng, ban liên quan tính toán bồi thường, hỗ trợ dứt điểm cho các hộ dân theo quy định pháp luật. Các hộ thống nhất chấm dứt khiếu nại.	Đã xong
02	Ông Nguyễn Mùa Địa chỉ: Thôn An Dương 2, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn	Khiếu nại: Việc Nhà nước thu hồi phần diện tích đất của hộ gia đình ông tại thôn An Dương 1, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A nhưng không giải quyết bồi thường, hỗ trợ về đất ở; không bồi thường đủ diện tích đất bị thu hồi cho hộ gia đình ông.		Việc này, Chủ tịch UBND huyện Hoài Nhơn đã có quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 trả lời khiếu nại của ông. Ông Mùa tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh. Trên cơ sở đề xuất của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 188/TTr-P3 ngày 17/4/2015, UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại và trả lời cho công dân tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND 27/4/2015 (Quyết định GQKN lần hai)		Đã xong

03	Ông Lữ Văn Đức Địa chỉ: Thôn An Đường 2, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhon	Khiếu nại: Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Hoài Nhon về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông liên quan đến việc đòi bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 59,2m2 theo loại đất ở và giải quyết bồi thường 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc trên đất cho hộ gia đình ông có nhà, đất tại xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhon bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A.		Về việc này, trên cơ sở tham mưu của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản 327/TTr-P3 ngày 06/7/2015, UBND tỉnh đã giải quyết khiếu nại cho công dân tại Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 (Quyết định GQKN lần hai).		Đã xong
04	Bà Trần Thị Cảnh Địa chỉ: Xóm 13, thôn Lương Thọ 2, xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhon	Khiếu nại: đòi lại đất tại xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhon để xây dựng nhà từ đường tộc họ Trần	Văn bản số 8130/VPCP-V.I ngày 07/10/2015 của Văn phòng Chính phủ	Nội dung khiếu nại của bà đã được UBND huyện Hoài Nhon giải quyết trả lời tại Công văn số 21/UBND-CV ngày 16/01/2009 nhưng bà không đồng ý và tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, đề xuất; trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết, trả lời tại Văn bản số 4019/UBND-TD ngày 20/11/2009 và Văn bản số 797/UBND-TD ngày 18/3/2010. Đến nay, công dân không tiếp tục khiếu nại.		Đã xong
05	Bà Võ Thị Bích Toại Địa chỉ: 12 Trần Thị Lý, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhon	Kiến nghị: Xem xét, giải quyết bán 01 lô đất theo giá ưu đãi Nhà nước cho bà (bản thân bà là thương binh, nguyên là chiến sỹ Sư đoàn 3 Sao Vàng) thuộc diện gia đình chính sách để xây dựng nhà ở để thờ cúng 02 liệt sỹ (Cha là liệt sỹ Võ Thành Chi, chồng là liệt sỹ Vũ Ngọc Thủy) đã hy sinh vì sự nghiệp Cách mạng	Văn bản số 6433/VPCP-V.I ngày 17/8/2015 của Văn phòng Chính phủ	Về việc này, UBND tỉnh đã giao UBND thành phố Quy Nhon phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra, đề xuất; trên cơ sở đề xuất của UBND thành phố Quy Nhon tại Văn bản số 236/BC-UBND ngày 23/9/2016, UBND tỉnh đã có Văn bản thống nhất giao cho hộ bà Toại 01 lô đất ở tại khu B, đường số 5A, lộ giới 7m thuộc khu QHDC Tây Võ Thị Sáu, phường Nhon Binh, thành phố Quy Nhon. Đến nay, bà Toại đã nhận đất, sử dụng ổn định, không khiếu nại.		Đã xong

II. Các Văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành chuyển đến

(Không có)

III. Các Văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch nước, Quốc Hội, các ban Đảng chuyển đến

06	Bà Võ Thị Trường Địa chỉ: Thôn Thiện Chánh 2, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhon	Khiếu nại: Đòi lại đất tại thôn Thiện Chánh 2, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhon	Văn bản số 400/BTNMT ngày 06/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Vụ việc này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra và kết luận tại Văn bản số 4876/BTNMT-TTr ngày 27/11/2013, được Thủ tướng chính phủ đồng ý tại Văn bản số 1320/VPCP-V.I ngày 28/02/2014. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo UBND huyện Hoài Nhon mời gia đình bà Võ Thị Trường thống nhất chọn một trong hai vị trí: Lô đất thuộc khu quy hoạch dân cư xóm Hào Thiện, thôn Tân Thành 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhon hoặc Lô đất thuộc khu quy hoạch dân cư xóm 2, thôn Dĩnh Thạnh, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhon. Tuy nhiên, bà Võ Thị Trường không thống nhất nhận đất mà tiếp tục		Công dân tiếp tục khiếu kiện
----	---	---	--	--	--	------------------------------

				kiếu nại đòi lại đất cũ. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1945/UBND-TD ngày 07/5/2015 trả lời đơn cho bà Võ Thị Trường theo hướng không công nhận đơn vì trái quy định pháp luật. Ngày 28/5/2015 Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 2099/BTNMT-TTr thống nhất kết quả giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh là đúng quy định.		
NĂM 2016						
Không có						
NĂM 2017						
I. Các Văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ tướng Chính phủ						
01	Ông Lê Quang Tâm Địa chỉ: 208B Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn	Kiến nghị xem xét, hợp thức hóa phần diện tích 27,5m2 đất còn lại của 02 thửa đất số 173 và thửa đất số 174, tờ bản đồ số 07 có nguồn gốc của hộ gia đình ông Cao Văn Sang và hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hùng sau khi hoàn thành quy hoạch xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Phong cho hộ gia đình ông thuộc diện gia đình chính sách (con Liệt sĩ)	Văn bản số 9561/VPCP-V.I ngày 08/9/2017 của Văn phòng Chính phủ	Việc kiến nghị của ông Lê Quang Tâm, đã được Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn giải quyết, trả lời, nhưng ông Lê Quang Tâm không đồng ý tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đề xuất; trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ vụ việc và đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Văn bản số 809/UBND-TD ngày 15/3/2016 trả lời đơn kiến nghị của ông Lê Quang Tâm là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, ông Lê Quang Tâm không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh đã báo cáo Văn phòng Chính phủ và trả lời cho ông Tâm tại Văn bản số 5032/UBND-TD ngày 18/9/2017.		Công dân tiếp tục khiếu nại
02	Ông Nguyễn Tân Địa chỉ: tổ 07, khu vực 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 80, diện tích 393,8m2 đất tọa lạc tại đường Hùng Vương thuộc tổ 06, khu vực 1, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	Văn bản số 11285/VPCP-V.I ngày 24/10/2017 của Văn phòng Chính phủ	Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND tỉnh Bình Định kiểm tra, rà soát. Trên cơ sở kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 5058/BTNMT-TTr ngày 26/9/2017, Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 11285/VPCP-V.I ngày 24/10/2017; theo đó, giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Quy Nhơn xem xét, giải quyết giao cho hộ ông Nguyễn Tân 01 lô đất ở theo quy hoạch phân lô của thửa đất nêu trên (ưu tiên tại vị trí ông Tân đã cất nhà ở) và thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Hiện nay, UBND thành phố Quy Nhơn đang triển khai thực hiện.		Đã xong
II. Các Văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thanh tra Chính phủ và các bộ ngành chuyển đến						
03	Bà Nguyễn Thị Nhiều Địa chỉ: Tổ 2, khu vực 7, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Tố cáo: Ông Ngô Hoàng Nam - Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của pháp luật.	Văn bản số 293/TTCP-C.II ngày 03/11/2017 của Thanh tra Chính phủ về việc rà soát, kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại,	Việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị Nhiều, đã được Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra và trả lời tại Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do khiếu nại không đạt mục đích, bà Nguyễn Thị Nhiều chuyển sang tố cáo. Căn cứ Điều 17 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định xử lý đơn tố cáo xuất phát từ việc khiếu nại không đạt được mục đích, Chủ tịch UBND tỉnh không đặt vấn đề xem xét lại nội dung đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị Nhiều.		Đã xong
04	Ông Lê Văn	Khiếu nại liên quan đến việc bồi	Việc khiếu nại,	Việc khiếu nại của ông Lê Văn Minh đã được Chủ tịch UBND thành		Đã xong

	Minh Địa chỉ: tổ 2, khu vực 7, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Lê Văn Minh tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D (đoạn từ Ngã ba Long Vân đến Bến xe liên tỉnh)	tổ cáo đông người, phức tạp của công dân tỉnh Bình Định thường xuyên tụ tập tại các cơ quan Trung ương tại thành phố Hà Nội.	phổ Quy Nhơn giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 25/4/2017, nhưng ông không đồng ý, tiếp tục khiếu nại đến các bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh đã báo cáo cho Thanh tra Chính phủ và các cơ quan Trung ương tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		
05	Ông Nguyễn Văn Vũ (đại diện cho ông Nguyễn Đức Linh) Địa chỉ: Tổ 46, Khu vực 9, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	Khiếu nại việc Nhà nước thu hồi phần diện tích 83,8 m ² đất của gia đình ông tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 45, phường Đồng Đa để thực hiện Dự án Khu dân cư Đảo 1A Bắc sông Hà Thanh, nhưng chỉ bồi thường giá đất nông nghiệp và không giải quyết giao đất tái định cư là không đúng		Việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn Vũ (đại diện cho ông Nguyễn Đức Linh), đã được Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn giải quyết tại Quyết định số 1628/QĐ-CTUBND ngày 12/4/2012 (Quyết định giải quyết lần đầu) Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định giải quyết tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 (Quyết định giải quyết lần hai) đã có hiệu lực pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn Vũ không đồng ý, không khởi kiện ra Tòa mà liên tục có đơn khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Bộ, ngành Trung ương. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1256/BTNMT-TTr ngày 21/3/2017, Thủ tướng Chính phủ kết luận tại Thông báo số 227/TB-VPCP ngày 24/5/2017, theo đó giao UBND tỉnh Bình Định rà soát lại vụ việc và nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Vũ, vận dụng cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ cho người dân; đồng thời giải thích, vận động công dân chấm dứt khiếu kiện. Thực hiện ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã kiểm tra, rà soát và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3361/UBND-TD ngày 30/6/2017 và Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình đồng ý tại Văn bản số 9957/VPCP-V.I ngày 19/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Bình Định đối với ông Nguyễn Văn Vũ là đúng quy định của pháp luật.		Đã xong
06	Bà Nguyễn Thị Luôi Địa chỉ: Tổ 35, khu vực 7, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	Khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các chị em của bà có nhà trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 24, diện tích 405,9m ² do bà Phạm Thị Xướng (chết) đứng tên chủ sử dụng, do Nhà nước thu hồi, xây dựng Khu tái định cư phục vụ Dự án Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn		Việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị Luôi, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định giao các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra, rà soát và trả lời tại Văn bản số 4623/UBND-TD ngày 14/10/2016, nhưng bà Nguyễn Thị Luôi không đồng ý, liên tục có đơn khiếu nại gửi đơn đến các cơ quan của tỉnh và các cơ quan Trung ương. Ngày 27/3/2017 và ngày 26/2/2018, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức đối thoại tiếp công dân đối với bà Nguyễn Thị Luôi và các người con của bà Phạm Thị Xướng và có ý kiến kết luận tại Thông báo số 53/TB-UBND ngày 04/4/2017 và Thông báo số 41/TB-UBND ngày 28/02/2018 và trả lời tại Văn bản số 1084/UBND-TD ngày 9/3/2018 và báo cáo Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Đã xong
07	Ông Đào Kim Tùng và vợ là bà	Khiếu nại việc UBND tỉnh thu hồi đất tại xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ (trong		- Đối với việc ông Đào Kim Tùng và vợ là bà Bùi Thị Thuận khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có tục		Công dân tiếp

	Bùi Thị Thuận (địa chỉ: Thôn Hòa Nghĩa, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ)	đó có phần diện tích đất có tục danh Rừng Dầu và Gò Căng tại thôn Hoà Nghĩa, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ có nguồn gốc do hộ gia đình bà khai hoang), giao UBND huyện Phù Mỹ quy hoạch khu dân cư nông thôn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hộ gia đình bà.	danh Rừng Dầu tại thôn Hòa Nghĩa, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, đã được Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ giải quyết tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 (Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1) và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 (Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2) đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh không đặt vấn đề xem xét lại nội dung khiếu nại này của vợ chồng ông Đào Kim Tùng và bà Bùi Thị Thuận. - Đối với việc ông Đào Kim Tùng và vợ là bà Bùi Thị Thuận khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có tục danh Gò Căng tại thôn Hòa Nghĩa, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, đã được Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ giải quyết tại Quyết định số 6992/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 (quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 (quyết định giải quyết lần 2) đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh không đặt vấn đề xem xét lại nội dung khiếu nại này của vợ chồng ông Đào Kim Tùng và bà Bùi Thị Thuận. Các nội dung khiếu nại nêu trên đã được UBND tỉnh đã báo cáo Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.	tục khiếu nại
08	Bà Bùi Thị Hương (địa chỉ: tổ 18, khu vực 4, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn)	Khiếu nại: Đòi bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất ruộng muối có nguồn gốc của gia đình bà tại phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn do Nhà nước thu hồi để xây dựng Khu dân cư Nam sông Hà Thanh, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	Việc khiếu nại của bà Bùi Thị Hương, đã được Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn giải quyết tại Quyết định số 4871/QĐ-CTUBND ngày 28/8/2008 (quyết định giải quyết lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định giải quyết tại Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 14/12/2009 (quyết định giải quyết lần hai) đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bà Bùi Thị Hương không đồng ý, không khởi kiện ra Tòa mà liên tục có đơn khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Bộ, ngành Trung ương. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1256/BTNMT-TTr ngày 21/3/2017, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình kết luận tại Thông báo số 227/TB-VPCP ngày 24/5/2017: "Thông nhất với Quyết định số 3131/QĐ-CTUBND ngày 14/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Bùi Thị Hương là phù hợp với quy định pháp luật". Sau khi có ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình, Chủ tịch UBND tỉnh đã đối thoại và trả lời cho bà Bùi Thị Hương tại Văn bản số 1086/UBND-TD ngày 09/3/2018 và báo cáo Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.	Công dân tiếp tục khiếu nại

09	Bà Nguyễn Thị Hai (địa chỉ: thôn Hải Bắc, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn)	Khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình bà do ảnh hưởng Dự án xây dựng Khu du lịch Dviews Resort, thành phố Quy Nhơn.	Việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hai, đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 (quyết định giải quyết lần đầu). Ngày 14/11/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 2844/QĐ-BTNMT (quyết định giải quyết lần đầu). Vụ việc này, UBND tỉnh đã báo cáo Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Đã xong
10	Bà Cao Thị Tuyết Tâm (địa chỉ: Thôn Hải Đông, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn)	Khiếu nại yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cho hộ bà do ảnh hưởng Dự án xây dựng Khu Du lịch VinPearl Quy Nhơn	Việc khiếu nại của bà Tâm, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4349/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 39) Khu du lịch Vinpearl Quy Nhơn thuộc dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội (trong đó, có hộ bà Cao Thị Tuyết Tâm) và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư Dự án đã tổ chức thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Cao Thị Tuyết Tâm và hộ bà Tâm đã nhận tiền xong. UBND tỉnh đã báo cáo kết quả giải quyết vụ việc cho Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Đã xong
11	Ông Lê Văn Hải (địa chỉ: Tổ 23, khu vực 3, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn)	Khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư cho các hộ dân ở phường Nhơn Bình do ảnh hưởng Dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (CEPT).	Việc khiếu nại, tố cáo của ông Lê Văn Hải và một số công dân đã được UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 01/12/2014, nhưng ông Hải và một số công dân không đồng ý và tiếp tục khiếu nại, tố cáo đến Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Bộ, ngành Trung ương. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 93/BTNMT-TTr ngày 09/01/2017, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình đồng ý tại Văn bản số 898/VPCP-V.I ngày 06/02/2017. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện và ban hành Văn bản giải quyết đơn tố cáo của ông Lê Văn Hải và các hộ dân theo quy định của pháp luật và báo cáo cho Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Công dân tiếp tục khiếu nại
12	ông Bùi Khương Tài (địa chỉ: Tổ 01, khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn)	khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thu hồi đất của hộ gia đình ông, thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D (đoạn từ Ngã ba Long Vân đến Bến xe khách Quy Nhơn)	Việc khiếu nại của ông Bùi Khương Tài, đã được Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn giải quyết tại Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 25/5/2016, nhưng ông Tài không đồng ý, tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh kiểm tra, đề xuất. Trên cơ sở kiểm tra, xác minh và kết quả đối thoại của Thanh tra tỉnh đối với ông Bùi Khương Tài, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 5023/UBND-TD ngày 18/9/2017 giải quyết khiếu nại của ông Bùi Khương Tài và báo cáo cho Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Đã xong
13	Bà Võ Thị Giá (địa chỉ: Khu vực Tam Hòa, phường Nhơn)	Khiếu nại: Đòi lại đất tại phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn có nguồn gốc của gia đình bà do Nhà nước quản lý	Việc khiếu nại của bà Võ Thị Giá, đã được Chủ tịch UBND huyện An Nhơn (nay là thị xã An Nhơn) giải quyết tại Quyết định số 1683/QĐ-UB ngày 30/6/2003 (Quyết định giải quyết lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định giải quyết tại Quyết định số		Công dân tiếp tục khiếu

	Hòa, thị xã An Nhơn)		8110/QĐ-UB ngày 17/9/2003 (Quyết định giải quyết lần 2) đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bà Võ Thị Giá không đồng ý, liên tục có đơn khiếu nại từ Trung ương đến địa phương. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1256/BTNMT-TTr ngày 21/03/2017, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình kết luận tại Thông báo số 227/TB-VPCP ngày 24/5/2017, với nội dung: “Thông nhất với nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định tại Quyết định số 8110/QĐ-UB ngày 17.9.2003 về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Giá là đúng theo quy định của pháp luật”. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại, trả lời cho bà Võ Thị Giá và báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Thanh tra Chính phủ tại 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		nại
14	Bà Phạm Thị Hòa (trú tại thôn An Quang Tây, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát)	Khiếu nại yêu cầu công nhận hoặc bồi thường về quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát do Nhà nước thu hồi, thực hiện quy hoạch xây dựng Khu dân cư mới và Trường Tiểu học số 1 xã Cát Khánh.	Việc khiếu nại của bà Phạm Thị Hòa, đã được Chủ tịch UBND huyện Phù Cát giải quyết tại Quyết định số 1136/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2013 (Quyết định giải quyết lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định giải quyết tại Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 (Quyết định giải quyết lần 2) đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bà Phạm Thị Hòa không đồng ý, tiếp tục có đơn khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Bộ, ngành Trung ương. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát lại toàn bộ hồ sơ, đề xuất. Trên cơ sở rà soát và đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 5231/BTNMT-TTr ngày 04/10/2017, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình đồng ý tại Văn bản số 12233/VPCP-V.I ngày 15/11/2017, theo đó thông nhất với Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hòa là đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện Phù Cát xem xét, giải quyết giao cho gia đình bà 02 lô đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình, UBND tỉnh đang chỉ đạo UBND huyện Phù Cát khẩn trương triển khai thực hiện. Việc này, đã được UBND tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ tại 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		đơn khiếu nại
15	bà Đỗ Thị Hương (trú tại thôn Thắng Kiên, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát)	khiếu nại đòi lại đất tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát có nguồn gốc của gia đình bà do Nhà nước thu hồi, thực hiện quy hoạch xây dựng Khu dân cư xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	Việc khiếu nại của bà Đỗ Thị Hương, trước đây ông Nguyễn Hận ủy quyền cho bà khiếu nại các quyết định xử phạt hành chính và quyết định của Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, đã được Tòa án nhân dân huyện Phù Cát giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 02/2013/HCST ngày 29/11/2013 và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 03/2014/HC-PT ngày 17/3/2014 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bà Đỗ Thị Hương không đồng ý tiếp tục có đơn khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương. Thủ		Công dân tiếp tục khiếu nại



			tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát lại toàn bộ hồ sơ, đề xuất. Trên cơ sở rà soát và đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 5231/BTNMT-TTr ngày 04/10/2017, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình có ý kiến đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định tại Văn bản số 12233/VPCP-V.I ngày 15/11/2017 và đề nghị UBND tỉnh ban hành Văn bản trả lời cho bà Đỗ Thị Hương theo quy định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình, Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết, trả lời cho bà Đỗ Thị Hương và báo cáo Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 6723/UBND-TD ngày 07/12/2017.		
16	Bà Cao Thị Hạnh (địa chỉ: thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn)	Khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình bà do ảnh hưởng Dự án xây dựng Khu du lịch Vinpearl, thành phố Quy Nhơn.	Việc khiếu nại của bà Cao Thị Hạnh, đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 (Quyết định giải quyết lần đầu), nhưng bà Cao Thị Hạnh không đồng ý, tiếp tục có đơn khiếu nại đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 13/9/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 2207/QĐ-BTNMT về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Cao Thị Hạnh, theo đó không công nhận nội dung đơn của bà Cao Thị Hạnh và công nhận Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh đối với bà Cao Thị Hạnh là đúng quy định của pháp luật. UBND tỉnh Bình Định đã báo cáo Thanh tra Chính phủ tại 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Đã xong
17	Ông Khê Duyên (địa chỉ: thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn)	Khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông do ảnh hưởng Dự án xây dựng Khu Du lịch Vinpearl, thành phố Quy Nhơn	Việc khiếu nại của ông Khê Duyên, đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 (Quyết định giải quyết lần đầu), nhưng ông Khê Duyên không đồng ý, tiếp tục có đơn khiếu nại đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thụ lý, giải quyết; UBND tỉnh Bình Định đã báo cáo Thanh tra Chính phủ tại 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018.		Đã xong
18	Bà Nguyễn Thị Luông (địa chỉ: Thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn)	Khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích nằm phía trước nhà ông Châu Văn Năm tọa lạc tại thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn.	Việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị Luông, đã được Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn giải quyết tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 (Quyết định giải quyết lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 (Quyết định giải quyết lần 2), nhưng bà Nguyễn Thị Luông không đồng ý tiếp tục khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trương Hòa Bình đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 12818/VPCP-V.I ngày 30/11/2017 của Văn phòng Chính phủ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND thị xã An Nhơn tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo Bộ, ngành Trung ương tại		Công dân tiếp tục khiếu nại

				Văn bản số 1213/UBND-TD ngày 15/3/2018. Hiện nay, vụ việc đã được UBND thị xã An Nhơn giải quyết xong.		
19	Bà Huỳnh Thị Nhị, ông Huỳnh Văn Bon Tổ 46, khu vực 9, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn.	kiếu nại yêu cầu giao 01 lô đất ở cho hộ gia đình bà do Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án quy hoạch xây dựng Khu dân cư Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn		Việc khiếu nại của bà Huỳnh Thị Nhị đã được Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn giải quyết tại Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 (Quyết định GQKN lần 1) và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 (Quyết định GQKN lần 2) có hiệu lực pháp luật, nhưng bà không đồng ý tiếp tục khiếu nại đến Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1256/BTNMT-TTr ngày 21/3/2017, Thủ tướng Chính phủ có kết luận tại Thông báo số 227/TB-VPCTP ngày 24/5/2017 thống nhất với kết quả giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh đối với bà Huỳnh Thị Nhị là đúng quy định pháp luật. Thực hiện chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại và ban hành Văn bản giải quyết trả lời cho bà Huỳnh Thị Nhị		Đã xong
20	Bà Nguyễn Thị Nông Thôn Tân Mỹ, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	Khiếu nại yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà với ông Nguyễn Hòa đối với phần diện tích đất tại thôn Tân Mỹ, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	Văn bản số 840/BTCDTW-TD1 ngày 14/12/2017	Việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị Nông đã được UBND huyện Tuy Phước trả lời tại Văn bản số 866/UBND-NC ngày 05/11/2013; theo đó hướng dẫn bà Nông khởi kiện vụ việc ra Tòa án nhân huyện Tuy Phước để giải quyết theo quy định, nhưng bà Nông khởi kiện ra Tòa mà liên tục có đơn đến UBND tỉnh và các cơ quan Trung ương. Chủ tịch UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh kiểm tra, rà soát. Trên cơ sở đề nghị của Thanh tra tỉnh, UBND tỉnh đã trả lời cho bà Nông tại các Văn bản số 5176/UBND-TD ngày 19/11/2014; số 2007/UBND-TD ngày 11/5/2015/UBND-TD ngày 11/5/2015; theo đó, hướng dẫn bà Nông khởi kiện ra Tòa theo quy định pháp luật.		Công dân tiếp tục khiếu nại
21	Ông Trần Trọng Thọ (con ông Trần Trọng Năng hiện đã chết) ở nhà số 48 đường Nguyễn Thái Học, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn	Khiếu nại việc Nhà nước thu hồi đất của cha ông là ông Trần Trọng Năng tại phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn để thực hiện xây dựng mở rộng đường vào Bàu Sen nhưng không bồi thường, hỗ trợ; ông yêu cầu trả lại đất cho hộ gia đình ông tiếp tục sử dụng.	Văn bản số 840/BTCDTW-TH ngày 03/8/2017	Việc khiếu nại của ông Trần Trọng Thọ, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ, báo cáo đề xuất. Trên cơ sở đề nghị của Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức đối thoại tiếp dân đối với ông Trần Trọng Thọ; qua kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận tại Thông báo số 49/TB-UBND ngày 14/3/2016, nhưng ông không đồng ý tiếp tục khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đề xuất. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1256/BTNMT-TTr ngày 21/3/2017, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tại Văn bản số 227/TB-VPCTP ngày 24/5/2017. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh, UBND thành phố Quy Nhơn tổ chức triển khai thực hiện tại Văn bản số 1629/UBND-TD ngày 04/4/2018.		Công dân tiếp tục khiếu nại

III. Các Văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch nước, Quốc Hội, các ban Đảng chuyển đến
(Không có)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Biểu số 09

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017)
(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

MS	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Cộng
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT					
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	35	32	57	124
2	Số văn bản sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	5	4	0	9
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN					
3	Số lượt CB,CC,VC, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Người	10.795	6.556	11.128	28.479
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	lớp	106	64	105	275
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	150	0	190	340
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG					
	<i>Công khai minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>					
6	Số đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	đơn vị	26	9	63	98
7	Số đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	đơn vị	0	0	0	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>					
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới theo thẩm quyền	Văn bản	9	55	334	398
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	8	26	17	51
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	134	4	91	229
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	3	0	56	59
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0	0	0	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0	0	0	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0	0	0	0
15	Tổng giá trị về vi phạm các chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	Tr.đồng	605	0	12.629	13.234
16	Tổng giá trị vi phạm các chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Tr.đồng	605	0	5.677	6.282
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0	0	0	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại	Tr.đồng	0	0	0	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>					
19	Số đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	Đơn vị	18	16	63	97
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp được bị xử lý	Người	0	0	0	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	56	49	121	226
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>					
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập		0	0	0	0
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực		0	0	0	0
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>					
24	Số người đứng đầu (và cấp phó) bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	1	0	0	1
25	Số người đứng đầu (và cấp phó) đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0	0	0	0
26	Số người đứng đầu (và cấp phó) đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng		1	0	0	1

MS	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Cộng
27	Số đơn vị đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	Đơn vị	32	32	32	96
28	Tỷ lệ số đơn vị đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số đơn vị trực thuộc	%	100	100	100	300
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG					
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>			0	0	0
				0	0	0
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	1	0	0	1
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	1	0	0	1
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>			0	0	0
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	2	2	4	8
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	2	2	0	4
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>			0	0	0
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị	Đơn	7	0	0	7
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	7	0	0	7
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết tố cáo	Vụ	2	0	0	2
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	4	0	0	4
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>			0	0	0
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng công an phát hiện, khởi tố	Vụ	1	1	0	2
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	1	1	0	2
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG			0	0	0
39	Số vụ án tham nhũng đã được đưa ra xét xử trong kỳ	Vụ	0	2	0	2
40	Số đối tượng tham nhũng bị kết án tham nhũng	Người	0	2	0	2
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	0	0	0	0
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	0	1	0	1
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	0	1	0	1
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng;	Người	0	0	0	0
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	vụ	0	0	0	0
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0	0	0	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	1	0	0	1
48	Số đối tượng tham nhũng đã phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	1	0	0	1
	Giá trị tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.			0	0	0
49	Bằng tiền (tiền Việt Nam + Ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Tr.đồng	824	1.055	0	1.879
50	Đất đai	m2	0	0	0	0
	Giá trị tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường			0	0	0
51	Bằng tiền (tiền Việt Nam + Ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Tr.đồng	452	0	0	452
52	Đất đai	m2	0	0	0	0
	Giá trị tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được			0	0	0
53	Bằng tiền (tiền Việt Nam + Ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Tr.đồng	0	0	0	0
54	Đất đai	m2	0	0	0	0
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng			0	0	0
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù		0	0	0	0
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng, trong đó		0	0	0	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		0	0	0	0
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		0	0	0	0
	+ Tặng Giấy khen		0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Biểu số 10

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

(Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017)

(Kèm theo Báo cáo số: ~~104~~ /BC-UBND ngày 06 / 7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
1	Vụ UBND xã Cát Thành đã trích tiền BHXH, BHYT của cán bộ xã nhưng không nộp BHXH huyện mà trích ngân sách xã nộp thay, để cho thủ quỹ chiếm dụng, sử dụng trái quy định và một số sai phạm khác	UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Thanh tra huyện Phù Cát	Kế toán UBND xã Cát Thành đã khấu trừ BHXH, BHYT của cán bộ, công chức xã từ năm 2005 đến 2012 với số tiền trên 100 triệu đồng, không nộp cho BHXH huyện mà tham mưu Chủ tịch UBND xã sử dụng tiền ngân sách xã để chuyển trả thay, dẫn đến để cho thủ quỹ sử dụng chi trái quy định và làm thất thoát ngân sách đối với số tiền trên.
2	Vụ Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Phù Cát không thực hiện đúng chức trách được giao và một số cán bộ lạm dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.	BQL rừng phòng hộ huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Thanh tra huyện Phù Cát	BQL Rừng phòng hộ huyện Phù Cát chưa tiến hành bàn giao 4.279,27 ha trong tổng số 4.725,8 ha đất và rừng sản xuất cho các địa phương quản lý theo chủ trương của UBND tỉnh từ năm 2002; ông Trần Đức - nguyên Giám đốc BQL chuyển nhượng quyền sử dụng một số diện tích đất rừng sản xuất cho một số cá nhân không đúng quy định của pháp luật, có dấu hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định để trục lợi 155 triệu đồng...
3	Ông Nguyễn Dư - cán bộ địa chính xã và ông Nguyễn Văn Đức - em ruột ông Dư ở thôn Hội Sơn, xã Cát Sơn tự ý cho thuê đất thu tiền trái quy định để sử dụng	UBND xã Cát Sơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Thanh tra huyện Phù Cát	UBND xã Cát Sơn giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền, một số cá nhân thu tiền tiền sử dụng đất không đúng quy định, tự ý cho thuê đất để thu lợi bất chính 54 triệu đồng.
4	UBND xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn không thực hiện việc thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường khi cho khai thác đất sét; nhiều biên lai thu tiền không có chữ ký; làm mất biên lai thu tiền... với tổng giá trị sai phạm trên 1.000 triệu đồng.	UBND xã Nhơn Phúc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Thanh tra thị xã An Nhơn	UBND xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn không thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường số tiền gần 499 triệu đồng, nhiều biên lai thu tiền không có chữ ký, ghi họ tên của người thu; thu không nộp vào quỹ số tiền 136 triệu đồng, làm mất 24 quyển biên lai thu tiền, trong đó có 76 biên lai chưa thanh toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện số tiền 366 triệu đồng.

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
5	Vụ UBND xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng	UBND xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Thanh tra Thị xã An Nhơn	UBND xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn đã nhận tiền của Nhà nước để chi hỗ trợ cho người sản xuất lúa nhưng không chi đầy đủ cho nhân dân, để ngoài sổ sách và tự ý sử dụng sai mục đích khác gần 388 triệu đồng và cho tạm ứng mà không thể hiện công nợ phải thu trong sổ sách kế toán và để ngoài sổ sách gần 29 triệu
6	Vụ UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh cố ý làm trái, chiếm dụng tiền hỗ trợ của người dân.	UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Thanh tra huyện Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Hòa đã nhận tiền của Nhà nước hỗ trợ cây trồng bị hạn hán năm 2014, 2015 và kinh phí hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo năm 2015 nhưng để cán bộ kế toán chiếm dụng trong thời gian dài mới chi trả, gây bức xúc trong cán bộ và nhân dân
7	Vụ Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Phù Mỹ cố ý làm trái các quy định trong việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ việc đền bù, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ thi công Quốc lộ 1A trên địa bàn huyện Phù Mỹ.	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Thanh tra huyện Phù Mỹ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Phù Mỹ cố ý làm trái các quy định trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí 2% để chi phục vụ việc đền bù, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng tại các khu tái định cư phục vụ thi công Quốc lộ 1A trên địa bàn huyện Phù Mỹ với tổng số tiền trên 445 triệu đồng.
8	Vụ Trường Trung cấp Thủ công mỹ nghệ Bình Định thuộc Sở LĐ-TB&XH cố ý làm trái các quy định trong việc thi-chi tài chính và một số vấn đề khác.	Trường Trung cấp Thủ công mỹ nghệ Bình Định thuộc Sở LĐ-TB&XH	Thanh tra tỉnh	Ông Huỳnh Hữu Bình, nguyên Hiệu trưởng nhà Trường lợi dụng chức vụ, quyền hạn, chỉ đạo cán bộ, giáo viên nhà trường lập khống 183 bộ chứng từ trong 02 năm 2014 - 2015 để thanh toán sai quy định số tiền 1.459 triệu đồng.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TỪ NĂM 2013 - 2017

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
Năm 2013									
1	Nhà xưởng, trạm nghiền đá	Công ty TNHH Tấn Phát	Trung Ái, Nhơn Hòa, An Nhơn	228/UBND-TH ngày 21/1/2013	7,9	2013 - 2015	3,8ha	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
2	Trung tâm dịch vụ sinh viên	Công ty TNHH Xây dựng Tân Phương	KH5, phường Nhơn Phú, Quy Nhơn	277/UBND-TH ngày 21/1/2013	23,2	-	2.925,5 m2	Đã hoàn tất thủ GPMB; đang triển khai các đất đai và xây dựng	
3	Nhà xưởng may Công nghiệp	Công ty TNHH May Hoàng Vinh	Tuy Phước	3946/UBND-TH ngày 25/9/2013	7,5	2013 - 2014	-	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
4	Nhà máy CB đá và bãi tập kết VLXD	Công ty TNHH Thương mại Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	3368/UBND-TH ngày 22/8/2013	11	2013 - 2015	-	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
Năm 2014									
1	Trạm dừng nghỉ Bồng Sơn	Công ty TNHH Hoàng Quân (Công ty TNHH Tấn Phát Bình Định)	Hoài Nhơn	3623/UBND-TH ngày 22/8/2014	50	2013 - 2014	16898,8 m2	Đã thu hồi năm 2017	
2	Nhà máy chế biến viên nén sinh học rắn	Công ty TNHH An Duy Khang	CCN Du Tụ, Hoài Ân	5597/UBND-TH ngày 15/12/2014	21	2014 - 2016	12.000 m2	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
3	Trạm dừng nghỉ đường bộ thị xã An Nhơn	Công ty TNHH TH Minh Phương (Công ty TNHH TM DV Đại Thiên Hà)	Phường Bình Định, thị xã an Nhơn	5316/UBND-TH ngày 8/11/2014	52	Tháng 11/2014 - 12/2015	13.900 m2	Đang hoàn tất thủ tục xây dựng. Dự án chậm tiến độ	
4	Xưởng gia công và trưng bày sản phẩm TMN	Công ty TNHH TM TMN	Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	263/UBND-TH ngày 17/01/2014	20	06 tháng kể từ ngày có Giấy phép xây dựng	11.925,8 m2	Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đang xin giấy phép xây dựng	
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe Suối nước nóng Hôi Vân	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	2928/UBND-TH ngày 11/7/2014	100	2014 - 2019	53,75 ha	Đã thu hồi CTĐT 2016	
6	Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học rắn	Công ty CP Năng lượng sinh học Phú Tài (Công ty CP Năng Lượng Thiên Minh)	Bình Nghi, Tây Sơn	2431/UBND-TH ngày 12/6/2014	93,02	Tháng 6/2014 - 01/2015	27.018 m2	Đã xây xong nhà máy. Đang vận hành chạy thử máy móc thiết bị	
7	Cơ sở chế biến mùn cưa	Công ty TNHH Nông sản Minh Thành	Xã Canh Hòa, Vân Canh	5466/UBND-TH ngày 8/12/2014	2,5	Tháng 12/2014 - 5/2015	1.400 m2	Đã xây xong nhà xưởng. Đang nhập máy móc thiết bị. Dự án chậm tiến độ	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
8	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Công ty TNHH Gạch không nung Phú Lộc	Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	2108/UBND-TH ngày 27/5/2014	10,8	Tháng 5/2014 - 1/2015	2.908 m ²	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
9	Khu du lịch - Biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp LAPOEFIE	Công ty TNHH XNK Thành Châu	Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	4280/UBND-TH ngày 25/9/2014	1500	Quý III/2016 - Quý III/2017	137,3 ha	Đang hoàn thiện quy hoạch 1/2000 trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Dự án chậm tiến độ	
10	Nghĩa trang An Lộc Phát	Công ty TNHH XD DV Nghĩa trang An Lộc Phát	Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	5945/UBND-KTN ngày 30/12/2014	112,4	Thời gian lắp đầy 45 năm	68 ha	Đang thực hiện lập hồ sơ thiết kế dự án, các thủ tục đất đai, xây dựng	
11	Kho chứa xăng dầu, kho bãi tổng hợp và bến phao nổi xăng dầu	Công ty CP Xăng dầu Bình An	Phường Thị Nại, Quy Nhơn	4496/UBND-TH ngày 10/10/2014	616,3	Quý IV/2014 - Quý IV/2015	54.987,4 m ²	Đang thực hiện lập hồ sơ thiết kế dự án, các thủ tục đất đai, xây dựng	
12	Tổ hợp Trung tâm thương mại và dịch vụ hỗn hợp	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu	01 Ngõ Mây, thành phố Quy Nhơn	1104/UBND-TH ngày 26/3/2014	800	2014 - 2018	4.953 m ²	-	Đã thu hồi CTĐT năm 2016
Năm 2015									
1	Khu Thương mại và Khu chung cư	Công ty CP Đầu tư Phát triển bất động sản Đô Thành	Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 28, Khu đất đường Lê Duẩn, Quy Nhơn	1932/UBND-TH ngày 7/5/2015	1.740	2015 - 2020	10.748 m ²	Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản đề nghị nhà đầu tư khởi công trong quý 1/2018 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 35/TB-UBND ngày 05/02/2018	
2	Việt Pháp Plaza	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Pháp	1006 Trần Hưng Đạo, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	3350/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	73,9	2015 - 2017	4.623 m ²	Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản đề nghị nhà đầu tư khởi công trong quý 1/2018 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 35/TB-UBND ngày 05/02/2018	
3	Khu dịch vụ và Khu dân cư phường Nguyễn Văn Cừ	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Phía Tây Nam Bệnh viện Quân y 13, thành phố Quy Nhơn	2757/UBND-TH ngày 18/6/2015	200	2015 - 2017	16.101 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
4	Trường mầm non chất lượng cao Sen Hồng	Trường mầm non Hoa Sen	Lô CC1, khu dân cư thuộc Khu DT - DV - DL phía Tây đường An Dương Vương, Quy Nhơn	2882/UBND-TH ngày 24/6/2015	10	2015 - 2016	464 m ²	Đã hoàn thành và đi vào hoạt động	
5	Khu phức hợp Kim Cúc	Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch và Dịch vụ Kim Cúc	Lô DV 2, thuộc khu DT- DV - DL phía Tây An Dương Vương, Quy Nhơn	254/QĐ-UBND ngày 25/01/2017	1.389,6	2017 - 2022	8.928 m ²	Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Nhà đầu tư đang khởi công xây dựng dự án	
6	Mở rộng kho chứa nguyên liệu và hàng thành phẩm	Công ty TNHH Hồng Phúc Thanh	Tờ bản đồ số 28, tờ 9, khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	2551/QĐ-UBND ngày 23/7/2015	5,5	7/2015 - 10/2015	3.400,7 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
7	Nhà máy xử lý chất thải rắn	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Cửu Long	Xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	3886/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	72,5	2015 - 2019	7,1 ha	Đã thu hồi năm 2017	
8	Nhà máy chế biến tinh bột sản xuất khẩu Tây Sơn	Liên danh Công ty CP XNK Bình Định và Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	4281/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	200	Quý IV/2015 - IV/2016	304.991 m ²	Đã thu hồi năm 2017	
10	Khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Hoàng Gia Tam Quan	Công ty TNHH Hải Nguyên	Thôn Thiện Chánh, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	4516/QĐ-UBND ngày 15/12/2015	168,5	Quý IV/2015 đến Quý I/2019).	3,8 ha	Đang lên phương án đền bù GPMB và hoàn tất thủ tục đất đai	
11	Nhà máy chế biến hàng nông lâm sản xuất khẩu	Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Trường Thịnh	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	2282/QĐ-UBND ngày 26/5/2015	36,9	Hoàn thành xây dựng và đi hoạt động sau 10 tháng kể từ ngày có giấy phép xây dựng	5 ha	Đang vận hành chạy thử máy móc giai đoạn 1	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
12	Nhà máy sản xuất gạch ngói Trọng Diễm	Công ty TNHH Trọng Diễm	Khu đất Gò Ôi, thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	3781/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	5,5	Tiến độ thực hiện dự án: 12 tháng sau khi được cấp giấy phép xây dựng	24.882 m ²	Đang lên phương án đền bù GPMB và hoàn tất thủ tục đất đai	
13	Đầu tư xưởng sản xuất bao bì nhựa Plastic	Công ty TNHH SX-TM Hoàng Phú	Tổ 3, khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	4217/QĐ-UBND ngày 23/11/2015	5	Từ Quý IV/2015 đến Quý III/2016	3.700 m ²	Đã hoàn thành và đi vào hoạt động	
14	Khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao	Công ty TNHH Thành Ly	Xã Cát Hải và xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	3354/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	284,5	2015 -2018	48 ha	Đang triển khai sơ bộ hạng tầng điện	
15	Công ty TNHH Gỗ Công nghiệp M.D.F Bình Định	Nhà máy chế biến gỗ MDF Bình Định	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	83/UBND-TH ngày 09/01/2015	450	Khởi công xây dựng trong năm 2015 và đi vào hoạt động quý I năm 2018	15ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
16	Trang trại nuôi bò thịt	Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hiếu Ngọc	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	1368/UBND-TH ngày 07/7/2015	29,2	Quý III/2015 - Quý IV/2016	75.045 m ²	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
17	Nuôi yến trong nhà và trồng cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở đô thị	Công ty TNHH Yên Quang	Tổ 4, khu vực 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	3613/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	2,7	Quý 4/2015 Quý 4/2016	1.036,1 m ²	Đã xây dựng xong công trình	
18	Xưởng cưa xẻ gỗ và văn phòng làm việc.	Công ty TNHH Thương mại Hậu Nhân	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	3657/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	4	Quý 4/2015 Quý 1/2016	7.000 m ²	hành xây dựng, dự án chậm tiến độ vì quá tr	
19	Trang trại chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	Công ty CP ĐT Nông Lâm nghiệp Bình Định	Xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	4498/QĐ-UBND ngày 14/12/2015	30	2015 - 2016	10 ha	-	Đã thu hồi CTĐT năm 2016
20	Điểm tổ hợp dịch vụ ẩm thực và nghỉ dưỡng.	Công ty Cổ phần Thành Ngân	Thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	3094/QĐ-UBND ngày 09/9/2015	35,45	Quý 4/2015 Quý 4/2016	19.703,3 m ²	thủ tục cấp đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
Năm 2016									
1	Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh khối	Công ty TNHH XNK Năng Lượng Xanh	Thôn Ngọc Thạch, xã Phước An, Tuy Phước	661/QĐ-UBND ngày 07/3/2016	25,4	2016 - 2017	7.400 m ²	Đang khởi công xây dựng công trình	
2	Khu du lịch biển Casa Marina Island	Công ty CP ĐT Trường Thành Quy Nhơn	Đảo hòn Đất - hòn Ngang, phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn,	843/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	200	2015 - 2018	H. Đất 28,8 ha H. Ngang 12,8 ha	Đã được UBND tỉnh phê duyệt 1/500 cả 2 hòn đảo; đã phê duyệt phương án bồi thường, GPMB đối với hòn Ngang; đang thuê đơn vị tư vấn lập quy hoạch 1/500 đối với hòn đất	
3	Khu dân cư Bàn Thành	Liên danh Công ty Quảng Lợi và Cty TNHH TM DV VT Nhật Duy	Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	30/QĐ-UBND ngày 08/01/2016	570,1	2016 - 2022	54.031 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
4	Khu phức hợp BMC Quy Nhơn	Công ty TNHH MTV VLXD và Xây lắp thương mại BMC	Lô DV3 thuộc khu ĐT - DV - DL phía Tây An Dương Vương, Quy Nhơn	1018/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 255/QĐ-UBND ngày 25/1/2017	1.395,1	2017 - 2022	9.623 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng biển quốc tế bãi Xếp	Công ty CP Đầu tư Trường Thành Quy Nhơn	KV bãi Xếp, P. Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	844/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	120	2016 - 2018	18,87 ha	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	
6	Showroom ô tô và Thương mại Dịch vụ Như Ý	Công ty TNHH TM và XNK Chấn Thành	Phường Quang Trung, Quy Nhơn	4206/QĐ-UBND ngày 17/11/2016	30	2016 - 2018	2.529,3 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	
7	Sản xuất gia công may mặc	Chi nhánh Công ty CP Kết nối Thời trang tại Bình Định	Xã Phước Thuận, Tuy Phước	1771/QĐ-UBND ngày 24/5/2016	10,21	2016 - 2017	5.000 m ²	Đã có Quyết định cho thuê đất. Đang thực hiện các thủ tục xin giấy phép xây dựng	
8	Khu phức hợp Trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng kết hợp dịch vụ, giải trí thể thao	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	Xã Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn	1939/QĐ-UBND ngày 08/6/2016	50	Quý 3/2016 - 4/2017	9.349 m ²	Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đang xin giấy phép xây dựng	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
9	Khu phức hợp Đô thị - Thương mại - Dịch vụ Ánh Việt	Công ty TNHH TM Ánh Việt	KV 5, phường Quang Trung, Quy Nhơn	2054/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	459	Quý 3/2016 - quý 4/2018	70.590 m ²	NĐT đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng trước khi triển khai dự án	
10	L'avenir Quy Nhơn Hotel & Towers	Công ty TNHH TM Ánh Vy	35 Nguyễn Huệ, Quy Nhơn	2101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	345,4	Quý 3/2016 - quý 4/2018	3.276 m ²	NĐT đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng trước khi triển khai dự án	
11	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Khách sạn và Căn hộ cao cấp (Hoa Sen Tower)	Công ty CP Hoa Sen Quy Nhơn	01 Ngô Mây, Quy Nhơn	4612/QĐ-UBND ngày 15/12/2016	2.500	2016 - 2021	8.109,16 m ²	NĐT đang lập phương án bồi thường, GPMB	
12	Khu du lịch nghỉ dưỡng Suối nước nóng Hội Vân	Công ty CP Hoa Sen Hội Vân	Xã Cát Hiệp, Phù Cát	2097/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	423,3	2016 - 2021	175,9 ha	Đã thu hồi năm 2017	
13	Khu đô thị Bắc sông Tân An	Công ty TNHH Nam Phát Bình Định	Phường Bình Định, An Nhơn	4506/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	819,3	Quý 4/2016 - quý 4/2021	15,8 ha	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	
14	Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ Luxury Quy Nhơn	Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn	109/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	391,8	Quý 3/2016 - quý 2/2019	2.657,33 m ²	Đang lập quy hoạch 1/500 trình cấp thẩm quyền phê duyệt	
15	Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN Đồi Hòa Sơn	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vương Minh	Xã Nhơn Mỹ, An Nhơn	4509/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	81,6	Quý 4/2016 - quý 3/2018	37 ha	NĐT đang lập phương án bồi thường, GPMB	
16	Tổ hợp Nhà hàng - Dịch vụ Đồng Gia Viên	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phú Anh	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu ĐT - TM phía Bắc sông Hà Thanh	3921/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	20,5	Quý 4/2016 - quý 4/2017	1.055 m ²	NĐT đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng trước khi triển khai dự án	
17	Bến xe Trung tâm huyện An Lão	Công ty TNHH Xây dựng Trung Tín	Thị trấn An Lão, An Lão	3923/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	4.320	Tháng 10/2016 - 12/2016	1.600 m ²	Đang khởi công xây dựng công trình	
18	Khu biệt thự nghỉ dưỡng biển bãi Xếp	Công ty CP Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Khu vực 1, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn.	4508/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	80	2016 - 2018	2,7 ha	NĐT đã lập xong quy hoạch 1/500 trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
19	Nhà máy sản xuất nước giải khát	Công ty TNHH Habico	328 Âu Cơ, tổ 9, khu vực 2, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	1772/QĐ-UBND ngày 24/5/2016	18,6	6/2016 - 12/2016	3.739,5 m ²	Đã đi vào hoạt động	
20	Xưởng sản xuất dây nhựa giả mây	Công ty TNHH Sản xuất Bảo Huy	Tổ 9, khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.	347/QĐ-UBND ngày 03/2/2016	4,9	2/2016 - 8/2016	582,9 m ²	Đã đi vào hoạt động	
21	Trung tâm Thương mại Dịch vụ tổng hợp Bá Sanh Đường	Công ty TNHH Bá Sanh Đường	Thôn Ca Công Nam, xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.	3605/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	23,6	Quý IV/2016 - quý III/2017	3.997,8 m ²	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
22	Showroom ô tô HyunDai Bình Định, cửa hàng mua bán hàng trang trí nội thất và văn phòng cho thuê	Xí nghiệp thực phẩm Quy Nhơn	Số 233 Tây Sơn, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	1249/QĐ-UBND ngày 19/4/2016	15,2	Từ 04/2016 đến 1/2017	7441,67 m ²	Đã hoàn tất thủ tục đất đai; hiện công ty đang triển khai các bước về xây dựng	
23	Siêu thị đồ gỗ và kinh doanh tổng hợp Mười Vàng	Công ty TNHH Thương mại Mười Vàng	Thôn Tân Thành 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	2400/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	35	Từ quý III/2016 - quý IV /2017	6.833 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang hoàn thiện thủ tục đất đai, xây dựng	
24	Khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao	Công ty TNHH Nuôi trồng và Chế biến Thủy Sản Xanh	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1311/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	126,4	Từ quý 3/2016 đến quý 4/2019	30 ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
25	Khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ Biofloc	Công ty TNHH Thủy sản Thành Hiệp	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1313/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	94,8	Từ quý 2/2016 quý 3/2018	20ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
26	Khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ Biofloc	Công ty TNHH TM DV XK Thạnh Vân	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1312/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	94,8	Từ quý 2/2016 - quý 3/2018	20ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
27	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại Hiệp Long	Thôn Hiệp Long, xã Cát Lâm, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	3134/QĐ-UBND ngày 01/9/2016	4,9	Quý 3/2016 - Quý 4/2016.	1.500 m ²	Đang hoàn tất thủ tục xây dựng	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
28	Khu đô thị dọc hai bên đường liên phường Bình Định	Công ty Cổ phần đầu tư Tây Bắc	Phường Nhơn Hưng và phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	4507/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	604,5	Quý 3/2016 - Quý 3/2021	36 ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
29	Khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao	Công ty TNHH Nam Việt Bình Định	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát	3922/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	564	Từ quý IV/2016 đến quý I/2020	58 ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
30	Nhà máy may xuất khẩu Phước Sơn	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ May Phước Sơn.	Thôn Mỹ Cang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.	2955/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	14,78	Quý 4/2016 Quý 3/2017	9.510,1 m ²	ngặt bằng, mới có giấy Giới thiệu địa điểm	
31	Xưởng sản xuất gia công may mặc	Công ty TNHH May Âu Lạc	Thôn Tân Dân, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	2859/QĐ-UBND ngày 16/8/2016	6,5	Quý 4/2016 Quý 4/2017	6.027 m ²	địa điểm, đang làm thủ tục đền bù giải phóng	
32	Nhà máy sản xuất gạch không nung việt tân lợi.	Công ty TNHH Việt Tân Lợi	Thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	3920/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	13,35	Quý 2/2017 Quý 3/2017	26.000 m ²	Đang làm thủ tục đầu tư	
33	Trại tiếp nhận, phân loại xử lý thú y và bán heo hơi	Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Liêm	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	4685/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	5,75	Quý 1/2017 Quý 2/2017	15.884 m ²	Đang làm thủ tục đầu tư	
34	Xưởng cửa xẻ - sấy gỗ quy cách	Công ty TNHH Hồng Phúc Thanh	Thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	4774/QĐ-UBND ngày 23/12/2016	10	Quý 1/2017 Quý 2/2017	17.569,8 m ²	Đang làm thủ tục đầu tư	
Năm 2017									
1	Khu dân cư Đông Bàn Thành	Công ty TNHH Đầu tư Đông Bàn Thành	Phường Đập Đá, An Nhơn	43/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 2647/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	721,3	Quý 1/2017 - quý 4/2020	100.164 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
2	Bến thuyền du lịch Riverside	Công ty TNHH Đại Phước	Khu dịch vụ hậu cần nghề cá, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	1016/QĐ-UBND ngày 23/3/2017	1,1	Quý 1/2017 - quý 2/2017	mặt đất: 108,5 m ² ; mặt nước: 310 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
3	Khu Ami Resort & Spa	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	Khu vực 1, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	1600/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	63	Quý 4/2016 - quý 4/2019	8.000 m ²	Đang phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết vấn đề tranh chấp đất đai và đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
4	Cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm Minh Dư	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Thôn Bình An 1, xã Phước Thành và thôn An Hòa 2, xã Phước An, Tuy Phước	281/QĐ-UBND ngày 06/02/2017	123,9	Tháng 01/2017 - tháng 7/2018	126.726,4 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
5	Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ Đông Bắc cầu Tân An	Công ty TNHH Tân An Land	Khu vực Liêm Trục, phường Bình Định, An Nhơn	163/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 3423/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	1.390	quý 1/2017 - quý 2/2021	37,1 ha	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
6	Mở rộng cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm Minh Dư	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Xã Phước Thành, Tuy Phước	555/QĐ-UBND ngày 28/02/2017	123,9	tháng 01/2017 - tháng 4/2018	187.798,6 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
7	Khu nghỉ dưỡng La Costa	Công ty CP Đầu tư Thanh Linh Quy Nhơn	Tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, khu vực 1, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	877/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	60	quý 1/2017 - quý 4/2018	04 ha	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
8	Nhà máy ấp trứng 3	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Thôn Ngọc Thạnh 2, xã Phước An, Tuy Phước	797/QĐ-UBND ngày 10/3/2017	192,3	tháng 02/2017 - tháng 4/2018	14.941 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

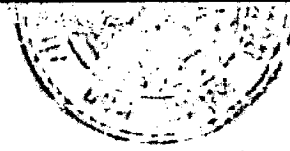
TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
9	Khách sạn Petec Bidico	Công ty CP Petec Bình Định	40 Tầng Bạt Hồ, thành phố Quy Nhơn	1202/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	30,3	Quý 1/2017 - Quý 1/2018	384 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
10	Nhà máy phân bón Nhật - Nam	Công ty CP Sản xuất và XNK Thành Hưng	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn	1610/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	165	Năm 2017 - năm 2018	60.050,2 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
11	Khu Dịch vụ, Thương mại, Dân cư Bắc cầu Tân An	Công ty TNHH An Nhơn Land	Phường Bình Định, thị xã An Nhơn	3750/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	1.146	Quý 2/2017 - quý 4/2021	70 ha	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
12	TMS Luxury Hotel Quy Nhơn Beach	Công ty CP Tập đoàn TMS	28 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn	1935/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	1.285	tháng 4/2017 - tháng 9/2019	2.600 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư, san ủi mặt bằng khu vực dự án	
13	Khu đô thị Nam đường Hùng Vương	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	Khu vực 6, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	2562/QĐ-UBND ngày 19/7/2017	1.978	Năm 2017 - năm 2023	672.090 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
14	Khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái FLC Cù Lao Xanh	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển FLC Faros Bình Định	Phía Tây đảo Cù Lao Xanh, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn	2509/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	485,74	Tháng 8/2017 - tháng 12/2020	1.052.399 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
15	Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa	Công ty TNHH Ngọc Lan Bình Định	Từ lô D01 đến lô D08 và lô B19, CCN Tân Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	2888/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	23,6	quý 3/2017 - 2/2018	37.403,8 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
16	Trung tâm hội nghị, tiệc cưới Trọng Phát	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát	Thôn Tân Lập, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	3281/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	10,6	quý 3/2017 - quý 3/2018	5.726 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
17	Cửa hàng buôn bán máy móc, thiết bị vận tải và bãi xe Đệ Nhất	Công ty TNHH Vận tải khách Đệ Nhất	Lô DV1 và DV2, thôn Trung Tín 1, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	3065/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	10	Quý 3/2017 - Quý 3/2018	4.861 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
18	Khu chung cư Thịnh Phát - Thịnh Phát Tower	Công ty TNHH Đầu tư BMT Fico	388 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn	3866/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 4300/QĐ-UBND ngày 16/11/2017	215,4	Quý 4/2017 - Quý 4/2019	3.792,8 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
19	Khu phức hợp Khách sạn, Thương mại và Căn hộ cao cấp Thiên Hưng	Liên danh Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thiên Hưng, Công ty CP Tập đoàn Mặt Trời và Công ty CP Tập đoàn An Phú	Khu đất K200 thuộc Khu đô thị, thương mại, dịch vụ phía Tây đường An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn	3968/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	2.900	Quý 3/2017 - Quý 3/2020	10.840 m ²	Đã báo cáo UBND tỉnh xem xét thu hồi chủ trương đầu tư	
20	Nhà máy điện mặt trời Cát Hiệp	Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao TTP Bình Định	Thôn Vân Hội, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.	4489/QĐ-UBND ngày 01/12/2017	1139,6	Quý IV/2017 - Quý II/2019	82,95 ha	Đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào QH phát triển điện lực tỉnh Bình Định GD 2016-2020. Đang thực hiện thủ tục đất đai	
21	Khu dân cư Bông Hồng	Liên danh Công ty CP Lâm nghiệp 19 và Công ty CP sản xuất xuất nhập khẩu Tân Việt	Kho Xí nghiệp Bông Hồng, khu vực 3, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	1794/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	223,9	Quý III/2017 - Quý 4/2021	25974,62	Đang thực hiện thủ tục GPMB, đã nộp hồ sơ quy hoạch 1/500.	
22	Khách sạn hoa hồng	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Nam	Số 98A đường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn	382/QĐ-UBND ngày 14/2/2017	16,5	từ tháng 12/2016 - tháng 9/2017	348,1 m ²	Đã khởi công xây dựng công trình	
23	Trung tâm trưng bày, mua bán và bảo hành ô tô	Công ty TNHH Thủy sản An Hải	Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 33, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	2072/QĐ-UBND ngày 09/6/2017	96,2	Quý I/2017 - Quý II/2018	28.862,6 m ²	Hoàn thành GPMB và nhận bàn giao đất. Đang đề nghị điều chỉnh QH 1/500	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
24	Khu trưng bày, mua bán mai kiểng và sinh vật cảnh	Công ty TNHH Thảo Kim	Khu vực An Ngãi, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	164/QĐ-UBND ngày 19/01/2017	3	Từ quý 1/2017 - quý 3/2017	240 m ²	Đã đi vào hoạt động	
25	Nhà máy gạch Tuynel	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	Khu 3 Gò Cát Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.	1200/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	64	Quý III/2017 - Quý I/2018	3,98 ha	Do chồng lấn một phần diện tích đất nên Công ty đề nghị thay đổi địa điểm đầu tư	
26	Nhà máy may Hoài Hương	Công ty Cổ phần may Tam Quan	Xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	2422/QĐ-UBND ngày 10/7/2017	20,5	Quý III/2017 - Quý IV/2017	39.800 m ²	Đã đi vào hoạt động	
27	khu dịch vụ thể dục- thể thao	Công ty CP Thể dục Thể thao Hoàng Yến	Khu dịch vụ Thể dục – Thể thao thuộc Sân vận động cũ, đường Ngô Văn Sở, phường Đập Đá (Khu vực Đông Phương Danh), thị xã An Nhơn.	942/QĐ-UBND ngày 17/3/2017	49,5	12 tháng kể từ ngày cấp phép xây dựng	11.868,1 m ²	Đã có Quyết định cho thuê đất. Đang thực hiện các thủ tục xin giấy phép xây dựng	
28	Khu dân cư đường N4, Khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	Công ty TNHH Đầu tư XD & TM Dịch vụ Yến Tùng	Khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	1422/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	421,5	Quý II/2017 - Quý IV/2020	25112,4 m ²	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500. Đang thực hiện các thủ tục xin thuê đất và giấy phép xây dựng	
29	Trạm dừng nghỉ bằng sơn	Công ty TNHH Xăng dầu và Thủy sản Bảy Cường	Quốc lộ 1A Km 1146 (bên trái tuyến) thuộc thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn	2581/QĐ-UBND ngày 20/7/2017	54	Quý III/2017 – Quý IV/2018	24.058,3 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
30	Trang trại chăn nuôi bò thịt thương phẩm và trồng cây ăn quả	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ 3 Ông	Thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn	2521/QĐ-UBND ngày 17/7/2017	4,8	Tháng 8/2017 - tháng 8/2018	62.000 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
31	Nhà Máy Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu	Công ty TNHH An Minh Huy	Lô số 03 CCN Rẫy Ông Thơ, thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn	634/QĐ-UBND ngày 19/6/2017	38	10 tháng kể từ ngày được cấp phép xây dựng	39.800m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
32	Trạm cứu hộ giao thông và sửa chữa ô tô	Công ty TNHH SXTMDV và Cứu hộ giao thông 116 Bình Định	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	3865/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	4,4	Quý 3/2017 - Quý 2/2018	4.340 m2	Hiện đang làm thủ tục thu hồi đất. Công ty đang trình hồ sơ phê duyệt quy hoạch 1/500	
33	Nhà máy sản xuất ván lạng, ván ép và chất đốt xanh Hồng Hải (cơ sở 2)	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Hồng Hải	Lô A2, A3, A4 và A5 Cụm công nghiệp cầu 16, huyện Tây Sơn	4113/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	70	tháng 10/2017 - tháng 11/2018	63.677,7 m2	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
34	Khu dân cư An Thành, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thành	Khu vực 6 phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	4415/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	75,9	Từ quý IV/2017 đến quý IV/2019	4.660,7 m2	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
35	Khu liên hợp dịch vụ thương mại và khách sạn Tường Duy	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tường Duy	Lô số 01, 02, 03, 04, 09 và 10 Khu dân cư Đồng Cỏ Hôi, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân	4473/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	27,8	Từ Quý 4/2017 - Quý 3/2018	3.203,4 m2	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
36	Trạm dừng nghỉ Hòa Hiệp Bình Định	DNTN Thương mại - Dịch vụ tổng hợp Hòa Hiệp	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	727/QĐ-UBND ngày 19/12/2017	11	Từ Quý 4/2017 - Quý 4/2018	4.253,5 m2	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
37	Trung tâm sửa chữa xe ô tô và máy công nghiệp Hoàng Long	Công ty TNHH SXKD Xuất nhập khẩu Hoàng Long	Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4413/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	10	Từ Quý IV/2017 - Quý II/2018	4114 m2	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TỪ NĂM 2013 ĐẾN 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
Năm 2013									
1	Nhà xưởng, trạm nghiền đá	Công ty TNHH Tấn Phát	Trung Ái, Nhơn Hòa, An Nhơn	228/UBND-TH ngày 21/1/2013	7,9	2013 - 2015	3,8ha	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
2	Trung tâm dịch vụ sinh viên	Công ty TNHH Xây dựng Tân Phương	KH5, phường Nhơn Phú, Quy Nhơn	277/UBND-TH ngày 21/1/2013	23,2	-	2.925,5 m ²	Đã hoàn tất thủ GPMB; đang triển khai các đất đai và xây dựng	
3	Nhà xưởng may Công nghiệp	Công ty TNHH May Hoàng Vinh	Tuy Phước	3946/UBND-TH ngày 25/9/2013	7,5	2013 - 2014	-	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
4	Nhà máy CB đá và bãi tập kết VLXD	Công ty TNHH Thương mại Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	3368/UBND-TH ngày 22/8/2013	11	2013 - 2015	-	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
Năm 2014									
1	Trạm dừng nghỉ Bồng Sơn	Công ty TNHH Hoàng Quân (Công ty TNHH Tấn Phát Bình Định)	Hoài Nhơn	3623/UBND-TH ngày 22/8/2014	50	2013 - 2014	16898,8 m ²	Đã thu hồi năm 2017	
2	Nhà máy chế biến viên nén sinh học rắn	Công ty TNHH An Duy Khang	CCN Du Tụ, Hoài Ân	5597/UBND-TH ngày 15/12/2014	21	2014 - 2016	12.000 m ²	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
3	Trạm dừng nghỉ đường bộ thị xã An Nhơn	Công ty TNHH TH Minh Phương (Công ty TNHH TM DV Đại Thiên Hà)	Phường Bình Định, thị xã an Nhơn	5316/UBND-TH ngày 8/11/2014	52	Tháng 11/2014 - 12/2015	13.900 m ²	Đang hoàn tất thủ tục xây dựng. Dự án chậm tiến độ	
4	Xưởng gia công và trưng bày sản phẩm TMN	Công ty TNHH TM TMN	Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	263/UBND-TH ngày 17/01/2014	20	06 tháng kể từ ngày có Giấy phép xây dựng	11.925,8 m ²	Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đang xin giấy phép xây dựng	
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe Suối nước nóng Hội Vân	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	2928/UBND-TH ngày 11/7/2014	100	2014 - 2019	53,75 ha	Đã thu hồi CTĐT 2016	
6	Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học rắn	Công ty CP Năng lượng sinh học Phú Tài (Công ty CP Năng Lượng Thiện Minh)	Bình Nghi, Tây Sơn	2431/UBND-TH ngày 12/6/2014	93,02	Tháng 6/2014 - 01/2015	27.018 m ²	Đã xây xong nhà máy. Đang vận hành chạy thử máy móc thiết bị	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
7	Cơ sở chế biến mìn cưa	Công ty TNHH Nông sản Minh Thành	Xã Canh Hòa, Vân Canh	5466/UBND-TH ngày 8/12/2014	2,5	Tháng 12/2014 - 5/2015	1.400 m2	Đã xây xong nhà xưởng. Đang nhập máy móc thiết bị. Dự án chậm tiến độ	
8	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Công ty TNHH Gạch không nung Phú Lộc	Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	2108/UBND-TH ngày 27/5/2014	10,8	Tháng 5/2014 - 1/2015	2.908 m2	Đã hoàn thành đi vào hoạt động	
9	Khu du lịch - Biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp LAPOEFIE	Công ty TNHH XNK Thành Châu	Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	4280/UBND-TH ngày 25/9/2014	1500	Quý III/2016 - Quý III/2017	137,3 ha	Đang hoàn thiện quy hoạch 1/2000 trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Dự án chậm tiến độ	
10	Nghĩa trang An Lộc Phát	Công ty TNHH XD DV Nghĩa trang An Lộc Phát	Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	5945/UBND-KTN ngày 30/12/2014	112,4	Thời gian lắp đầy 45 năm	68 ha	Đang thực hiện lập hồ sơ thiết kế dự án, các thủ tục đất đai, xây dựng	
11	Kho chứa xăng dầu, kho bãi tổng hợp và bến phao nổi xăng dầu	Công ty CP Xăng dầu Bình An	Phường Thị Nại, Quy Nhơn	4496/UBND-TH ngày 10/10/2014	616,3	Quý IV/2014 - Quý IV/2015	54.987,4 m2	Đang thực hiện lập hồ sơ thiết kế dự án, các thủ tục đất đai, xây dựng	
12	Tổ hợp Trung tâm thương mại và dịch vụ hỗn hợp	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu	01 Ngõ Mây, thành phố Quy Nhơn	1104/UBND-TH ngày 26/3/2014	800	2014 - 2018	4.953 m2	-	Đã thu hồi CTĐT năm 2016
Năm 2015									
1	Khu Thương mại và Khu chung cư	Công ty CP Đầu tư Phát triển bất động sản Đô Thành	Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 28, Khu đất đường Lê Duẩn, Quy Nhơn	1932/UBND-TH ngày 7/5/2015	1.740	2015 - 2020	10.748 m2	Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản đề nghị nhà đầu tư khởi công trong quý 1/2018 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 35/TB-UBND ngày 05/02/2018	
2	Việt Pháp Plaza	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Pháp	1006 Trần Hưng Đạo, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn	3350/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	73,9	2015 - 2017	4.623 m2	Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản đề nghị nhà đầu tư khởi công trong quý 1/2018 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 35/TB-UBND ngày 05/02/2018	
3	Khu dịch vụ và Khu dân cư phường Nguyễn Văn Cừ	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Phía Tây Nam Bệnh viện Quân y 13, thành phố Quy Nhơn	2757/UBND-TH ngày 18/6/2015	200	2015 - 2017	16.101 m2	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
4	Trường mầm non chất lượng cao Sen Hồng	Trường mầm non Hoa Sen	Lô CC1, khu dân cư thuộc Khu DT - DV - DL phía Tây đường An Dương Vương, Quy Nhơn.	2882/UBND-TH ngày 24/6/2015	10	2015 - 2016	464 m2	Đã hoàn thành và đi vào hoạt động	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
5	Khu phức hợp Kim Cúc	Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch và Dịch vụ Kim Cúc	Lô DV 2, thuộc khu ĐT- DV - DL phía Tây An Dương Vương, Quy Nhơn	254/QĐ-UBND ngày 25/01/2017	1.389,6	2017 - 2022	8.928 m2	Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Nhà đầu tư đang khởi công xây dựng dự án	
6	Mở rộng kho chứa nguyên liệu và hàng thành phẩm	Công ty TNHH Hồng Phúc Thanh	Tờ bản đồ số 28, tổ 9, khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	2551/QĐ-UBND ngày 23/7/2015	5,5	7/2015 - 10/2015	3.400,7 m2	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
7	Nhà máy xử lý chất thải rắn	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Cửu Long	Xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	3886/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	72,5	2015 - 2019	7,1 ha	Đã thu hồi năm 2017	
8	Nhà máy chế biến tinh bột sắn xuất khẩu Tây Sơn	Liên danh Công ty CP XNK Bình Định và Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	4281/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	200	Quý IV/2015 - IV/2016	304.991 m2	Đã thu hồi năm 2017	
10	Khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Hoàng Gia Tam Quan	Công ty TNHH Hải Nguyên	Thôn Thiện Chánh, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	4516/QĐ-UBND ngày 15/12/2015	168,5	Quý IV/2015 đến Quý I/2019).	3,8 ha	Đang lên phương án đền bù GPMB và hoàn tất thủ tục đất đai	
11	Nhà máy chế biến hàng nông lâm sản xuất khẩu	Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Trường Thịnh	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	2282/QĐ-UBND ngày 26/5/2015	36,9	Hoàn thành xây dựng và đi hoạt động sau 10 tháng kể từ ngày có giấy phép xây dựng	5 ha	Đang vận hành chạy thử máy móc giai đoạn 1	
12	Nhà máy sản xuất gạch ngói Trọng Điểm	Công ty TNHH Trọng Điểm	Khu đất Gò Ôi, thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	3781/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	5,5	Tiến độ thực hiện dự án: 12 tháng sau khi được cấp giấy phép xây dựng	24.882 m2	Đang lên phương án đền bù GPMB và hoàn tất thủ tục đất đai	
13	Đầu tư xưởng sản xuất bao bì nhựa Plastic	Công ty TNHH SX-TM Hoàng Phú	Tổ 3, khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	4217/QĐ-UBND ngày 23/11/2015	5	Từ Quý IV/2015 đến Quý III/2016	3.700 m2	Đã hoàn thành và đi vào hoạt động	
14	Khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao	Công ty TNHH Thành Ly	Xã Cát Hải và xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	3354/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	284,5	2015 -2018	48 ha	Đang triển khai sơ bộ hạng tăng diện	
15	Công ty TNHH Gỗ Công nghiệp M.D.F Bình Định	Nhà máy chế biến gỗ MDF Bình Định	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	83/UBND-TH ngày 09/01/2015	450	Khởi công xây dựng trong năm 2015 và đi vào hoạt động quý I năm 2018	15ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
16	Trang trại nuôi bò thịt	Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hiếu Ngọc	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	1368/UBND-TH ngày 07/7/2015	29,2	Quý III/2015 - Quý IV/2016	75.045 m2	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
17	Nuôi yến trong nhà và trồng cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở đô thị	Công ty TNHH Yến Quang	Tổ 4, khu vực 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	3613/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	2,7	Quý 4/2015 Quý 4/2016	1.036,1 m2	Đã xây dựng xong công trình	
18	Xưởng cửa xẻ gỗ và văn phòng làm việc.	Công ty TNHH Thương mại Hậu Nhân	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	3657/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	4	Quý 4/2015 Quý 1/2016	7.000 m2	Đã thực hiện xong thủ tục, đang tiến hành xây dựng, dự án chậm tiến độ vì quá trình làm thủ tục kéo dài	
19	Trang trại chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	Công ty CP ĐT Nông Lâm nghiệp Bình Định	Xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	4498/QĐ-UBND ngày 14/12/2015	30	2015 - 2016	10 ha	-	Đã thu hồi CTĐT năm 2016
20	Điểm tổ hợp dịch vụ ẩm thực và nghỉ dưỡng.	Công ty Cổ phần Thành Ngân	Thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.	3094/QĐ-UBND ngày 09/9/2015	35,45	Quý 4/2015 Quý 4/2016	19.703,3 m2	Đã đền bù giải phóng mặt bằng xong, hiện đã nộp xong hồ sơ làm thủ tục cấp đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường đang chờ cấp sổ đỏ nên chưa tiến hành xây dựng	
Năm 2016									
1	Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh khối	Công ty TNHH XNK Năng Lượng Xanh	Thôn Ngọc Thạch, xã Phước An, Tuy Phước	661/QĐ-UBND ngày 07/3/2016	25,4	2016 - 2017	7.400 m2	Đang khởi công xây dựng công trình	
2	Khu du lịch biển Casa Marina Island	Công ty CP ĐT Trường Thành Quy Nhơn	Đảo hòn Đất - hòn Ngang, phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn,	843/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	200	2015 - 2018	H. Đất 28,8 ha H. Ngang 12,8 ha	Đã được UBND tỉnh phê duyệt 1/500 cả 2 hòn đảo; đã phê duyệt phương án bồi thường, GPMB đối với hòn Ngang; đang thuê đơn vị tư vấn lập quy hoạch 1/500 đối với hòn đất	
3	Khu dân cư Bàn Thành	Liên danh Công ty Quảng Lợi và Cty TNHH TM DV VT Nhật Duy	Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	30/QĐ-UBND ngày 08/01/2016	570,1	2016 - 2022	54.031 m2	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
4	Khu phức hợp BMC Quy Nhơn	Công ty TNHH MTV VLXD và Xây lắp thương mại BMC	Lô DV3 thuộc khu ĐT - DV - DL phía Tây An Dương Vương, Quy Nhơn	1018/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 255/QĐ-UBND ngày 25/1/2017	1.395,1	2017 - 2022	9.623 m2	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 và có Quyết định cho thuê đất	
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng biển quốc tế bãi Xếp	Công ty CP Đầu tư Trường Thành Quy Nhơn	KV bãi Xếp, P. Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	844/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	120	2016 - 2018	18,87 ha	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
6	Showroom ô tô và Thương mại Dịch vụ Như Ý	Công ty TNHH TM và XNK Chấn Thành	Phường Quang Trung, Quy Nhơn	4206/QĐ-UBND ngày 17/11/2016	30	2016 - 2018	2.529,3 m2	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	
7	Sản xuất gia công may mặc	Chi nhánh Công ty CP Kết nối Thời trang tại Bình Định	Xã Phước Thuận, Tuy Phước	1771/QĐ-UBND ngày 24/5/2016	10,21	2016 - 2017	5.000 m2	Đã có Quyết định cho thuê đất. Đang thực hiện các thủ tục xin giấy phép xây dựng	
8	Khu phức hợp Trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng kết hợp dịch vụ, giải trí thể thao	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	Xã Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn	1939/QĐ-UBND ngày 08/6/2016	50	Quý 3/2016 - 4/2017	9.349 m2	Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đang xin giấy phép xây dựng	
9	Khu phức hợp Đô thị - Thương mại - Dịch vụ Ánh Việt	Công ty TNHH TM Ánh Việt	KV 5, phường Quang Trung, Quy Nhơn	2054/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	459	Quý 3/2016 - quý 4/2018	70.590 m2	NĐT đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng trước khi triển khai dự án	
10	L'avenir Quy Nhơn Hotel & Towers	Công ty TNHH TM Ánh Vy	35 Nguyễn Huệ, Quy Nhơn	2101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	345,4	Quý 3/2016 - quý 4/2018	3.276 m2	NĐT đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng trước khi triển khai dự án	
11	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Khách sạn và Căn hộ cao cấp (Hoa Sen Tower)	Công ty CP Hoa Sen Quy Nhơn	01 Ngô Mây, Quy Nhơn	4612/QĐ-UBND ngày 15/12/2016	2.500	2016 - 2021	8.109,16 m2	NĐT đang lập phương án bồi thường, GPMB	
12	Khu du lịch nghỉ dưỡng Suối nước nóng Hội Vân	Công ty CP Hoa Sen Hội Vân	Xã Cát Hiệp, Phù Cát	2097/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	423,3	2016 - 2021	175,9 ha	Đã thu hồi năm 2017	
13	Khu đô thị Bắc sông Tân An	Công ty TNHH Nam Phát Bình Định	Phường Bình Định, An Nhơn	4506/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	819,3	Quý 4/2016 - quý 4/2021	15,8 ha	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	
14	Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ Luxury Quy Nhơn	Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn	109/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	391,8	Quý 3/2016 - quý 2/2019	2.657,33 m2	Đang lập quy hoạch 1/500 trình cấp thẩm quyền phê duyệt	
15	Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN Đồi Hòa Sơn	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vương Minh	Xã Nhơn Mỹ, An Nhơn	4509/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	81,6	Quý 4/2016 - quý 3/2018	37 ha	NĐT đang lập phương án bồi thường, GPMB	
16	Tổ hợp Nhà hàng - Dịch vụ Đồng Gia Viên	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phú Anh	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu ĐT - TM phía Bắc sông Hà Thanh	3921/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	20,5	Quý 4/2016 - quý 4/2017	1.055 m2	NĐT đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng trước khi triển khai dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
17	Bến xe Trung tâm huyện An Lão	Công ty TNHH Xây dựng Trung Tín	Thị trấn An Lão, An Lão	3923/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	4320	Tháng 10/2016 - 12/2016	1.600 m ²	Đang khởi công xây dựng công trình	
18	Khu biệt thự nghỉ dưỡng biển bãi Xếp	Công ty CP Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Khu vực 1, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn.	4508/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	80	2016 - 2018	2,7 ha	NĐT đã lập xong quy hoạch 1/500 trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Đang thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, GPMB	
19	Nhà máy sản xuất nước giải khát	Công ty TNHH Habico	328 Âu Cơ, tổ 9, khu vực 2, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	1772/QĐ-UBND ngày 24/5/2016	18,6	6/2016 - 12/2016	3.739,5 m ²	Đã đi vào hoạt động	
20	Xưởng sản xuất dây nhựa giả mây	Công ty TNHH Sản xuất Bảo Huy	Tổ 9, khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.	347/QĐ-UBND ngày 03/2/2016	4,9	2/2016 - 8/2016	582,9 m ²	Đã đi vào hoạt động	
21	Trung tâm Thương mại Dịch vụ tổng hợp Bá Sanh Đường	Công ty TNHH Bá Sanh Đường	Thôn Ca Công Nam, xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.	3605/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	23,6	Quý IV/2016 - quý III/2017	3.997,8 m ²	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
22	Showroom ô tô HyunDai Bình Định, cửa hàng mua bán hàng trang trí nội thất và văn phòng cho thuê	Xí nghiệp thực phẩm Quy Nhơn	Số 233 Tây Sơn, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	1249/QĐ-UBND ngày 19/4/2016	15,2	Từ 04/2016 đến 1/2017	7441,67 m ²	Đã hoàn tất thủ tục đất đai; hiện công ty đang triển khai các bước về xây dựng	
23	Siêu thị đồ gỗ và kinh doanh tổng hợp Mười Vàng	Công ty TNHH Thương mại Mười Vàng	Thôn Tân Thành 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	2400/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	35	Từ quý III/2016 - quý IV /2017	6.833 m ²	Đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500. Đang hoàn thiện thủ tục đất đai, xây dựng	
24	Khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao	Công ty TNHH Nuôi trồng và Chế biến Thủy Sản Xanh	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1311/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	126,4	Từ quý 3/2016 đến quý 4/2019	30 ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
25	Khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ Biofloc	Công ty TNHH Thủy sản Thành Hiệp	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1313/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	94,8	Từ quý 2/2016 quý 3/2018	20ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
26	Khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ Biofloc	Công ty TNHH TM DV XK Thanh Văn	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1312/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	94,8	Từ quý 2/2016 quý 3/2018	20ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
27	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại Hiệp Long	Thôn Hiệp Long, xã Cát Lâm, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	3134/QĐ-UBND ngày 01/9/2016	4,9	Quý 3/2016 - Quý 4/2016.	1.500 m2	Đang hoàn tất thủ tục xây dựng	
28	Khu đô thị dọc hai bên đường liên phường Bình Định	Công ty Cổ phần đầu tư Tây Bắc	Phường Nhơn Hưng và phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	4507/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	604,5	Quý 3/2016 - Quý 3/2021	36 ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
29	Khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao	Công ty TNHH Nam Việt Bình Định	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát	3922/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	564	Từ quý IV/2016 đến quý I/2020	58 ha	Đang hoàn tất thủ tục Đất đai, xây dựng	
30	Nhà máy may xuất khẩu Phước Sơn	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ May Phước Sơn.	Thôn Mỹ Cang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.	2955/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	14,78	Quý 4/2016 Quý 3/2017	9.510,1 m2	Đã nộp tiền đền bù giải phóng mặt bằng, mới có giấy Giới thiệu địa điểm tháng 3/2017	
31	Xưởng sản xuất gia công may mặc	Công ty TNHH May Âu Lạc	Thôn Tân Dân, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	2859/QĐ-UBND ngày 16/8/2016	6,5	Quý 4/2016 Quý 4/2017	6.027 m2	Mới có Giấy giới thiệu địa điểm, đang làm thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng	
32	Nhà máy sản xuất gạch không nung viêt tân lợi.	Công ty TNHH Việt Tân Lợi	Thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	3920/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	13,35	Quý 2/2017 Quý 3/2017	26.000 m2	Đang làm thủ tục đầu tư	
33	Trại tiếp nhận, phân loại xử lý thú y và bán heo hơi	Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Liêm	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	4685/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	5,75	Quý 1/2017 Quý 2/2017	15.884 m2	Đang làm thủ tục đầu tư	
34	Xưởng cửa xẻ - sấy gỗ quy cách	Công ty TNHH Hồng Phúc Thanh	Thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	4774/QĐ-UBND ngày 23/12/2016	10	Quý 1/2017 Quý 2/2017	17.569,8 m2	Đang làm thủ tục đầu tư	
Năm 2017									
1	Khu dân cư Đông Bàn Thành	Công ty TNHH Đầu tư Đông Bàn Thành	Phường Đập Đá, An Nhơn	43/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 2647/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	721,3	Quý 1/2017 - quý 4/2020	100.164 m2	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
2	Bến thuyền du lịch Riverside	Công ty TNHH Đại Phước	Khu dịch vụ hậu cần nghề cá, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	1016/QĐ-UBND ngày 23/3/2017	1,1	Quý 1/2017 - quý 2/2017	mặt đất: 108,5 m2; mặt nước: 310 m2	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
3	Khu Ami Resort & Spa	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đồng Nam	Khu vực 1, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	1600/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	63	Quý 4/2016 - quý 4/2019	8.000 m ²	Đang phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết vấn đề tranh chấp đất đai và đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
4	Cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm Minh Dư	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Thôn Bình An 1, xã Phước Thành và thôn An Hòa 2, xã Phước An, Tuy Phước	281/QĐ-UBND ngày 06/02/2017	123,9	Tháng 01/2017 - tháng 7/2018	126.726,4 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
5	Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ Đông Bắc cầu Tân An	Công ty TNHH Tân An Land	Khu vực Liêm Trục, phường Bình Định, An Nhơn	163/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 3423/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	1390	quý 1/2017 - quý 2/2021	37,1 ha	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
6	Mở rộng cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm Minh Dư	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Xã Phước Thành, Tuy Phước	555/QĐ-UBND ngày 28/02/2017	123,9	tháng 01/2017 - tháng 4/2018	187.798,6 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
7	Khu nghỉ dưỡng La Costa	Công ty CP Đầu tư Thanh Linh Quy Nhơn	Tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, khu vực 1, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn	877/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	60	quý 1/2017 - quý 4/2018	04 ha	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
8	Nhà máy áp trứng 3	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Thôn Ngọc Thạnh 2, xã Phước An, Tuy Phước	797/QĐ-UBND ngày 10/3/2017	192,3	tháng 02/2017 - tháng 4/2018	14.941 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
9	Khách sạn Petec Bidico	Công ty CP Petec Bình Định	40 Tăng Bạt Hổ, thành phố Quy Nhơn	1202/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	30,3	Quý 1/2017 - Quý 1/2018	384 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
10	Nhà máy phân bón Nhật - Nam	Công ty CP Sản xuất và XNK Thành Hưng	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn	1610/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	165	Năm 2017 - năm 2018	60.050,2 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
11	Khu Dịch vụ, Thương mại, Dân cư Bắc cầu Tân An	Công ty TNHH An Nhơn Land	Phường Bình Định, thị xã An Nhơn	3750/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	1146	Quý 2/2017 - quý 4/2021	70 ha	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
12	TMS Luxury Hotel Quy Nhơn Beach	Công ty CP Tập đoàn TMS	28 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn	1935/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	1285	tháng 4/2017 - tháng 9/2019	2.600 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư, san ủi mặt bằng khu vực dự án	
13	Khu đô thị Nam đường Hùng Vương	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	Khu vực 6, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	2562/QĐ-UBND ngày 19/7/2017	1978	Năm 2017 - năm 2023	672.090 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
14	Khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái FLC Cù Lao Xanh	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển FLC Faros Bình Định	Phía Tây đảo Cù Lao Xanh, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn	2509/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	485,74	Tháng 8/2017 - tháng 12/2020	1.052.399 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
15	Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa	Công ty TNHH Ngọc Lan Bình Định	Từ lô D01 đến lô D08 và lô B19, CCN Tân Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	2888/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	23,6	quý 3/2017 - 2/2018	37.403,8 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
16	Trung tâm hội nghị, tiệc cưới Trọng Phát	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát	Thôn Tân Lập, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	3281/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	10,6	quý 3/2017 - quý 3/2018	5.726 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
17	Cửa hàng buôn bán máy móc, thiết bị vận tải và bãi xe Đệ Nhất	Công ty TNHH Vận tải khách Đệ Nhất	Lô DV1 và DV2, thôn Trung Tín 1, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	3065/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	10	quý 3/2017 - quý 3/2018	4.861 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
18	Khu chung cư Thịnh Phát - Thịnh Phát Tower	Công ty TNHH Đầu tư BMT Fico	388 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn	3866/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 4300/QĐ-UBND ngày 16/11/2017	215,4	Quý 4/2017 - quý 4/2019	3.792,8 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
19	Khu phức hợp Khách sạn, Thương mại và Căn hộ cao cấp Thiên Hưng	Liên danh Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thiên Hưng, Công ty CP Tập đoàn Mặt Trời và Công ty CP Tập đoàn An Phú	Khu đất K200 thuộc Khu đô thị, thương mại, dịch vụ phía Tây đường An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn	3968/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	2900	Quý 3/2017 - quý 3/2020	10.840 m ²	Đã báo cáo UBND tỉnh xem xét thu hồi chủ trương đầu tư	
20	Nhà máy điện mặt trời Cát Hiệp	Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao TTP Bình Định	Thôn Văn Hội, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.	4489/QĐ-UBND ngày 01/12/2017	1139,6	Quý IV/2017 - Quý II/2019	82,95 ha	Đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào QH phát triển điện lực tỉnh Bình Định GD 2016-2020. Đang thực hiện thủ tục đất đai	
21	Khu dân cư Bông Hồng	Liên danh Công ty CP Lâm nghiệp 19 và Công ty CP sản xuất xuất nhập khẩu Tân Việt	Kho Xí nghiệp Bông Hồng, khu vực 3, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	1794/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	223,9	Quý III/2017 - Quý 4/2021	25974,62	Đang thực hiện thủ tục GPMB, đã nộp hồ sơ quy hoạch 1/500.	
22	Khách sạn hoa hồng	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Nam	Số 98A đường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn	382/QĐ-UBND ngày 14/2/2017	16,5	từ tháng 12/2016 - tháng 9/2017	348,1 m ²	Đã khởi công xây dựng công trình	



TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
23	Trung tâm trưng bày, mua bán và bảo hành ô tô	Công ty TNHH Thủy sản An Hải	Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 33, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	2072/QĐ-UBND ngày 09/6/2017	96,2	Quý I/2017 - Quý II/2018	28.862,6 m ²	Hoàn thành GPMB và nhận bàn giao đất. Đang đề nghị điều chỉnh QH 1/500	
24	Khu trưng bày, mua bán mai kiểng và sinh vật cảnh	Công ty TNHH Thảo Kim	Khu vực An Ngãi, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	164/QĐ-UBND ngày 19/01/2017	3	Từ quý I/2017 - quý 3/2017	240 m ²	Đã đi vào hoạt động	
25	Nhà máy gạch Tuynel	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	Khu 3 Gò Cát Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.	1200/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	64	Quý III/2017 - Quý I/2018	3,98 ha	Do chồng lấn một phần diện tích đất nên Công ty đề nghị thay đổi địa điểm đầu tư	
26	Nhà máy may Hoài Hương	Công ty Cổ phần may Tam Quan	Xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	2422/QĐ-UBND ngày 10/7/2017	20,5	Quý III/2017 - Quý IV/2017	39.800 m ²	Đã đi vào hoạt động	
27	khu dịch vụ thể dục - thể thao	Công ty CP Thể dục Thể thao Hoàng Yến	Khu dịch vụ Thể dục - Thể thao thuộc Sân vận động cũ, đường Ngô Văn Sở, phường Đập Đá (Khu vực Đồng Phương Danh), thị xã An Nhơn.	942/QĐ-UBND ngày 17/3/2017	49,5	12 tháng kể từ ngày cấp phép xây dựng	11.868,1 m ²	Đã có Quyết định cho thuê đất. Đang thực hiện các thủ tục xin giấy phép xây dựng	
28	Khu dân cư đường N4, Khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	Công ty TNHH Đầu tư XD & TM Dịch vụ Yến Tùng	Khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	1422/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	421,5	Quý II/2017 - Quý IV/2020	25112,4 m ²	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500. Đang thực hiện các thủ tục xin thuê đất và giấy phép xây dựng	
29	Trạm dừng nghỉ bồn sông	Công ty TNHH Xăng dầu và Thủy sản Bảy Cường	Quốc lộ 1A Km 1146 (bên trái tuyến) thuộc thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn	2581/QĐ-UBND ngày 20/7/2017	54	Quý III/2017 - Quý IV/2018	24.058,3 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
30	Trang trại chăn nuôi bò thịt thương phẩm và trồng cây ăn quả	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ 3 Ông	Thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn	2521/QĐ-UBND ngày 17/7/2017	4,8	Tháng 8/2017 - tháng 8/2018	62.000 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện	Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đăng ký	Diện tích đất	Kết quả thực hiện	Ghi chú
31	Nhà Máy Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu	Công ty TNHH An Minh Huy	Lô số 03 CCN Rẫy Ông Thor, thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn	634/QĐ-UBND ngày 19/6/2017	38	10 tháng kể từ ngày được cấp phép xây dựng	39.800m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
32	Trạm cứu hộ giao thông và sửa chữa ô tô	Công ty TNHH SXTMDV và Cứu hộ giao thông 116 Bình Định	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	3865/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	4,4	Quý 3/2017 - Quý 2/2018	4.340 m ²	Hiện đang làm thủ tục thu hồi đất. Công ty đang trình hồ sơ phê duyệt quy hoạch 1/500	
33	Nhà máy sản xuất ván lạng, ván ép và chất đốt xanh Hồng Hải (cơ sở 2)	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Hồng Hải	Lô A2, A3, A4 và A5 Cụm công nghiệp cầu 16, huyện Tây Sơn	4113/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	70	tháng 10/2017 - tháng 11/2018	63.677,7 m ²	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB; các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
34	Khu dân cư An Thành, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thành	Khu vực 6 phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	4415/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	75,9	Từ quý IV/2017 đến quý IV/2019	4.660,7 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
35	Khu liên hợp dịch vụ thương mại và khách sạn Tường Duy	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tường Duy	Lô số 01, 02, 03, 04, 09 và 10 Khu dân cư Đồng Cỏ Hôi, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân	4473/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	27,8	Từ Quý 4/2017 – Quý 3/2018	3.203,4 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
36	Trạm dừng nghỉ Hòa Hiệp Bình Định	DNTN Thương mại - Dịch vụ tổng hợp Hòa Hiệp	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	727/QĐ-UBND ngày 19/12/2017	11	Từ Quý 4/2017 – Quý 4/2018	4.253,5 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	
37	Trung tâm sửa chữa xe ô tô và máy công nghiệp Hoàng Long	Công ty TNHH SXKD Xuất nhập khẩu Hoàng Long	Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4413/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	10	Từ Quý IV/2017 - Quý II/2018	4114 m ²	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định trước khi khởi công xây dựng dự án	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ DỰ ÁN FDI TỪ NĂM 2013 - 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên dự án	Tổ chức được giao đất, thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận đầu tư được cấp			Diện tích đất	Mục tiêu dự án	Ghi chú
				Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (USD)	K/công - H/thành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
Năm 2013									
1	Dự án cung cấp dịch vụ giám định thương mại/	Công ty TNHH Giám định Trung quốc (Việt Nam)	Tầng 3, Tòa nhà Phú Tài, số 278 Nguyễn Thi Đình	351043000287 24/01/2013	1.000.000	24/01/2013 - 25/01/2015		Dịch vụ giám định thương mại,	Hoạt động bình thường
2	Kinh doanh nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị Trung Liên	Công ty TNHH Quốc tế Trung Liên/	Thị trấn Diêu Trì, Phú Tài, Quy Nhơn	351024000330 ngày 05/11/2013	750.000	5/11/2013 - 30/10/2014		Thực hiện quyền xuất, nhập khẩu các loại máy móc thiết bị và phụ tùng	Dự án hiệu quả
3	Dự án Siêu thị Big C Quy Nhơn	Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Bình Định	Khu đô thị xanh Vũng Chua, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.	35 112 000 337 12/12/2013	5.453.000	12/12/2013- 30/7/2015	8.094 m2	Nhập khẩu, mua bán hàng hóa tiêu dùng, lương thực, thực phẩm, mỹ phẩm để bán trong siêu thị và trung tâm thương mại.	Dự án hiệu quả
4	Trung tâm Thương mại Big C Quy Nhơn	CN công ty CP Bất động sản Việt Nhật tại Bình Định	Khu đô thị xanh Vũng Chua, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	35112000327 11/10/2013	8.000.000	12/12/2013- 30/3/2015	23.395 m2	Dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp, Kinh doanh bất động sản, Dịch vụ quảng cáo, quản lý, tư vấn bất động sản, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	Dự án hiệu quả
Năm 2014									
1	Nhà máy chế biến lâm sản	Công ty TNHH Yenepoya Processing/	Cụm Công nghiệp Gò Mít, Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định 3.500m2	35 1 0 2 3 000 341 22/01/2014	1.000.000	22/01/2014 - 30/01/2015		Chế biến ván ép, gỗ ghép, sản phẩm gỗ, bàn ghế nội thất bằng gỗ.	Dự án đang ngừng hoạt động
2	Dự án Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	Khu đô thị xanh Vũng Chua, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.	35 112 000359 ngày 20/6/2014	1.730.000	20/6/2014 -20/2/2015		Đầu tư trang bị để hình thành cụm rạp chiếu phim và điều hành cụm rạp chiếu phim	Dự án hiệu quả
3	Kinh doanh xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản Tân Trung Nguyên /	Công ty TNHH Kinh doanh xuất nhập khẩu Tân Trung Nguyên	Số 11B, đường Chu Văn An, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn	35 1 0 4 3 000 338 18/03/2014	3.000.000	18/03/2014 - 30/12/2017		Thực hiện quyền xuất, nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản	Dự án không hiệu quả và đang ngừng hoạt động
4	Kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm đá Granite, SP gỗ và thủy sản chế biến/	Công ty TNHH Đá bạc Quy Nhơn	Tầng 1 số 85 đường Ngô Mây, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn	351043000371 ngày 31/10/2014	95.240	12/12/2013-30/3/2015		Kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm làm từ đá granite; mua bán các sản phẩm làm từ gỗ; thực phẩm thủy sản	Dự án không hiệu quả, gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu
5	Công ty TNHH MTV Chế biến nông sản Lucky Star/	Nhà máy chế biến tinh bột biến tính và sản lát	Cụm công nghiệp Cầu Nước Xanh, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	351043000374 ngày 14/11/2014	11.250.000	2014 - Quý 3/2017	10,5ha	Chế biến tinh bột biến tính quy mô 55.000 tấn/năm và sản lát quy mô 100.000 tấn/năm	Hoạt động bình thường
Năm 2015									
1	Nhà máy Dệt-Nhộm-May Delta Galil VN	Cong ty TNHH Delta Galil Vi Nam	Xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	35 1043 000 383/ ngày 26/01/2015	13.000.000	30/3/2015 - 30/3/2016	18.000m2	Sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt (trong đó có nhuộm)	Dự án hiệu quả

TT	Tên dự án	Tổ chức được giao đất, thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận đầu tư được cấp			Diện tích đất	Mục tiêu dự án	Ghi chú
				Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (USD)	K/công - H/thành			
2	Dự án đóng tàu YANMAR Việt Nam/	Công ty TNHH đóng tàu YANMAR Việt Nam/	Tầng 4, Tòa nhà Phú Tài, số 278 Nguyễn Thị Định,	35 1043 000 400 ngày 22/5/2015	4.000.000	22/5/2015 - 30/12/2017		Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đối với sản phẩm do công ty sản xuất.	Hoạt động bình thường
3	Khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao trong nhà kính	Công ty TNHH Việt Úc - Phú Mỹ/	xã Mỹ Thành, huyện Phú Mỹ,	35 1043 000 407 Ngày 30/6/2015	13.302.752	30/12/2015 - 30/06/2018	100 ha	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Hoạt động bình thường
4	Khu sản xuất giống thủy sản	Chi nhánh Công ty CP Việt Úc Bình Định/	35 112 000406 ngày 30/6/2015	xã Mỹ Thành, huyện Phú Mỹ,	2.294.000	30/12/2015 - 30/06/2018	10ha	Sản xuất giống thủy sản	Đang triển khai
Năm 2016									
1	Dự án Rau sạch Bình Định	Công ty CP Kei's Bình Định Việt Nam/	Thôn Thiết Trụ, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	5405386332 Ngày 15/9/2016	29.100	15/12/2016-30/12/2017	15.000m2	Trồng và kinh doanh rau hữu cơ theo công nghệ Nhật Bản	Đang triển khai
2	Cơ sở phát triển phần mềm, xử lý dữ liệu CAD/CAM/	Công ty TNHH Ninja Q.	278 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, TP Quy Nhơn; diện tích thuê: 60m2	2106483443 ngày 28/9/2016	27.000	30/10/2016-30/03/2017		Phát triển phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu CAD/CAM trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, cơ khí, cầu đường; xuất khẩu sang thị trường nước ngoài và cung cấp dịch vụ cho thị trường trong nước	Hoạt động bình thường
3	Nhà máy đóng tàu vỏ thép Tam Quan	Công ty TNHH đóng tàu vỏ thép Tam Quan	thôn Trường Xuân Tây, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn	9884668660 14/11/2016	2.000.000	Quý 4/2016 - Quý 2/2017	44.176,1 m2	Đóng mới các loại tàu đánh cá, tàu dịch vụ hậu cần nghề cá và các loại tàu vỏ thép khác.	Đang triển khai
4	Nhà máy Công nghiệp Able Tây Sơn	Công ty TNHH Able Tây Sơn	Cụm Công nghiệp Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	6512472306 27/12/2016	2.600.000	Quý 4/2016 - Quý 3/2018	25.000m2	Sx quần áo bảo hộ lao động, quần áo chống virus, phòng xạ, quần áo phòng cháy chữa cháy; sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế nhằm xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, từ đó phân phối đi các thị trường khác	Đang triển khai
5	Sản xuất hàng phong thủy Thành Long	Chi nhánh Công ty TNHH Thành Thánh VN	Lô B10-b, Cụm công nghiệp Cát Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	8722346886 ngày 14/11/2016	500.000	30/12/2016-15/8/2017	10.480 m2	Sản xuất nhang và bột nhang	Đang triển khai
6	Dự án xưởng may công nghiệp	CÔNG TY TNHH MAY OASIS Chi nhánh	Cụm CN Diêm Tiệu, Phú Mỹ	2110417517 ngày 18/5/2016	746.000	Dự án đã hoạt động trước khi nhà đầu tư đề nghị cấp GCNĐKĐT	18.800 m2	Sản xuất và gia công hàng may công nghiệp. Công suất 1.200.000 sản phẩm áo khoác, jacket công nghiệp mỗi năm	Hiệu quả
Năm 2017									
1	Nhà máy may Seldat Việt nam	Công ty TNHH SELDAT Việt Nam	Thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn	4376168064 ngày 24/01/2017	1.173.333	Quý 1/2017 - Quý 2/2017	2.440 m2	Sản xuất, gia công may mặc, nâng cao chất lượng hàng hóa phục vụ nhu cầu xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.	Hoạt động bình thường

TT	Tên dự án	Tổ chức được giao đất, thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận đầu tư được cấp			Diện tích đất	Mục tiêu dự án	Ghi chú
				Số QĐ, ngày	Vốn đầu tư (USD)	K/công - H/thành			
2	Dự án xử lý nước Sanicon Bình Định	Công ty CP SANICON BÌNH ĐỊNH	Tầng 5, Tòa nhà Viettel Bình Định, số 01 Đinh Bộ Lĩnh, Quy Nhơn	3226236281 ngày 13/02/2017	200.000	Dự án hoạt động sau khi cấp GCNĐT		Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; sửa chữa máy móc, thiết bị; thực hiện quyền nhập khẩu và xuất khẩu; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xử lý nước và nước thải	Hoạt động bình thường
3	Trại heo giống Bình Định	Công ty TNHH Linkfarm	Khu vực núi Gò Quy, thôn An Đức, xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	2158003725 ngày 11/5/2017	21.200.000	Giai đoạn 1 đến quý 1/2018, giai đoạn 2 đến quý 2/2019.	62 ha	Trang trại heo giống tạo sản phẩm trực tiếp là giống heo chất lượng cao; tận dụng phế phẩm của trang trại để phục vụ một số cây trồng như gấc, gừng, nghệ, sả, hương nhu; than hoạt tính và phân bón nông nghiệp	Đang triển khai
4	Dịch vụ thi công Xây dựng hệ thống điện mặt trời	Công ty TNHH MTV Fujiwara Construction Bình Định	1229 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn	8714369285 ngày 08/12/2017	4.407.000	Tháng 04/2018: Đi vào hoạt động		Thực hiện thi công xây dựng công trình có quy mô đến cấp I theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trong đó, mục tiêu chính là thi công các công trình nhà máy sản xuất điện từ năng lượng mặt trời; trước mắt là thi công xây dựng nhà máy sản xuất điện từ năng lượng mặt trời cho Công ty TNHH Fujiwara Bình Định	Đang triển khai
5	Trang trại heo giống công nghệ cao New Hope Bình Định	Công ty New Hope Singapore Pte.LTD.	Thôn 4, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	7660990617 ngày 19/12/2017	19.779.300	Tháng 12/2018-Tháng 07/2019	23,1 ha	Đầu tư xây dựng trang trại heo giống Bình Định nhằm khai thác tiềm năng lợi thế về nguồn nguyên liệu và quỹ đất của địa phương, tạo sản phẩm trực tiếp là giống heo chất lượng cao, đồng thời cung cấp phân bón từ phân chuồng cho thị trường trong nước Quy mô dự án: 600 heo cấp cừ ký và 2.400 heo cấp ông bà và 5.000 tấn phân bón/năm	Đang làm thủ tục đất đai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ TỪ NĂM 2013 - 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
1	2	3	4	5	6	7	8	11
Năm 2013				2.639.053				1.970,559
1	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 23/ Công ty CP Thủy sản Hoài Nhơn	Cát Lâm, Phú Cát	35 121 000290 NC: 02/01/2013	1.500	Quý I/2013 - Quý IV/2013	553 m2	CS 547.200 lít/năm	1,500
2	Nhà máy Cb gỗ từ rừng trồng và nguyên liệu giấy/ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh tổng hợp Thương Thảo	Cụm CN Bình Tường, Hoài Sơn, HN	35 121 000291 NC: 31/1/2013	30.500	Quý I/2013 - Quý IV/2014	33.068 m2	30.000 BDMT/năm và 2.000 m3 gỗ thành phẩm/năm	30,500
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung/ Công ty TNHH Khoáng sản Thủy Tiên	Lô C1,C2 Cụm CN Đại Thanh, Phù Mỹ	35121000292 NC: 22/01/2013	36.000	Quý I/2013 - Quý IV/2013	59.887,5 m2	công suất 42 triệu viên/năm	Chưa triển khai xây dựng
4	Nhà máy thủy điện Văn Phong/ Công ty CP Thủy điện Văn Phong	Xã Bình Tường, Tây Sơn	35121000293 NC: 31/1/2013	172.592	Quý II/2013 - Quý I/2015	30.660 m2	công suất lắp máy Nlm= 6,0MW	172,592
5	Cửa hàng Xăng dầu Chí Tín/ Công ty CP Chí Tín	Vĩnh Thạnh	35121 000295 NC: 05/3/2013	1.055	Quý I/2013 - Quý III/2013	2.650 m2	1.170.759 lít/năm	1,055
6	Nhà máy sản xuất gạch không nung /Công ty TNHH Sản xuất Thương mại G M T	An Nhơn	35121000296 NC: 19/3/2013	23.000	Quý II/2013 - Quý IV/2013	27.120,3 m2	20.000.000 viên/năm	23,000
7	Nhà máy tuyển quặng titan/Công ty TNHH Thương mại khoáng sản Tấn Phát	An Nhơn	35121000297 NC: 18/3/2013	351.684	Quý I/2013 - Quý II/2013	3ha	khai thác khoáng sản	351,684
8	Nhà máy chế biến đá Granite/Công ty TNHH Lâm Khoáng Thanh Hà	Tuy Phước	35121 000294 NC: 28/3/2013	3.450	Quý II/2013 - Quý IV/2013	4.500 m2	Chế biến đá 1.580 m3/năm	3,450
9	Đường Giao thông phục vụ Dự án trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng/Công ty TNHH Xây dựng TH Hiếu Ngọc	Vĩnh Thạnh	35121 000298 NC: 8/4/2013	3.595	Quý I/2013 - Quý IV/2014	42.500 m2	Xây dựng đường giao thông	3,595
10	Điểm dịch vụ Du lịch Seaview Nguyễn Hoàng/Công ty TNHH Nguyễn Hoàng (Đã chuyển nhượng cho Công ty CP Trường Thành)	Quy Nhơn	35 121 000299 NC: 05/4/2013	25.245	Quý III/2013 - Quý IV/2014	18.269,6m2	Du lịch	25,245

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
11	Dự án Khai thác đá làm VLXD thông thường/Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD FICO	Tuy Phước	35 121 000301 NC: 4/4/2013	22.622	Quý III/2013 - Quý IV/2014	10,13ha	Khai thác đá 115.000m3/năm	22,622
12	Nhà máy gạch không nung-bê tông nhẹ, gạch Polyme khoáng tổng hợp/Công ty CP Gạch Tuynten Bình Định	Tuy Phước	35121 000302 NC: 08/4/2013	42.000	Quý III/2013 - Quý IV/2016	15.829,5m2	Vật liệu xây dựng	42,000
13	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu/NTN Xăng dầu Công Danh	Phù Cát	35121 000300 NC: 29/3/2013	1.350	Quý III/2013 - Quý I/2014	464,8m2	Xây dựng cây xăng dầu có quy mô 192 lít/năm	1,350
14	Xây dựng nhà nghỉ cho Công nhân và kho nguyên liệu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu phục vụ CCN Tà Súc/Công ty CP Xây lắp điện Tuy Phước	Vĩnh Thạnh	35121000304 NC: 06/5/2013	16.702	Quý III/2013 - Quý I/2014	15.965,2 m2	Xây dựng nhà nghỉ cho Công nhân và kho nguyên liệu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Đã hoàn thành hạn mục xăng dầu, chưa triển khai xây dựng các mục tiêu còn lại
15	Điểm Dịch vụ Du lịch Blue Sea/DNTN Thanh Linh	Quy Nhơn	35121 000305 NC: 07/5/2013	86.000	Quý III/2013-Quý II/2015	31.277m2	Du lịch	86,000
16	Khai thác và CB Đá làm VLXD thông thường/Cty TNHH Đầu tư và Xây dựng Trường Thịnh	Hoài Nhơn	35121 000306 NC: 06/5/2013	15.953	Quý IV/2013	14,5ha	136.180m3/năm	15,953
17	Nhà máy sản xuất và tinh luyện hợp kim sắt Titan/Công ty TNHH Đầu tư và XNK Trung Việt	Quy Nhơn	35121000307 NC: 22/5/2013	15.207	Quý III/2013-Quý II/2015	15.026 m2	2.000 tấn/năm	15,207
18	Khu sản xuất Quần Jean/Cty CP Đầu tư An Phát	Hoài Nhơn	35121 000308 NC: 22/5/2013	67.093	Quý III/2013-Quý IV/2014	20.450 m2	4.567.680 sản phẩm /năm	67,093
19	Đầu tư xây dựng Nhà máy May An Phát - Toray/Cty Cp Đầu tư An Phát	CCN Tam Quan, Hoài Nhơn	35121 000309 NC: 22/5/2013	60.000	Quý III/2013-Quý IV/2014	19.361 m2	48.600 sản phẩm/tháng	60,000
20	Nhà máy sản xuất Thực phẩm và đồ uống/Công ty TNHH HABICO	CCN Phước An, Tuy Phước	35121 000310 NC: 6/6/2013	22.562	Quý III/2013-Quý III/2014	5.000 m2	sản xuất Thực phẩm và đồ uống	Chưa triển khai
21	Nhà máy chế biến gỗ, dăm gỗ Bông Sơn/Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	CCN Bông Sơn, Hoài Nhơn	35121000311 NC: 24/6/2013	19.235	Quý III/2013-Quý II/2014	100.000 m2	45.000 BDMT/năm	19,235
22	Khu dân cư Hưng Thịnh/Cty Cp Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	Quy nhơn	35121 000312 NC: 24/6/2013	104.814	Quý III/2013-Quý IV/2015	89.088 m2	Khu dân cư	Chưa triển khai do vướng GPMB

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
23	Nhà máy sản xuất gạch tuynen/Cty CP Gạch Tuynen Quang Trung	CCN Rẫy Ông Thờ, Tây An, Tây Sơn	35121000313 NC: 28/6/2013	1.500	Quý III/2013-Quý IV/2014	22.000 m2	Sản xuất gạch 9.000.000 viên/năm	1,500
24	Nhà máy chế biến đá Granite/Cty CP Chế biến Đá Việt	CCN Gò Sơn, An Nhơn	35121 000315 NC: 4/7/2013	290.000	Quý III/2013-Quý III/2014	41.018,29 m2	480.00 m2/năm	290,000
25	Cơ sở gia công tái chế phế liệu kim loại và phi kim loại/Công ty TNHH TMP	CCN Bình Dương, Phù Mỹ	35121 000316 NC: 08/7/2013	9.000	Quý III/2013-Quý III/2014	2.713,3 m2	12.000 tấn/năm	9,000
26	Dự án Khai thác và chế biến đá làm VLXD thông thường/Công ty TNHH Khoáng sản Thủy Tiên	CCN Bình Dương, phù Mỹ	35121000318 NC: 09/7/2013	29.621	Quý III/2013-Quý III/2014	44,3 ha	488.000 m3/năm	Chưa triển khai
27	Dự án Nhà máy Wash Tam Quan - Bình Định/Công ty Cổ phần Công nghệ W A S H H N C	CCN Tam Quan, Hoài Nhơn	35121 000317 NC: 18/7/2013	54.000	Quý III/2013-Quý III/2014	28.610 m2	4,5 triệu sản phẩm/năm	54,000
28	Khu dân cư và Dịch vụ phía Bắc hồ sinh thái Đồng Đa/Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Kim Cúc	Quy Nhơn	35121 000320 NC: 22/7/2013	252.191	Quý III/2013-Quý III/2014	37.210,3 m2	79 căn nhà ở liên kế, nhà biệt thự, nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ với tổng diện tích xây dựng 14.045,4 m2	252,191
29	Chung cư nhà thu nhập thấp - cao ốc Long Thịnh/Công ty Cp Đầu tư và Kinh doanh VLXD FICO	Quy Nhơn	35121 000319 NC: 24/7/2013	192.652	Quý III/2013-Quý II/2016	32.216,26 m2	Xây dựng nhà chung cư	192,652
30	XD Mô hình sản xuất muối nguyên liệu sạch theo phương pháp trải bạt nhựa trên nền đất/Công ty Cp Muối và Thực phẩm Bình Định	Phù Mỹ	35121 000321 NC: 31/7/2013	4.524	Quý III/2013-Quý III/2014	46.481 m2	SX muối theo công nghệ trải bạt nhựa cho diêm dân trong khu vực. Quy mô 950 tấn/năm	4,524
31	Dự án khai thác đá làm VLXD thông thường/Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Kim Thành	Hoài Nhơn	35121000 322 NC: 06/8/2013	23.966	Quý III/2013-Quý I/2014	18,6 ha	10.000 m3/năm	23,966
32	Trường mầm non Cầu Vòng/DNTN Khách sạn Lạc Hồng	Quy Nhơn	35121 000323 NC: 30/8/2013	15.026	Quý III/2013-Quý IV/2014	2.107 m2	Xây dựng trường mầm non	15,026
33	Nhà máy chế biến đá Granite/Cty TNHH Sản xuất Thương mại Hoàng Việt	Quy Nhơn	35212 000324 NC: 25/9/2013	8.500	Quý III/2013-Quý IV/2014	5.037,8 m2	70.000 m3/năm	8,500
34	Dự án Khai thác và CB đá làm VLXD thông thường/Công ty TNHH H.N	Tây Sơn	35121 000325 NC: 02/10/2013	15.101	Quý IV/2013	1,7ha	40.000 m3/năm	15,101
35	Trường mầm non Chất lượng cao Sơn Ca 2/Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Sơn Ca	Quy Nhơn	35121 000326 NC: 11/10/2013	4.000	Quý III/2013-Quý IV/2014	1.281,7 m2	7 lớp học (200 trẻ)	4,000

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
36	Nhà máy Máy vinatex Bồng Sơn/Công ty TNHH Máy Vinatex Bồng Sơn	Hoài Nhơn	35 121 000328 NC:29/10/2013	205.185	Quý IV/2013-Quý II/2018	67.643,83	GD1: 17 chuyển may, CS 600.000 sp/năm GD2: 34 chuyển may, CS 1.380.000sp/năm	102,593
37	Đầu tư nâng công suất dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột sắn từ 60 tấn/ngày lên 120 tấn/ngày/Cty Cp Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	Phù Mỹ	35121 000329 NC: 4/11/2013	27.500	Quý III/2013-Quý I/2014	241.026 m2	năng công suất từ 60 tấn/ngày lên 120 tấn/ngày	27,500
38	Trang trại nuôi yến sào/Cty TNHH SX và TM Yến Sào Tôn Thủy	Tuy Phước	35121000332 NC:19/11/2013	4.000	Quý III/2013-Quý I/2014	1.227,8 m2	50kg/năm	4,000
39	Dự án Khai thác đá làm VLXD thông thường/Công ty TNHH 28/7 Bình Định	An Nhơn	35121 000333 NC: 25/11/2013	15.052	Quý IV/2014	9,5 ha	105.000 m3/năm	15,052
40	Nhà máy xử lý rác và Chế biến rác thải Duy Anh/Công ty TNHH Chế biến Rác thải Duy Anh	xã Hoài Thanh, H. Hoài Nhơn	35121 000334 NC: 25/11/2013	4.631	Quý III/2013-Quý IV/2014	10.140 m2	1.460 tấn/năm	4,631
41	Phát triển Nhà ở khu dân cư Vĩnh Liêm/Công ty Cổ phần Đại Tín	An Nhơn	35121 000335 NC: 12/12/2013	356.204	Quý III/2013-Quý IV/2018	55.210m2	Nhà ở khu dân cư	Chưa triển khai do vướng GPMB
42	Dự án Khai thác và CB Đá làm VLXD thông thường/Công ty CP Quản lý và xây dựng đường bộ Bình Định	An Nhơn	35121 000336 NC: 27/12/2013	4.242	Quý IV/2013-Quý I/2014	3ha	25.000 m3/năm	4,242
Năm 2014				1.402.333				1.090,830
1	Dự án Khai thác và Cb đá làm VLXD thông thường/Công ty TNHH A & B	Phù Mỹ	35 121 000358 NC: 08/01/2014	15.103	Quý II/2014	29,9 ha	SX và CB đá xây dựng các loại gồm. Công suất khai thác: 395.000 m3/năm	15,103
2	Nhà máy Sản xuất gạch không nung/Công ty TNHH Ánh Sinh	An Nhơn	35141 000339 NC: 16/1/2014	8.924	Quý II/2014 - Quý IV/2014	10.032,9m2	SX gạch không nung 6 lỗ và các SP gạch không nung khác. Công suất: 7.776.000 viên/năm	Chưa triển khai
3	Khai thác mỏ đá VLXD thông thường/Công ty TNHH Hoàn Cầu - Granite	Phù Cát	35121000340 NC: 22/01/2014	15.000	Quý II/2014		Khai thác mỏ đá VLXD thông thường và đá khối. CS: 35.000 m3/năm	15,000
4	Khai thác đá làm VLXD thông thường/Công ty Cổ phần VRG Đá Bình Định	Phù Mỹ	35121 000342 NC: 22/01/2014	16.894	Quý II/2014	3,48 ha	Khia thác đá nguyên khai: 28.000 m3/năm	16,894

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
5	Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh than sinh học Gia Hưng/Cty TNHH Sản xuất Gia Hưng	Vân Canh	35121 000343 NC: 23/01/2014	7.500	Quý II/2014-Quý IV/2014	10.000 m2	SX than sinh học XK, CS 1.000 tấn/năm	7,500
6	Trung tâm Truyền hình Cấp Quy Nhơn/Cty TNHH Truyền hình Cấp Quy Nhơn	Quy Nhơn	35104000344 NC: 27/1/2014	19.200	Quý II/2014-Quý IV/2014		HDHT Kinh doanh cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tại TP Quy Nhơn và các vùng lân cận	19,200
7	Dự án Khai thác và CB Đá làm VLXD thông thường/Cty TNHH Khoáng sản Hữu	Phù Mỹ	35121 000346 NC: 12/2/2014	16.151	Quý II/2014-Quý III/2014	23,5 ha	56.000 m3/năm	Chưa triển khai
8	Dự án Nhà máy sản xuất than BINCHOTAN (Than chuồng)/Cty Cp Tân Phú Sơn	CCN Bình Dương, Phù Mỹ	35121 000345 NC: 07/3/2014	79.000	Quý II/2014-Quý III/2014	29.574,5 m2	3.550 tấn than/năm	79,000
9	Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Xuất khẩu A N A T A/ Nhà máy Sản xuất Than BINCHOTAN	CCN Tà Súc, Vĩnh Thạnh	35121 000347 NC: 24/3/2014	19.602	Quý II/2014-Quý I/2015	20.000m2	3.000 tấn/năm	19,602
10	Dự án khai thác và CB đá làm VLXD thông thường/Công ty Cổ phần Đại Tín	KV núi Sơn Triều, P. Nhơn Hòa, An Nhơn	35121 000348 NC: 24/3/2014	16.305	Quý II/2014	15,5 ha	150.000 m3/năm	16,305
11	Nhà máy có khí Chế tạo thiết bị Công nông nghiệp và Xây lắp/DNTN Hoàng	Lô A2, CCN Đại Thạnh, Mỹ Hiệp, Phù Mỹ	35121 000349 NC: 03/4/2014	42.000	Quý II/2014-Quý I/2015	16.687,5 m2	5.000 tấn/năm	Đang xây dựng
12	Nhà máy sản xuất nước khoáng / Công ty CP Văn Lang	Thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, Phù Cát	35121 000350 NC: 28/4/2014	19.950	Quý II/2014-Quý I/2015	1ha	10 triệu lít/năm	Chưa xây dựng
13	Xưởng SX chế biến hàng nông lâm nghiệp/Công ty TNHH Hoa Đôn	Thôn Hiệp Vinh, Canh Vinh, Vân Canh	35121 000351 NC: 15/5/2014	4.830	Quý II/2014-Quý I/2015	12.098m2	Chế biến nông sản	4,830
14	Dự án Khai thác Đá VLXD thông thường / DNTN Thương mại và Xây dựng Bảo Thắng	Núi Chùa, Mỹ Hòa, Phù Mỹ	35121 000352 NC: 22/5/2014	5.412	Quý II/2014	3,0432 ha	13.484m3/năm	5,412
15	Khai thác Đá làm VLXD thông thường/Cty CP XS Đá Granite Phú Minh Trọng	Núi Bãi Bằng, Mỹ An, Phù Mỹ	35 121 000353 NC: 27/5/2014	19.607	Quý II/2014	9,6 ha	45.000m3/năm	19,607
16	Dự án Khai thác Đá làm VLXD thông thường/Cty Cp VLXD Mỹ Quang	Núi Sơn triều, Phước Lộc, Tuy Phước	35121 000354 NC: 12/6/2014	19.262	Quý III/2014	9,5 ha	52.000 m3/năm	19,262
17	Dự án Nạo vét thông luồng kết hợp tận thu cát nhiễm nham tại cửa Đê Gi/Cty CP Khoáng sản Kiến Hoàng	Đê Gi, Phù Cát	35121 000355 NC: 13/6/2014	131.592	Quý II/2014	1.955,86ha	Khai thác cát	131,592
18	Dự án Khai thác Đá làm VLXD thông thường/Cty TNHH Hoàng Phúc	Núi Nha Sam, Canh Vinh, Vân Canh	35121 000356 NC: 18/6/2014	5.635	Quý III/2014	1,13 ha	14.266 m3/năm	5,635
19	Khách sạn - Trung tâm tiệc cưới Kim Triều / Công ty cổ phần Kim Triều	Quy Nhơn	35121 000357 NC: 30/6/2014	113.705	Tháng 6/2014- Tháng 12/2015	902,1m2	Khách sạn: 44 buồng tiêu chuẩn 3 sao. Nhà hàng tiệc cưới sức chứa: 1.250 khách	Chưa triển khai

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
20	Khai thác đá làm VLXD /Cty TNHH Xây dựng TH Nhơn Lộc	Núi Chùa, Phù Mỹ	35121 000360 NC: 30/6/2014	17.358	Quý III/2014	3,3 ha	30.000m3/năm	17,358
21	Dự án Khai thác Đá làm VLXD thông thường/Cty TNHH Khai thác Đá và Xây dựng Ánh Sinh	Núi Mu Rùa, An Nhơn	35121 000361 NC: 9/7/2014	1.222	Quý III/2014	1,5 ha	20.000m3/năm	1,222
22	Trang trại nuôi heo nái sinh sản/Cty Cổ phần Bình Định Xanh	An Nhơn	35121 000361 NC: 17/7/2014	108.664	Quý II/2014-Quý II/2018	189.457,1 m2	4.8000 heo nái sinh sản	54,332
23	Cty TNHH Thiết bị Phú Hưng/ Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp - công nghệ cao	Hoài Ân	35121 000363 NC: 17/7/2014	111.932	Quý II/2014-Quý IV/2016	12,53 ha	2.400 heo nái, 6.000 heo thịt	111,932
24	Bến xe Trung tâm huyện Vĩnh Thạnh/Cty TNHH Thương mại TH Minh Huệ	Vĩnh Thạnh	35121 000364 NC: 17/7/2014	6.889	Quý II/2014-Quý IV/2015	4.199,3 m2	Bến xe khách loại IV. có công suất chứa xe lưu trú và ra vào bến hàng ngày khoảng 100 chuyến/ngày	6,889
25	Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học rắn Vân Canh/Cty TNHH Năng lượng sinh học Vân Canh	Vân Canh	35121 000365 NC: 14/8/2014	67.499	Quý II/2014-Quý IV/2015	35.903,3m ²	Sản xuất viên nén gỗ (wood pellet). Công suất: 50.000 tấn/năm.	67,499
26	Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất Đồ gỗ Nội thất/DNTN Gia Hân	Phù Cát	35121 000366 NC: 12/8/2014	36.278	Quý III/2014-Quý II/2015	23.000m2	Xây dựng dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất	36,278
27	Dự án Nhà máy sản xuất hàng may kết hợp đồ gỗ tinh chế xuất khẩu / Công ty TNHH Sản xuất tổng hợp Hoàng Gia	CCN Phước An ,Tuy Phước	Số: 35 121 000367. NC: 16/9/2014	56.880	Quý III/2014-Quý III/2015	40.516,2m ²	Sản xuất nệm mút, hàng may; đồ gỗ trong nhà và ngoài trời	28,440
28	Nhà máy chế biến lâm sản/ Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Vĩnh Thạnh	lô C, CCN Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	Số: 35 121 000369. NC: 07/10/2014	8.432	Quý II/2014-Quý IV/2015	39.097,11m2	Sản xuất chế biến lâm sản, các sản phẩm gồm: gỗ xây dựng, cửa pano, ramri, la phong, bàn ghế, giường, tủ, tấm tre, dừa	8,432
29	Xây dựng cơ sở ấp trứng gia cầm / Công ty TNHH Cao Khanh	thôn Hòa Đông, xã Cát Tân, huyện Phù Cát	Số: 35 121 000370 NC: 07/10/2014	16.467	Quý II/2014-Quý II/2016	17.090m2	Ấp nở gà con giống Công suất: 4 triệu con gà giống 01 ngày tuổi /năm	16,467
30	Nhà máy sản xuất viên nén gỗ (wood pellet) của Công ty Cổ phần Nguyệt Anh	CCN Thiết Định, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn	Số: 35 121 000372 NC: 17/12/2014	113.548	Quý III/2014-Quý II/2015	12.900 m2	Sản xuất viên nén mùn cưa quy mô: 70.000 tấn/năm	113,548
31	Nhà máy sản xuất than Bìnhotan (than chuông) và viên nén gỗ (wood pellet) của Công ty cổ phần Thành Ngân	Cụm Công Nghiệp Cầu 16, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	Số: 35 121 000373 NC: 17/12/2014	118.954	Quý III/2014-Quý II/2015	24.495,6 m2	Sản xuất than bìnhotan (than chuông), quy mô: xây dựng 200 lò đốt than. Sản xuất viên nén mùn cưa, quy mô: 70.000 tấn/năm	118,954
32	Cửa hàng bán xăng dầu của Công ty CP Thủy sản Hoài Nhơn	thôn Thạch Bàn Tây, xã Cát Sơn, huyện Phù Cát	Số: 35 121 000375 NC: 16/12/2014	1.200	Quý III/2014-Quý I/2015	859,5 m2	doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu cấp III với công suất 435.600 lít/năm	1,200

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
33	Cơ sở sản xuất chăn nuôi giống gia cầm của Công ty TNHH giống gia cầm Minh Du	Thôn Huỳnh Mai, Xã Phước Nghĩa, Huyện Tuy Phước	Số: 35 121 000377 NC: 17/12/2014	8.347	Quý III/2014-Quý IV/2015	14.520,2 m2	sản xuất 2.000.000 con gà giống thương phẩm 1 ngày tuổi/2 năm	8,347
34	Nhà máy sản xuất chế biến lâm sản của Công ty TNHH Khương Đài	Cụm Công nghiệp Diêm Tiêu, huyện Phù Mỹ	Số: 35 121 000378 NC: 08/12/2014	42.140	Quý II/2014-Quý IV/2015	37.162m2	Sản xuất các sản phẩm gồm: bàn ghế, ramri, giường, tủ, ván sàn, sản phẩm gỗ mỹ nghệ; viên nén gỗ. Sản xuất đồ gỗ nội thất: 144 container/năm. Viên nén gỗ: 36.000 tấn/năm	42,140
35	Dự án Trại heo giống cao cấp Nhơn Tân của Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	Số: 35 121 000379 NC: 17/12/2014	40.000	Quý II/2014-Quý IV/2015	98474,8m2	đầu tư xây dựng trại chăn nuôi heo ngoại nhập; cung cấp giống nái, heo giống và heo thịt, gồm các giống heo: Yorkshire, Duroc, Landrace, Pietrain	40,000
36	Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh khối của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh tổng hợp Thương Thảo	Cụm Công nghiệp Tường Sơn, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn	Số: 35 121 000380 NC: 17/12/2014	28.000	Quý II/2014-Quý III/2015	10.000m2	Sản xuất nhiên liệu sinh khối (viên nén) Quy mô: 6.000 tấn/năm	Chưa triển khai
37	Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp An Bình	núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	Số: 35 121 000376 NC: 25/12/2014	8.350	Quý IV/2014	15,43ha	sản xuất đá xây dựng, công suất khai thác 100.000m3/năm đá nguyên khai	8,350
38	Xây dựng và Kinh doanh chợ Đập Đá của Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Yến	phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	Số: 35 121 000381 NC: 25/12/2014	30.000	Quý I/2015-Quý IV/2016	5.920,56m2	xây dựng chợ loại 1 (công trình cấp III, có số tầng cao 02 tầng), quy mô số hộ kinh doanh trên 400 hộ	30,000
39	Khu thể thao Gò Lục của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hà Sang	Thôn Gia Chiểu 1, thị trấn Tăng Bạt Hổ, H. Hoài Ân	Số: 35 121 000382 NC: 25/12/2014	4.500	Quý I/2015-Quý IV/2016	12.115,3m2	khu thể thao, gồm các hạng mục: hồ bơi, sân bóng đá mini, sân cầu lông, sân bóng bàn, cầu lạc bộ thể hình, nhà thi đấu đa năng	4,500
Năm 2015				4.233.654				3.565,844
1	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Đá Phước An-Falcon - IPTc	Núi Sơn Triều, xã Phước An, huyện Tuy Phước	35 121 000384 NC: 09/02/2015	14.629	Quý II/2015 - Quý IV/ 2015	36 ha	Khai thác đá 200.000m3 đá nguyên khai/năm	14,629
2	Nhà máy sản xuất gạch ngói màu không nung của Doanh nghiệp tư nhân Sơn Vũ	CCN Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	35 121 000385 NC: 13/02/2015	3.120	Quý II/2014 - Quý II/ 2015	2.365m2.	Sản xuất gạch ngói 3 triệu viên/năm	3,120
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Kim	CCN Bình Dương, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	35 121 000386 NC: 02/3/2015	9.600	Quý II/2015 - Quý IV/ 2015	13.600m2	Sản xuất gạch 10 triệu viên/năm	9,600

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
4	Cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm cho Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	35 121 000387 NC: 12/3/2015	7.640	Quý IV/2014 - Quý IV/ 2015	114.520,2 m2	Chăn nuôi gà giống bố mẹ và sản xuất gà giống thương phẩm 1 ngày tuổi, quy mô: sản xuất 2.000.000 con gà giống thương phẩm 1 ngày tuổi/2 năm	7,640
5	Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây lắp Nhơn Hòa	Núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	35 121 000388 NC: 19/3/2015	16.545	Quý II/2015	5,63 ha	Sản xuất đá xây dựng các loại gồm: Đá 1x2; 2x4; 4x6; 0.5x1; đá hộc.	16,545
6	Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học viên nén gỗ xuất khẩu do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên Hoàng	CCN Bình Dương, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	35 121 000389 NC: 19/3/2015	23.901	Quý II/2015 - Quý IV/ 2015	25.549m2.	Sản xuất viên nén gỗ với công suất 11.520 tấn/năm	23,901
7	Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương	Tại khu vực sông Lại Giang, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	35 121 000390 NC: 20/4/2015	513	Quý II/2015	10,9 ha	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất 27.000m3/năm	0,513
8	Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương	Tại khu vực sông Lại Giang, xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn	35 121 000391 NC: 20/4/2015	496	Quý II/2015	3 ha	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất 11.000m3/năm	0,496
9	dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Sản xuất thương mại G M T	khu vực sông Kôn, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	35 121 000392 NC: 22/4/2015	499	Quý II/2015	4 ha	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất 15.000m3/năm	0,499
10	Nhà máy chế biến nông lâm sản cho Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng tổng hợp Đức Việt	Lô A3, cụm công nghiệp Đại Thanh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ	35 121 000393 NC: 24/4/2015	4.900	Quý II/2015 - Quý IV/ 2015	16.800 m2	Xây dựng nhà máy cửa xẻ gỗ. - Quy mô: 1.500 m3 gỗ xẻ/năm	4,900
11	Nhà máy chiết nạp khí công nghiệp cho Công ty TNHH Khí công nghiệp Thành Sơn	CCN Bình Dương, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ	35 121 000394 NC: 20/4/2015	2.024	Quý I/2015 - Quý II/ 2015	2002,2 m2	công suất 100 bình/ngày	2,024
12	Nhà máy chế biến hạt điều cho Công ty TNHH Phúc Việt	CCN Du Tụ, thôn Du Tụ, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài	35 121 000395 NC: 24/4/2015	8.900	Quý II/2014 - Quý IV/ 2015	7749 m3	Sản xuất hạt điều nhân, công suất 480 tấn/năm	8,900
13	Khai thác cát làm VLXD thông thường của Công ty TNHH Tân Thịnh	khu vực sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh	35 121 000396 NC: 22/4/2015	419	Quý II/2015	5ha	công suất 12.500m3/năm	0,419
14	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH TM và XD Kim Hải	khu vực sông Hà Thanh, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	35 121 000397 NC: 5/5/2015	1.267	Quý II/2015	6.29ha	Công suất khai thác: + Đối với diện tích 1,84ha: 10.018 m3/năm. Đối với diện tích 4,45ha: 10.156 m3/năm.	1,267

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
15	Nhà máy chế biến lâm sản và kinh doanh tổng hợp cho Công ty TNHH SX - TM và XD Thiên Phát	cụm công nghiệp Hoài Tân, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn	35 121 000398 NC: 8/5/2015	200.000	Quý II/2015 - Quý IV/ 2017	102.500 m2	sản xuất ván ghép thanh, ván phủ veneer, viên nén gỗ, xẻ gỗ CD. Xẻ CD: 18.000m3;Sấy: 50.000m3;Ván ghép thanh: 50.000m3;Ván phủ veneer: 15.000m3;Viên nén gỗ: 4.000 tấn.	100,000
16	Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu kho bãi tập trung tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	35 121 000399 NC: 30/6/2015	965.370	Quý II/2015 - Quý IV/ 2017	594.491m2	Xây dựng và kinh doanh khu kho bãi tập trung. Diện tích: 594.491m2	965,370
17	Nhà máy sản xuất, chế biến đồ gỗ gia dụng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tâm Phú	xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	35 121 000401 NC: 10/6/2015	60.000	Quý IV/2014 - Quý III/ 2015	40.064m2	công suất 3.300 m3 gỗ tinh/năm	60,000
18	Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vân Canh của Công ty TNHH MTV Nguyên Liêm	Làng Hòn Mê, xã Canh Thuận, huyện Vân Canh	35 121 000402 NC: 3/6/2015	150.000	Quý II/2015 - Quý IV/2017	184.979,4 m2	Sản xuất tinh bột sắn và các sản phẩm từ tinh bột sắn. Công suất: 250 tấn tinh bột/ngày	150,000
19	Xây dựng nhà máy chưng cất và sản xuất rượu Bầu Đá chất lượng cao của Công ty TNHH Thương mại khoáng sản Tấn Phát	Thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	35 121 000403 NC: 15/6/2015	40.000	Quý II/2015 - Quý IV/ 2017	12.273,8 m2	Xây dựng nhà máy chưng cất và sản xuất rượu với công suất: 2.700.000 lít/năm, sản xuất nước tinh khiết đóng chai với công suất: 2.700.000 lít/năm,	20,000
20	Đầu tư xây dựng nhà máy gạch không nung / Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ xây dựng Việt Đạt Khoa	CCN Canh Vinh, huyện Vân Canh	35 121 000404 NC: 15/6/2015	21.000	Quý III/2015 - Quý I/ 2016	10.000m2	Sản xuất gạch không nung, công suất: 18.000.000 viên/năm.	Chưa triển khai do vướng GPMB
21	Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Công ty TNHH Chế biến gỗ Thành Danh	CCC Bình Dương, huyện Phù Mỹ	35 121 000405 NC: 30/6/2015	10.360	Quý II/2014 - Quý I/ 2015	22.916m2	Sản xuất bàn ghế ngoài trời. Công suất: 6.400m3 gỗ tròn/năm	10,360
22	Khai thác cát làm VLXD thông thường của Công ty TNHH Tổng hợp Sinh Thành	Tại khu vực sông Lại Giang, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài	35 121 000408 NC: 30/6/2015	413	Quý III/2015	1,5ha	công suất 10.000m3/năm	0,413
23	Khai thác cát làm VLXD thông thường của Công ty TNHH Nam Phương	khu vực sông Hà Thanh, xã Phước Thành, Tuy Phước	35 121 000409 NC: 30/6/2015	398	Quý III/2015	1ha	công suất 5.000m3/năm	0,398
24	Khai thác cát làm VLXD thông thường của Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Quang Lê	Khu vực sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	35 121 000410 NC: 30/6/2015	871	Quý III/2015	Diện tích đất sử dụng: 7,95ha	Tổng công suất 20.000m3/năm, trong đó: + Khu vực I: 10.000m3/năm;+ Khu vực II và III: 10.000m3/năm	0,871

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
25	Nhà máy tinh bột sắn của Công ty TNHH Tinh bột sắn Nhiệt Đồng Tâm Vĩnh Thanh	Khu chăn nuôi tập trung, Thôn Định Thái, Xã Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh	35 121 000413 NC: 30/6/2015	139.453	Quý III/2015 - Quý III/ 2016	18.5 ha	Sản xuất tinh bột sắn. Công suất: 45.000 tấn/năm	139,453
26	Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định thực hiện dự án Nhà máy chế biến muối tinh sấy chất lượng cao	thôn Trung Xuân, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ	7314307070 NC: 21/8/2015	13.800	Quý II/2014 - Quý I/ 2015	8.000m2	công suất từ 8.000 - 10.000 tấn/năm	13,800
27	Doanh nghiệp tư nhân Quang Dũng thực hiện dự án Nâng cao công suất Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa	Đường 632, thôn Dương Liễu Tây, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ	1517625150 NC: 27/8/2015	7.000	Quý II/2015 - Quý IV/ 2015	1.750m2	30 container/năm	7,000
28	Xây dựng nhà máy in Na Nu của Công ty TNHH In Na Nu	CCN Cát Trinh, huyện Phù Cát	0872802158 NC: 08/10/2015	16.630	Quý I/2012 - Quý III/ 2012	3.784 m2	20.000.000 cái/năm	16,630
29	Bãi đỗ xe Bus Tam Quan / Xí nghiệp Vận tải hành khách công cộng Quy Nhơn	Thôn Tân Thành 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn	355776572 NC: 12/10/2015	12.659	Quý IV/2015 - Quý IV/ 2016	4.478 m2	Sức chứa 30 xe	6,329
30	Xây dựng nhà máy chế biến đá Granite xuất khẩu và tiêu thụ nội địa / Công ty TNHH Nam Á	Thôn Thọ Tân Bắc, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	5627877321 NC: 26/10/2015	10.000	Quý I/2008 - Quý IV/ 2018	14.048,8 m ²	120.000 m ² /năm	10,000
31	Nhà máy sản xuất ống cống bê tông ly tâm / Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Kim Thành	Cụm công nghiệp Hoài Thanh Tây, xã Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn	7433653658 NC: 26/10/2015	13.379	Quý II/2010 - Quý IV/ 2012	16.547 m ²	35.000m ống/năm	13,379
32	Nhà máy gạch bê tông siêu nhẹ / Công ty Cổ phần Xây dựng 47	Thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	6478228814 NC: 27/10/2015	126.142	Quý II/2015 - Quý III/2017	36.040 m ²	100.000 m ³ gạch/năm	126,142
33	Nhà máy thủy điện Nước Xáng / Công ty cổ phần thủy điện An Quang	Xã An Quang và xã An Nghĩa, huyện An Lão	456801028 NC: /10/2015	298.777	Quý I/2016 - Quý IV/ 2018	199.812 m ²	12,50 MW	298,777
34	Mở rộng xưởng chế biến lâm sản xuất khẩu / Công ty TNHH T.V	CCN Phước An, xã Phước An, huyện Tuy Phước	5647665436 NC: 29/10/2015	20.937	Quý III/2015 - Quý IV/ 2015	4.560 m ²	245 container 40 feet sản phẩm/năm	20,937
35	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định – Phần mở rộng/Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Bình Định	Số 39A Phạm Ngọc Thạch, Quy Nhơn	4560232255 NC: 22/10/2015	1.300.000	Quý II/2015 - Quý II/ 2018	13.272,7m2	Xây dựng một khu khám chữa bệnh đa khoa mới, chất lượng cao.	1.300,000
36	Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn (Simona Home) / Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn	Tổ 4, khu vực 11, Hoàng Văn Thụ, P Ngô Mây, Quy Nhơn,	3014827544 NC: 05/11/2015	103.937	Quý IV/2015 - Quý I/ 2017	9.473 m ²	236 căn hộ chung cư & 25 căn hộ liên kế	103,937
37	Xây dựng và kinh doanh Chợ Mỹ An / Công ty TNHH Phúc An	Xóm 2, thôn Mỹ An, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn	6416003513 NC: 29/10/2015	7.600	Quý IV/2014 - Quý III/ 2015	5.718 m ²	Nhà bách hóa 100 lô, lầu chợ thực phẩm 28 lô, ki-ốt 20 lô	7,600
38	Công ty TNHH VT-TM Hiếu Cúc / Nhà máy SX tương ớt	Cụm công nghiệp Đại Thạnh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ	8135614371 NC: 16/11/2016	6.780	Quý I/2016 - Quý IV/ 2016	48.000 m2	450 tấn tương ớt/năm	Chưa triển khai

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m ² , ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
39	Nhà máy sản xuất chế biến gỗ nội thất indoor / Công ty TNHH gỗ Thành Phúc	Lô A9 Cụm công nghiệp Phước An, xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình	3541214538 NC: 26/11/2015	37.595	Quý II/2015 - Quý II/ 2016	31.943 m ²	23 container sản phẩm/tháng	37,595
40	Nhà máy sản xuất bao bì carton / Công ty TNHH Sản xuất bao bì Hòa Phát	Cụm công nghiệp Cát Nhon, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	6785463873 NC: 15/12/2015	12.400	Quý III/2015 - Quý II/ 2016	10.000 m ²	4.500 tấn sản phẩm/năm	12,400
41	Khách sạn Xuân Diệu / Công ty TNHH Xây dựng & Đầu tư Kiến Hoàng	99 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy	7662720302 NC: 21/12/2015	498.700	Quý I/2016 - Quý IV/ 2017	3.434 m ²	Đăng ký tiêu chuẩn 5 sao, gồm 198 phòng	Chưa triển khai
42	Trang trại chăn nuôi gà giống an toàn sinh học / Công ty TNHH Giống gia cầm Cao Khanh	Thôn Hữu Hạnh, xã Cát Tân, huyện Phù Cát	8020163744 NC: 21/12/2015	50.000	Quý IV/2015 - Quý III/ 2016	56.286,5 m ²	10.000.000 quả trứng gà giống/năm	50,000
43	Nhà máy chế biến - sản xuất kinh doanh nước mắm và bột cá / Công ty TNHH Nông lâm sản Minh Tuấn	Cụm công nghiệp Diêm Tiêu, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	7730227301 NC: 30/12/2015	15.000	Quý I/2016 - Quý IV/ 2016	20.070 m ²	Nước mắm: 95.000 lít/năm. Bột cá: 490 tấn/năm	Chưa triển khai
2016				2.996.056				1.820,413
1	Công ty TNHH Biforco / Nhà máy chế biến lâm sản	Cụm công nghiệp Phước An, xã Phước An, huyện Tuy	6704627613 NC: 18/01/2016	11.102	Tháng 06/2015 - Tháng 01/2016	9.100,3 m ²	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép	11,102
2	Công ty TNHH Sài Gòn Max / Nhà máy sản xuất nệm moose ngoài trời	Thôn Mỹ Điện, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	5865518777 NC: 02/02/2016	25.240	Tháng 03/2015 - Tháng 12/2015	16.154,3 m ²	Nệm ghế và bàn ghế	25,240
3	Đầu tư khu nuôi tôm/Công ty TNHH Ngọc Châu	Thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	4251157721 NC: 03/02/2016	15.770	Tháng 10/2011 - Tháng 04/2013	82.235 m ²	Xây dựng khu nuôi tôm thịt cung cấp cho các nhà máy chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh	15,770
4	Tổ hợp khách sạn 5 sao tiêu chuẩn quốc tế, trung tâm thương mại, dịch vụ văn phòng và nhà ở FLC Complex / Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	Lô đất DV1 và DV4 thuộc Khu Đô thị - TM - DV phía Tây đường An Dương Vương, Quy Nhơn	8156516044 NC: 09/3/2016	1.800.000	Quý II/2016 - Quý III/2018	17.345m ²	Xây dựng khách sạn 5 sao đạt chuẩn quốc tế cao 25 tầng trên diện tích đất 10.027m ² tại vị trí lô DV1; Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp, khách sạn condotel cao 15 tầng trên diện tích đất 7.318m ² tại vị trí lô DV4	1.260,000
5	Trại heo giống công nghệ cao / Công ty TNHH Giống - Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Thôn Đại Khoan, xã Cát Lâm, huyện Phù Cát	0638764452 NC: 09/3/2017	300.000	Tháng 6/2016 - Tháng 7/2017	90,47ha	Nuôi 10.000 con heo nái sinh sản (02 trại, mỗi trại 5.000 con). Sản phẩm đầu ra: 285.000 con heo giống/năm.	Chưa triển khai
6	Mở rộng quy mô trang trại chăn nuôi heo giống theo phương pháp công nghệ hiện đại kép kín / Công ty TNHH TM VÀ DV Thành Phú	Thôn Kinh tế, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	1878324726 NC: 14/3/2016	14.874	Quý I/2016 - Quý IV/2016	51.654 m ²	Xây dựng trang trại heo giống theo công nghệ hiện đại. - Heo nái đẻ: 600 con. - Heo nọc: 12 con. - Sản phẩm: 700 con heo giống/tháng.	14,874

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m2, ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
7	Dự án Xây dựng trạm trộn bê tông thương phẩm / Công ty TNHH MTV Khoáng sản BMT Fico	Núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	2173853821 NC: 14/3/2016	16.527	Tháng 10/2014 - Tháng 08/2015	2.837 m2	Sản xuất bê tông thương phẩm. Công suất 60 m3/giờ	16,527
8	Khu vui chơi giải trí, luyện tập thể dục thể thao / DNTN Đình Toàn	Khu vực 5, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	4228300672 NC: 04/4/2016	16.043	Quý II/2016 - Quý IV/2016	5.792 m2	Sân bóng đá, bóng chuyền, bể bơi: 1.066,7 m2. Sân sinh hoạt ngoài trời: 2.297 m2.	6,400
9	Khu vui chơi Thể thao giải trí An Nhơn / Công ty TNHH Xây lắp Song Kiệt	Tổ 5, KV Kim Châu, phường Bình Định, An Nhơn	8258852010 NC: 12/04/2016	21.500	Tháng 04/2016 - Tháng 12/2016	6.376 m2	Khu vui chơi thể thao, giải trí	21,500
10	Nhà máy chế biến hàng lâm sản xuất khẩu / Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt	Quốc lộ 1A, khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, Quy	7647614221 NC: 12/04/2016	90.900	Tháng 02/2016 - Tháng 06/2016	38.760 m2	Công suất 10.000 m3 gỗ tinh/năm	90,900
11	Nhà máy chế biến đá ốp lát Bình Định / Công ty Cổ phần Phú Tài	Lô A3, A4, A5, A6 CCN Cát Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện	421432406 NC: 25/04/2016	108.500	Quý I/2016 - Quý II/2016	39.427,5 m2	Công suất 800.000 m2 sản phẩm/năm.	108,500
12	Nhà máy chế biến gỗ Thăng Lợi / Công ty Cổ phần Phú Tài	Thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	3082486327 NC: 25/04/2016	98.000	Quý IV/2015 - Quý II/2016.	28.036 m2	Công suất 350 container sản phẩm/năm	98,000
13	Nhà máy chế biến thủy sản An Hải / Công ty TNHH Thủy sản An Hải	Khu vực 7, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	7045736745 NC: 09/05/2016	179.500	Tháng 06/2016 - Tháng 12/2017	28.863,6 m2	Công suất 25 tấn sản phẩm/ngày	Chưa triển khai
14	Khu nhà ở Vạn Phát / DNTN Dệt may Thương mại Vạn Phát	KV Bàu Lác, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	284657875 NC: 19/05/2016	146.500	Quý IV/2016 - Quý IV/2020	4,2 ha	2 block nhà 5 tầng gồm 200 căn hộ thu nhập thấp và 5 khu đất phân lô làm nhà ở thương mại	Chưa triển khai
15	Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ nhựa plastic và chế biến lâm sản xuất khẩu – tiêu thụ nội địa / Công ty TNHH Hoàng	Lô A4 - CCN Phước An, xã Phước An, huyện Tuy Phước	4263860537 NC: 30/05/2016	63.000	Quý I/2016 - Quý II/2017	13.807 m2	sản xuất các sản phẩm từ nhựa plastic và chế biến lâm sản	63,000
16	Cơ sở sản xuất và chăn nuôi giống gia cầm Minh Dư / Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước	7561667045 NC: 15/06/2016	14.400	Tháng 03/2015 - Tháng 01/2016	55.000 m2	2 triệu con gà giống/năm.	14,400
17	Mở rộng Nhà máy chế biến tinh bột sản xuất khẩu Bình Định / Công ty cổ phần tinh bột sản xuất khẩu Bình Định	Thôn Hữu Lộc, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ	1842457481 NC: 20/06/2016	22.400	Tháng 02/2014 - Tháng 08/2014	241.026 m2	Công suất tăng từ 60 tấn sản phẩm/ngày lên 120 tấn sản phẩm/ngày	22,400
18	Nhà máy may Hoài Ân / Công ty cổ phần may Hoài Ân	CCN Truong Sỏi, thị trấn Tăng Bat Hồ, huyện Hoài Ân	4427467486 NC: 21/06/2016	51.800	Quý II/2013 - Quý IV/2013	14.290 m2	1.920.000 sản phẩm/năm.	51,800
Năm 2017				5.967.000				1.217,045
1	Trang trại chăn nuôi hữu cơ / Công ty TNHH Bảo Châu Hoài Ân	Thôn Khoa Trường, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	1685570617 Ngày 05/01/2017	18.000	Tháng 01/2017 - Tháng 12/2017	33.093 m2	Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn thịt hữu cơ. Tổng đàn lợn có mặt thường xuyên là 1.000 con lợn nuôi thịt (từ 20-100kg), lợn nái 200 con	18,000

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m ² , ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
2	Nhà máy chế biến Gỗ Phù Cát / Công ty Cổ phần Phú Tài	Lô B1-B7 CCN Cát Nhon, xã Cát Nhon, huyện Phù Cát	4421721746 Ngày 23/01/2017	385.000	Quý I/2017 -Quý II/2018	91.375,5 m ²	Sản xuất gỗ ghép, gỗ tinh chế, hàng nội thất đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu 34.500 m ³ sản phẩm/năm	385,200
3	Nhà máy chế biến đá thủ công, mỹ nghệ và ốp lát / Công ty TNHH Đá An Thịnh	Thôn Ngọc Thạnh 2, xã Phước An, huyện Tuy Phước	3240111576 NC: 08/02/2017	7.000	Tháng 01/2017 - Tháng 08/2017	4.418,7 m ²	Xây dựng nhà máy chế biến các loại đá thủ công, mỹ nghệ và ốp lát 3.000 m ³ sản phẩm/năm	7,000
4	Nhà máy chế biến nông sản / Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tiến Phước	Khu vực Phú Sơn, phường Nhon Hòa, thị xã An Nhon	8312157131 NC: 27/03/2017	90.000	Quý II/2017: Khởi công xây dựng. Quý IV/2017: Hoàn thành và đi vào sản xuất	55.358,6 m ²	Xây dựng nhà máy chế biến các loại nông sản xuất khẩu và tiêu thụ trong nước	90,000
5	Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Nại (Thị Nại Eco Bay) / Công ty Cổ phần Thị Nại Eco Bay	Khu A – Khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh, phường Đồng Đa và phường Nhon Bình, Quy Nhơn	2382250524 NC: 11/04/2017	4.016.000	Quý III/2017: Khởi công xây dựng; Quý III/2020: Hoàn thành, đi vào hoạt động.	117.56 ha	Diện tích đất xây dựng biệt thự (đất ở): 242.367m ² ; diện tích đất công cộng, dịch vụ thương mại: 61.471 m ² . Diện tích đất công viên cây xanh, đất thể dục thể thao, rừng ngập mặn: 138.084m ² ; diện tích đất mặt nước: 488.204m ² ; diện tích đất giao thông – HTKT- bãi đậu xe: 245.474m ²	Đang giải phóng mặt bằng
6	Trại sản xuất rau, quả Lộc Giang theo công nghệ cao và Globalgap / Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Nông nghiệp và Tư vấn tài chính Asean+	Thôn Lộc Giang, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân	6480561680 NC: 12/04/2017	26.000	Quý II/2017: Khởi công xây dựng. Quý IV/2017: Hoàn thành và đi vào hoạt động	191.881 m ²	Xây dựng mô hình mẫu ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong sản xuất măng tây và các loại cây ăn quả; đáp ứng tiêu chuẩn và chứng nhận GlobalGAP	26,000
7	Khu dân cư Bàn Thành / Công ty TNHH Đầu tư Bàn Thành	Phường Đập Đá, thị xã An Nhon, tỉnh Bình Định	2113381370 NC: 20/04/2017	568.000	Quý I/2017: Khởi công xây dựng. Quý IV/2020: Hoàn thành và kinh doanh nhà ở	52.108 m ²	Xây dựng khu dân cư hiện đại với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tạo quỹ nhà ở ổn định cho nhu cầu của người dân	283,965
8	Nhà ở xã hội - chung cư Hoàng Văn Thụ / Công ty TNHH Trainco Bình Định	Khu vực 4, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	4462587747 NC: 03/07/2017	266.000	Quý II/2017: Khởi công xây dựng Quý IV/2018: Hoàn thành và đưa vào sử dụng	9.501 m ²	Xây dựng nhà ở xã hội 02 block 15 tầng	159,840

TT	Tên dự án/ Tổ chức được thuê đất	Vị trí khu đất	Giấy Chứng nhận đầu tư			Diện tích (m ² , ha)	Mục tiêu dự án	Vốn đã thực hiện
			Số QĐ/ ngày	Vốn đầu tư (tr.đ)	K/công - H/Thành			
9	Đầu tư mở rộng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu / Công ty TNHH Đồ gỗ Nghĩa Phát	Thôn Ngọc Thạnh, xã Phước An, huyện Tuy Phước	7253330322 NC: 10/07/2017	17.000	Quý III/2017: Đặt mua máy móc, dây chuyền thiết bị Quý I/2018: Hoàn thành lắp đặt và đi vào hoạt động	17.712,8 m ²	Công suất tăng thêm 1.000 m ³ gỗ tinh chế/năm	17,000
10	L'Avenir Quy Nhơn Hotel & Tower / Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Số 35 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn	2257565721 NC: 02/08/2017	345.000	Quý III/2016: Khởi công xây dựng. Quý IV/2018: Hoàn thành và đi vào kinh doanh	3.276 m ²	Khách sạn tiêu chuẩn 4 sao, gồm 20 tầng	Chưa triển khai
11	Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Nhơn Phong / Công ty TNHH Chế biến nước mắm Mười Thu	Thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	5553835576 15/08/2017	36.000	Quý IV/2017: Khởi công xây dựng. Quý IV/2018: Hoàn thành và đi vào hoạt động kinh	120.843 m ²	Tổng diện tích đất cho thuê là 90.480 m ²	36,400
12	Trung tâm sát hạch lái xe loại 2 / Công ty Cổ phần Đào tạo lái xe Tây Sơn	Thôn Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	4550365812 NC: 25/10/2017	10.000	Quý IV/2017: Khởi công xây dựng. Quý I/2018: Hoàn thành và đi vào	17.608 m ²	Xây dựng trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe ô tô, mô tô	10,200
13	Sơ chế cao su thứ phẩm và đế giày / Công ty TNHH Sản Xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu Đăng Danh Xôi	Lô B Cụm công nghiệp Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	3574544673 NC: 07/11/2017	23.000	Quý I/2018: Hoàn thành và đi vào hoạt động	29.630 m ²	Xây dựng nhà máy sản xuất cao su thứ phẩm và đế giày	23,440
14	Nhà máy chế biến hàng nông lâm sản xuất khẩu / Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại tổng hợp Trường Thịnh	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	7837263727 NC: 11/12/2017	160.000	Quý I/2016: Khởi công xây dựng Quý I/2018: Hoàn thành và đi vào hoạt động	65.970 m ²	Xây dựng xưởng sản xuất giường tủ, bàn ghế.	160,000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục IV

CÁC DỰ ÁN FDI ĐÃ TIẾN HÀNH THU HỒI TỪ NĂM 2013 - 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 101 /BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC	SỐ VB THU HỒI	GHI CHÚ
Năm 2013						
1	Xây dựng xưởng wash quần Jeans	Cụm CN Tam Quan	Công ty TNHH một thành viên Excel Kind (JKK)	Sản xuất công nghiệp	1548/QĐ-UBND ngày 13/6/2013	GCNĐT
Năm 2015						
1	Kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản	Tầng 1, số 496 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	Công ty TNHH Chế biến và Xuất khẩu nông sản Việt Trung	Dịch vụ	2143/QĐ-UBND ngày 23/6/2015	GCNĐT
2	Dự án kinh doanh xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản	Quy Nhơn	Công ty TNHH Kinh doanh Xuất nhập khẩu Đạt Huy	Dịch vụ	175/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2015	GCNĐT
Năm 2017						
1	Công ty Tư vấn Viet-Euro	Quy Nhơn	Công ty Tư vấn Viet-Euro	Tư vấn	QĐ 43/QĐ-SKHĐT ngày 16/3/2017	GPĐT
2	Nhà máy thép Việt - Hàn	Quy Nhơn	Cty Liên doanh Thép Việt - Hàn	Sản xuất công nghiệp	QĐ 152/QĐ-SKHĐT ngày 17/8/2017	GPĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục IVa

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THU HỒI CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ TỪ NĂM 2013 - 2017

(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC	SỐ VB THU HỒI	GHI CHÚ
Năm 2013						
1	Nhà máy sản xuất gạch và VLXD không nung	Huyện Phù Mỹ	Công ty CP Đầu tư Hoàng Lâm	SX công nghiệp	773/UBND-TH ngày 12/3/2013	CTĐT
2	Nhà máy chế biến lâm sản và sản phẩm phụ Cát Nhơn	Huyện Phù Cát	Công ty TNHH Cát Nhơn	SX công nghiệp	632/QĐ-UBND ngày 19/3/2013	GCNĐT
3	Điểm du lịch số 3 tuyến QN-SC	TP Quy Nhơn	Công ty TNHH DV DL Quy Gia Bảo	Du lịch	1382/UBND-TH ngày 22/4/2013	CTĐT
4	Nhà máy CB nông lâm sản, ván ép Okal xuất khẩu và tiêu thụ nội địa	Cụm CN Bình Dương, Phù Mỹ	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Bình Dương	SX Công nghiệp	208/QĐ-UBND ngày 24/01/2013	GCNĐT
5	Dự án thủy điện Nước Xáng	An Quang, An Nghĩa, An Lão	Công ty CP Thủy điện Nước Xáng	Thủy điện	1918/QĐ-UBND ngày 22/7/2013	GCNĐT
6	Dự án Xây dựng Nhà hàng Khách sạn Vạn Xuân	Huyện Phù Cát	Công ty TNHH Ánh Tuyết	Dịch vụ	3679/QĐ-UBND ngày 05/12/2013	GCNĐT
7	Dự án Chế biến lâm sản, sản xuất nhang và bột nhang	Cụm CN Gò Đá Trắng, thị trấn Đập Đá, thị xã An Nhơn	Công ty TNHH Liên Lục Địa	SX công nghiệp	3751/QĐ-UBND ngày 10/12/2013	GCNĐT
8	Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh khối xuất khẩu và tiêu thụ nội địa	Cụm Công nghiệp Cát Nhơn, huyện Phù Cát	Công ty TNHH Ka Nen	SX công nghiệp	4069/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	GCNĐT
Năm 2014						
1	Dự án Nhà máy gạch không nung	Thôn Hòa Đại, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Việt Đạt Khoa	SX công nghiệp	1467/UBND-TH ngày 17/4/2014	CTĐT
2	Dự án Trung tâm giết mổ động vật tập trung và bảo quản thực phẩm	Tổ 3, KV9, P Trần Quang Diệu, Quy Nhơn	Công ty TNHH An Toàn	Dịch vụ	1286/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	GCNĐT
3	Dự án Sản xuất cước chỉ và thảm sớ dừa xuất khẩu	Cụm Công nghiệp Bình Dương, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ	DNTN Xuân Hương	SX công nghiệp	1660/QĐ-UBND ngày 27/5/2014	GCNĐT

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC	SỐ VB THU HỒI	GHI CHÚ
4	Dự án Nhà máy chế biến nông lâm sản	Điểm công nghiệp Bình Nghi, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	Công ty TNHH Tây An	Nông lâm sản	1943/QĐ-UBND ngày 17/6/2014	GCNĐT
5	Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng và mua sắm bổ sung máy móc thiết bị cho Xí nghiệp CBL SXK Nhơn Hòa	Xã Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định	SX công nghiệp	1906/QĐ-UBND ngày 13/6/2014	GCNĐT
6	Dự án Khách sạn Hoàng Phát	Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	Công ty TNHH Hoàng Phát	Dịch vụ	2079/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	GCNĐT
7	Dự án Trường mầm non và phổ thông Ngô Thời Nhiệm	Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	Công ty CP TM Gia Cát Lợi	Giáo dục	3823/QĐ-UBND ngày 19/11/2014	GCNĐT
8	Dự án Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ Quy Nhơn	Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn phát triển Hà Nội GPB	Giáo dục	5252/UBND-TH ngày 24/11/2014	CTĐT
9	Dự án Nhà máy sản xuất Gốm mỹ nghệ xuất khẩu	Thôn Hòa Đồng, xã Cát Tân, huyện Phù Cát	Công ty TNHH Bình Khánh	SX Công nghiệp	3824/QĐ-UBND ngày 19/11/2014	GCNĐT
10	Dự án Khu đô thị mới Nam đường Hùng Vương	Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị	Dịch vụ	5303/UBND-KTN ngày 27/11/2014	CTĐT
11	Dự án Học viện võ thuật Tây Sơn	Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	Công ty TNHH Sơn Mỹ	Giáo dục	5401/UBND-TH ngày 04/12/2014	CTĐT
Năm 2015						
1	Dự án Khu đô thị mới	Khu vực 4, 5 phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương	Dịch vụ	1797/UBND-TH ngày 25/4/2015	CTĐT
2	Dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp	Khu vực 2, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Kim Triều	Dịch vụ	720/QĐ-UBND ngày 05/3/2015	GCNĐT
3	Xây dựng nhà ở biệt thự	Khu đất số 9, đường Ngô Thời Nhiệm, thành phố Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Kim Triều	Dịch vụ	543/UBND-TH ngày 05/2/2015	CTĐT
4	Chung cư thương mại cao tầng	Khu đất số 44, đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Kim Triều	Dịch vụ	543/UBND-TH ngày 05/2/2015	CTĐT
5	Khu đất Trung tâm giết mổ động vật Bạch Tuyết	Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Kim Triều	Dịch vụ	543/UBND-TH ngày 05/2/2015	CTĐT
6	Khu đất cửa hàng thương nghiệp cũ	Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	Công ty Cổ phần Kim Triều	Dịch vụ	543/UBND-TH ngày 05/2/2015	CTĐT

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC	SỐ VB THU HỒI	GHI CHÚ
7	Khu đất cửa hàng thương mại	Thị trấn Ngõ Mây, huyện Phù Cát	Công ty Cổ phần Kim Triều	Dịch vụ	543/UBND-TH ngày 05/2/2015	CTĐT
8	Mở rộng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa Khanh Thịnh	Huyện Vân Canh	Công ty TNHH Khang Thịnh	SX công nghiệp	1964/QĐ-UBND ngày 09/5/2015	GCNĐT
Năm 2016						
1	Điểm dịch vụ du lịch số 9	Tuyên Quy Nhơn - Sông Cầu, Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Kim Triều	Du lịch	753/UBND-TH ngày 10/3/2016	CTĐT
2	Tổ hợp Trung tâm thương mại và dịch vụ hỗn hợp	01 Ngõ Mây, thành phố Quy Nhơn	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu	Dịch vụ	929/UBND-TH ngày 21/3/2016	CTĐT
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe Suối nước nóng Hội Vân	Xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Du lịch	2010/UBND-TH ngày 24/5/2016	CTĐT
4	Đầu tư nuôi cấy ngọc trai tại Nhơn Châu	Đảo Cù Lao Xanh, xã Nhơn Châu, Quy Nhơn	Công ty TNHH GA LA	Nông nghiệp	88/SKHĐT-TTXXT ngày 25/5/2016	GCNĐT
5	Trang trại chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	Xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	Công ty CP ĐT Nông Lâm nghiệp Bình Định	Nông nghiệp	2670/QĐ-UBND ngày 29/7/2016	CTĐT
6	Nhà máy sản xuất tre ép khối thay thế gỗ tự nhiên	CCN Đại Thạnh, huyện Phù Mỹ	Công ty TNHH TM Hiệp Cường	SX công nghiệp	153/QĐ-SKHĐT ngày 26/9/2016	GCNĐT
Năm 2017						
1	Trung tâm Thương mại và dịch vụ khu đô thị mới Đập Đá	Đập Đá, An Nhơn	Công ty TNHH Tường Hưng	Dịch vụ	24/QĐ-SKHĐT ngày 24/01/2017	GCNĐT
2	Trạm dừng nghỉ Bồng Sơn	Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn	Công ty TNHH Tấn Phát Bình Định	Dịch vụ	2563/UBND-TH ngày 26/5/2017	CTĐT
3	Nhà máy sản xuất hạt nhựa xuất khẩu và tiêu thụ nội địa	Lô B CCN Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu Đặng Danh Xôi	Công nghiệp	297/QĐ-SKHĐT ngày 08/11/2017	GCNĐKĐT
4	Nhà máy chế biến tinh bột sản xuất khẩu Tây Sơn	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	Liên danh Công ty CP Xuất nhập khẩu Bình Định và Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	Công nghiệp	4290/QĐ-UBND ngày 15/11/2017	CTĐT
5	Nhà máy xử lý chất thải rắn	Xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Cửu Long	Công nghiệp	4479/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	CTĐT
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng Suối nước nóng Hội Vân	Xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	Công ty CP Hoa Sen Hội Vân	Du lịch	4569/QĐ-UBND ngày 11/12/2017	CTĐT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục V

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐÃ NỘP KÝ QUỸ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số: 101 /BC-UBND ngày 06 /7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

DVT: đồng

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa bàn	Tổng vốn đầu tư	Số tiền ký quỹ
1	Nhà máy sản xuất gạch không nung Việt Tân Lợi	Công ty TNHH Việt Tân Lợi	Tây Sơn	13.349.240.000	200.230.000
2	Dự án Khu biệt thự Bãi Xếp	Công ty CP Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Quy Nhơn	80.000.000.000	2.400.000.000
3	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Ban Mai	Công ty TNHH Ban Mai	Phù Cát	280.000.000.000	3.741.851.608
4	Điểm du lịch Hòn Khô	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Quy Nhơn	30.052.467.000	753.198.000
5	Showroom ô tô Hyundai Bình Định, cửa hàng mua bán hàng trang trí nội thất và văn phòng cho thuê	Xí nghiệp thực phẩm Quy Nhơn	Quy Nhơn	15.177.600.000	455.328.000
6	Nhà máy may xuất khẩu Phước Sơn	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ May Phước Sơn	Tuy Phước	14.780.000.000	443.340.000
7	Cụm du lịch biển La Playa	Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Quy Nhơn Palace	Quy Nhơn	72.815.559.000	1.542.648.000
8	Nhà máy phân bón Nhật - Nam	Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất khẩu Thành Hưng	Quy Nhơn	165.000.000.000	3.728.674.000
9	Điểm bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch	Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát	Quy Nhơn	30.000.000.000	154.888.000
10	Trung tâm hội nghị, tiệc cưới Trọng Phát	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát	An Nhơn	10.685.407.800	320.562.000
11	Trung tâm trưng bày và mua bán ô tô	Công ty TNHH Thủy sản An Hải	Quy Nhơn	96.200.185.481	2.886.005.564
12	Trung tâm sát hạch lái xe giai đoạn 2	Công ty Cổ phần Đào tạo lái xe Tây Sơn	Quy Nhơn	10.200.000.000	153.000.000
13	Khu trưng bày, mua bán mai kiểng và sinh vật cảnh	Công ty TNHH Thảo Kim	An Nhơn	3.000.000.000	90.000.000
14	Nhà máy SX ván lạng, ván ép và chất đốt xanh Hồng Hải	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Hồng Hải	Tây Sơn	70.000.000.000	1.050.000.000
15	Dự án Khu dịch vụ thể dục thể thao Hoàng Yến	Công ty CP Thể dục Thể thao Hoàng Yến	An Nhơn	49.500.000.000	1.485.000.000
16	Dự án Nhà máy ấp trứng 3	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Tuy Phước	192.311.435.000	1.577.262.000
17	Dự án Kho cảng xăng dầu, kho bãi tổng hợp Bình An	Công ty Cổ phần Xăng dầu Bình An Bình Định	Quy Nhơn	430.113.734.641	5.801.138.000
18	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ Hoffman	Công ty TNHH Xây dựng công trình Bình Định	An Nhơn	5.581.000.000	167.430.000
19	Khu chung cư Thịnh Phát	Công ty TNHH Đầu tư BMT Fico	Quy Nhơn	215.461.816.000	6.463.854.000
20	Dự án Khu du lịch biển Casa Marina Island	Công ty CP Đầu tư Trường Thành	Quy Nhơn	200.000.000.000	3.571.724.739
Cộng=				1.984.228.444.922	36.986.133.911

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐÃ THÔNG BÁO NHƯNG CHƯA NỘP KÝ QUỸ
(Kèm theo Báo cáo số: 101 /BC-UBND ngày 06 /7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: Đồng

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa bàn	Tổng vốn đầu tư	Số tiền ký quỹ
1	Trung tâm Thương mại Dịch vụ tổng hợp Bá Sanh Đường	Công ty TNHH Bá Sanh Đường	Hoài Nhơn	23.600.000.000	708.000.000
2	Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ Đông Bắc cầu Tân An	Liên danh Công ty CP Kết cấu K2T và Công ty TNHH Xuân Chiến	An Nhơn	1.390.506.897.000	26.905.068.970
3	Khu nghỉ dưỡng La Costa	Công ty CP Đầu tư Thanh Linh Quy Nhơn	Quy Nhơn	60.000.000.000	1.800.000.000
4	Khu đô thị dọc hai bên đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng	Công ty Cổ phần đầu tư Tây Bắc	An Nhơn	604.500.000.000	15.090.000.000
5	Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa	Công ty TNHH Ngọc Lan Bình Định	An Nhơn	23.600.000.000	708.000.000
6	Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ Luxury Quy Nhơn	Công ty Cổ Phần Foodinco Quy Nhơn	Quy Nhơn	391.805.087.000	10.836.101.000
7	TT Thương mại - Dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ I-Tower Quy Nhơn	Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đô Thành	Quy Nhơn	1.740.852.834.000	30.408.528.000
8	Dự án Khu phức hợp BMC Quy Nhơn	Công ty TNHH Một thành viên VLXD và XLTM BMC	Quy Nhơn	1,395,187,000,000	26.951.870.000
9	Khu Ami Resort&Spa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	Quy Nhơn	63.000.000.000	1.890.000.000
Cộng=				4.297.864.818.000	115.297.567.970

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục Vb

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC HOÀN KÝ QŨY ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số: 101 /BC-UBND ngày 06 /7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

DVT: Đồng

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa bàn	Tổng vốn đầu tư	Số tiền ký quỹ	Số tiền đã ứng GPMB/DA đã xây dựng xong	Ghi chú
1	Trang trại nuôi bò thịt thương phẩm và trồng cây ăn quả	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 3 Ông	An Nhơn	4.800.000.000	144.000.000	Đã ứng GPMB 234.719.098	6534/UBND-TH - 29/11/2017
2	TMS Luxury Hotel Quy Nhơn Beach	Công ty CP Tập đoàn TMS	Quy Nhơn	600.000.000.000	15.000.000.000	Nhà đầu tư đã GPMB tương đương số tiền ký quỹ	5156/UBND-TH - 26/09/2017
3	Dự án Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục Liên ngành	Công ty TNHH Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục Liên ngành	Quy Nhơn	105.000.000.000	3.150.000.000	Khối lượng công trình lớn hơn số tiền ký quỹ	428/UBND-TH - 25/01/2017
4	Khu công viên nghỉ trang Bình Định An Viên	Công ty TNHH Xây dựng dịch vụ nghỉ trang An Lộc Phát	Quy Nhơn	241.651.032.000	7.249.530.960	Đã ứng GPMB 12.633.733.359	545/UBND-TH - 30/11/2017
5	L'avenir Quy Nhơn Hotel & Towers	Công ty TNHH TM Ánh Vy	Quy Nhơn	345.403.024.634	9.908.060.493	Đã ứng GPMB 30.145.919.000	6898/UBND-TH - 18/12/2017
6	Khu đô thị Bắc sông Tân An	Công ty TNHH Nam Phát Bình Định	An Nhơn	354.829.947.000	10.096.596.940	Đã ứng GPMB 10.244.034.588	6812/UBND-TH - 13/12/2017
8	Khu du lịch sinh thái Đàm Thị Nại (Thị Nại Eco Bay)	Công ty Cổ phần Thị Nại Eco Bay	Quy Nhơn	4.015.527.099.450	56.155.279.994	Đã ứng GPMB 127.081.107.965	180/UBND-TH - 11/01/2018
9	Mở rộng cơ sở chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm Minh Dư	Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	Tuy Phước	123.956.000.000	2.789.010.000	Đã ứng GPMB 3.017.172.000	1271/UBND-TH - 19/03/2018
10	Khu dân cư Đông Bàn Thành	Công ty TNHH Đầu tư Đông Bàn Thành	An Nhơn	721.333.657.000	17.426.673.140	Đã ứng GPMB 17.935.137.217	2514/UBND-TH - 10/05/2018
11	FLC Sea Tower Quy Nhơn	Công ty CP Xây dựng Faros	Quy Nhơn	1.800.000.000.000	31.000.000.000	Khối lượng công trình lớn hơn số tiền ký quỹ	2032/UBND-TH - 18/04/2018
12	Dự án kho bãi chứa hàng	Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Tuy Phước	10.000.000.000	300.000.000	Đã hoàn thành xong	1661/UBND-TH - 5/4/2018
13	Dự án nhà máy sản xuất ván ghép thanh xây dựng	Công ty TNHH Tổng hợp Sản xuất Thương mại Thanh Bình	Phù Mỹ	12.820.000.000	192.300.000	Đã ứng GPMB 43.5814.223	1661/UBND-TH - 5/4/2018
14	Dự án gạch không nung Phương Thảo	Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo	Tây Sơn	12.616.600.000	189.249.000	Đã ứng GPMB 508.101.000	1661/UBND-TH - 5/4/2018

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa bàn	Tổng vốn đầu tư	Số tiền ký quỹ	Số tiền đã ứng GPMB/DA đã xây dựng xong	Ghi chú
15	Dự án xây dựng nhà máy gạch ngói Huy Hoàng	Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện	Tây Sơn	20.410.000.000	306.150.000	Đã ứng GPMB 1.749.018.520	1661/UBND-TH - 5/4/2018
16	Trạm dừng nghỉ Hòa Hiệp Bình Định	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại - Dịch vụ Tổng hợp Hòa Hiệp	An Nhơn	11.020.000.000	332.750.787	Đã ứng GPMB 917.808.000	1845/UBND-TH - 13/04/2018
17	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH Gạch Gò Cây	Tây Sơn	5.400.000.000	81.000.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
18	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH Hùng Tiến	Tây Sơn	5.900.000.000	88.500.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
19	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH MTV Gốm Cổ	Tây Sơn	10.760.000.000	161.400.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
20	Dự án Nhà máy sản xuất chế biến gỗ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh tổng hợp An Phú Hiệp	An Lão	3.000.000.000	45.000.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
21	Nhà máy chế biến lâm sản	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Thương mại Trường Thịnh	Quy Nhơn	36.960.000.000	1.108.800.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
22	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hoàng Yên	Tây Sơn	6.270.000.000	94.050.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
23	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH Gạch không nung Thuận Phát	Tây Sơn	6.270.000.000	94.050.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
24	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH Gạch ngói Minh Tâm	Tây Sơn	5.400.000.000	81.000.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2018
25	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH VLXD Văn Việt	Tây Sơn	4.680.000.000	70.200.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2019
26	Dự án Nhà máy sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò Hoffman	Công ty TNHH Gạch An Phú	Tây Sơn	4.630.000.000	69.450.000	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2020
27	Xây dựng Trạm phát sóng BTS	Chi nhánh Viễn thông Bình Định	Quy Nhơn	651.149.000	19.534.470	Đã hoàn thành xây dựng xong	1238/UBND-TH - 16/8/2021
28	Cửa hàng buôn bán máy móc, thiết bị vận tải và bãi xe Đệ Nhất	Công ty TNHH Vận tải khách Đệ Nhất	Tuy Phước	10.000.000.000	225.000.000	Đã ứng GPMB 500.000.000	
Cộng=				8.479.288.509.084	156.377.585.784		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

KẾ HOẠCH VỐN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NSNN NĂM 2013 - 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	KH vốn NSNN đã bố trí giai đoạn 2013 - 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			KH vốn NSDP	KH vốn NSTW	
	Tổng cộng	12.248.528	9.260.263	2.988.264	
1	Kế hoạch vốn Ngân sách nhà nước năm 2013	1.623.962	1.226.230	397.732	
2	Kế hoạch vốn Ngân sách nhà nước năm 2014	2.123.805	1.743.096	380.709	
3	Kế hoạch vốn Ngân sách nhà nước năm 2015	2.670.298	1.900.767	769.531	
4	Kế hoạch vốn Ngân sách nhà nước năm 2016	2.373.374	1.930.099	443.275	
5	Kế hoạch vốn Ngân sách nhà nước năm 2017	3.457.089	2.460.071	997.017	